

HECTOR MALOT

VỀ VỚI GIA ĐÌNH

(ROMAIN KALBRIS)

HÀ MAI ANH
dịch thuật

SONG MÔI XUẤT BẢN
1971

MỤC LỤC

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA-ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch).

Chương I QUÊ-HƯƠNG TÔI

Chương II CHA TÔI

Chương III MỘT NGHĨA-CỬ

Chương IV SƯƠNG MÙ BÃI BIỂN

Chương V CÙ-LAO GIANH

Chương VI CHÚ TÔI

Chương VII VỀ QUÊ

Chương VIII QUYẾT RA ĐI

Chương IX TRẦN TRỤI

Chương X LÀM XIẾC

Chương XI NHỮNG CÁI RỦI-RO TRONG NGHỀ

Chương XII TRỐN VỀ BA-LÊ

Chương XIII THUYỀN-TRƯỞNG BẤT ĐẮC DĨ

Chương XIV VỀ VỚI GIA-ĐÌNH

VỀ VỚI GIA ĐÌNH

Tác giả: Hector Malot

Dịch giả: Hà Mai Anh

NXB: Sống Mới (1971)

Nguồn: tusachtiengviet.com



DTV-EBOOK.COM.VN

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA-ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Quê-hương tôi

Cha tôi

Một nghĩa-cử

Sương mù bãi biển

Cù-lao Gianh

Chú tôi

Về quê

Quyết ra đi

Trần-trụi

Làm xiếc

Những cái rủi-ro trong nghề

Trốn Về Ba-lê

Thuyền-trưởng bất-đắc-dĩ

Về với gia-đình

LỜI NÓI ĐẦU

Cũng như truyện Vô Gia-đình (*Sans Famille*) và truyện Trong Gia-đình (*En Famille*), truyện Về Với Gia-đình (*Romain Kalbris*) của HECTOR MALOT là một tiểu-thuyết giáo-dục.

Vai chính trong truyện cũng là một em bé như hai truyện trên, có khác là trong hai truyện kia tả lòng nhẫn-nại và chí phấn-đấu của hai đứa trẻ mà truyện Về với Gia-đình (1) nói lòng hăng-hái của một em bé yêu nghề đi biển.

Em bé đó tên là Do-Manh (*Romain Kalbris*) mới có 10 tuổi, nhà nghèo, cha mất trong một vụ cứu tàu. Mẹ cho con ở với một người chủ. Ông này biển-lận, ác-nghiệt quá, em phải bỏ đi định ra hải-cảng tìm việc làm. Giữa đường đói khát phải ở giúp việc cho một gánh xiếc. Việc làm nặng-nề quá sức của một đứa trẻ, em lại ra đi. Một người bạn cũ trong gánh xiếc nói trên lập mưu đưa em xuống

một tàu biển. Tàu ra khơi ngộ nạn, thủy-thủ thả xuống chạy. Một mình em chiến-đấu với phong-ba đã lái được con tàu vào bãi thoát chết.

Sau em nhớ mẹ trở về quê, hưởng được phần gia-tài của ông bác để lại và trở nên một ông chủ tàu. Trong lúc em lưu-lạc khốn cùng, em còn cứu được một cô bạn nhỏ thoát tay chủ gánh xiếc và đành chịu đói rách không thuận theo phường ăn-cắp để sinh-sống.

Truyện có nhiều tình-tiết ly-kỳ và những cử-chỉ của em đã tỏ ra một trẻ mẫn-tiếp, can-đảm, có nghị-lực và nhân-nghĩa, đáng làm gương cho các thiếu-nhi để biết tiến-thủ và tự-lập trong đời.

Saigon, ngày 2 tháng 5 năm 1960

Dịch-giả

(1) Về với Gia-đình đã đăng trong Tuần-san Thiếu-nhi Tuổi Xanh (1959-1960).

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA-ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương I **QUÊ-HƯƠNG TÔI**

TRÔNG địa-vị tôi ngày nay, các bạn chớ vội kết-luận rằng tôi là người tốt số. Tiền nhân tôi – nếu lời truyền không xuyên tạc – vốn kế-tiếp làm nghề đánh cá. Cha tôi là con út một gia-đình 11 người con. Ông tôi đã vất-vả lắm mới nuôi được đàn con, vì với cái nghề nói trên, đồng tiền kiếm được không xứng với công làm : cái khó-nhọc, cái nguy-hiểm vẫn cầm chắc, mà chút tiền kiếm được lại do sự rủi may.

Thuở 18 tuổi, cha tôi phải đăng vào Hải-quân, đó là một loại trưng-binh mà tất cả những người đi biển phải phục-vụ trong một thời hạn là 32 năm – từ 18 đến 50. Cha tôi lúc đi không biết đọc, biết viết, lúc về được đóng Cai-Nhất, một vinh-dự hiếm có đối với những người chưa từng bước chân vào trường học của Chính-Phủ bao giờ.

Thiên-Cảng, quê-hương của tôi ở gần những cù-lao thuộc Anh. Nhà-nước phải đặt ở đây một chiếc tàu binh nhỏ để ngăn-ngừa dân đảo Giéc-Xay khởi vào hải-phận nước Pháp đánh cá, đồng thời cũng để bắt buộc những người đi biển tôn trọng luật-lệ về ngư-nghiệp. Chính cha tôi được bổ về tiếp tục làm việc trên chiếc tàu ấy.

Đó là một ân-huệ, vì dù có quen lấy con tàu làm Tổ-Quốc, nhân-tâm ai cũng thích ở gần sinh-quán mình.

Cha tôi về được 15 tháng thì tôi ra đời. Hôm ấy là ngày thứ sáu, tháng ba, trăng tròn. Các bà-con đều đoán rằng số tôi phải phiêu-lưu, phải đi biển và sẽ phải thăng-trầm lắm nếu ảnh-hưởng của mặt trăng không cản nổi ảnh-hưởng của thứ sáu, ngày hung. Đời phiêu-lưu, tôi đã trải – tôi muốn kể lại cho quý-độc-giả nghe đây – những cuộc lữ-hành trên biển, tôi đã làm, còn sự tranh-dành ảnh-hưởng của mặt trăng và ngày thứ sáu rất là gay-go, xin quý-độc-giả nghe hết chuyện tôi kể, rồi sẽ kết-luận là ảnh-hưởng nào thắng ảnh-hưởng nào.

Tiên đoán những cuộc mạo-hiểm và cuộc lữ-hành tức là công nhận rằng tôi là đứa con chính tông vì họ Can nhà tôi, cha truyền con nối, đều là những tay đi biển. Nếu tục-truyền không sai thì khi xảy ra tác-chiến ở thành Từ-Loa, tổ-tiên tôi đã lập-nghiệp ở đây rồi.

Không phải chúng tôi tự nhận cái gốc-tích ấy. Chính các nhà bác-học đã cho rằng ở Thiên-Cảng có một trăm gia-đình – gia-đình chuyên nghề đi biển – do dòng-dõi dân Phê-ni-Xi phiêu-dạt đến. Thật vậy, mắt chúng tôi đen, da màu nâu sẫm, mũi nhỏ, khác hẳn người Noóc-Măng hay người Bơ-Tông. Không những thế, thuyền của chúng tôi phỏng đúng kiểu tàu chu-du của Tướng-Quân Uy-Lịch mà Thi-hào Ố-Me đã tả trong một bản anh-hùng ca bất hủ. Thuyền chỉ có một cột buồm và cánh buồm hình vuông, kiểu này rất thông-thường ở biển E-giê (giữa Thổ và Hy-Lạp), nhưng lại độc nhất ở biển Măng.

Về phần chúng tôi; ngược về đời các cụ, chúng tôi không nhớ mấy, gia-dĩ đời cụ nào cũng na-ná như cụ nào nên dễ lẫn. Khi người ta kể tiểu-sử một cụ nào thì câu chuyện không hề thay đổi: Thiếu-thời, người đi biển rồi chính ở trên biển hay ở hải-ngoại hay ở những xứ có những tên khó nhớ mà người đã chết trong nạn đắm tàu, trong trận-mạc hay trong tàu giam của người Anh – những bia trong nghĩa-địa mang tên một người con gái hay một người đàn bà góa thì nhiều, còn những bia ghi tên một người con trai hay một người đàn ông thì ít lắm vì những người này không chết ở quê-hương.

Tuy-nhiên, cũng như các họ khác, chúng tôi cũng có những người anh-kiệt : ông bác tôi đã là bạn thân với ông Sứ-Cư, một thuyền-trưởng trứ-danh và bác ruột tôi là Phồ-Hy đã là công-thần của Quốc-Vương Ấn-Độ, một nhà vua có rất nhiều voi. Từ ngày tôi đến tuổi hiểu-biết mỗi ngày tôi cũng được nghe đến mười lần người ta kể lại chuyện ông. Ông đã chỉ huy một toán quân chiến đấu với quân Anh. Ông có một cánh tay bằng bạc. Những thớt voi, chiếc cánh tay bạc, đều là chuyện thực, không phải hoang-đường.

Dòng họ Can bẩm-sinh thích mạo-hiểm, nên sau khi lập gia-đình được vài năm, cha tôi lại tái-đăng hải-dịch. Cha tôi được

làm phó thuyền-trưởng một trong những thuyền buồm, hàng năm cứ đến mùa xuân là vượt sang đảo Ích-Lan đánh cá. Cha tôi được làm việc cho Chính-Phủ nên cha tôi rất thích.

Tôi không nhớ rõ ngày cha tôi ra đi. Tôi chỉ biết dạo đó ngày thì gió bão, mà đêm thì mưa to.

Đã bao nhiêu lần, đêm đến, mẹ tôi thắp một ngọn nến, bắt tôi ngồi quay mặt vào để cầu kinh. Đối với chúng tôi, bão ở Thiên-Cảng là bão ở khắp nơi, và gió lay chuyển nhà chúng tôi là đồng thời lay chuyển cả chiếc tàu của cha tôi. Nhiều khi gió thổi mạnh quá, mẹ tôi phải đứng dậy để buộc cánh cửa sổ, vì nhà tôi là thứ nhà của những kẻ nghèo. Mặc dầu ở vào chỗ che kín: một bên là dốc, một bên là cái mũi tàu đâm còn trơ ba cột buồm, nhà tôi không sao cưỡng lại được những trận cuồng-phong của những tiết xuân-phân, hoặc thu-phân.

Một đêm tháng mười, tôi đang ngủ, mẹ tôi đánh thức tôi dậy : bão táp ghê gớm, gió gào, nhà chuyển răng-rắc. Nến tắt, không sao thắp đèn được.

Lúc nào ngớt gió, người ta nghe thấy tiếng sóng công phá bãi sỏi và tiếng nước đập vào hốc đá đùng đùng. Mặc dầu gió thét sóng gầm ; tôi vừa quỳ vừa ngủ lúc nào không biết : chợt một cánh cửa sổ bị gió rút ra và bay vào trong phòng vỡ tan từng mảnh. Một luồng gió tràn vào như cuốn mọi vật.

Mẹ tôi kêu lên :

– Trời ơi ! Cha con chết mất.

Mẹ tôi hay tin những điềm lạ xảy ra. Cách đêm bão táp này được vài tháng, có thư của cha tôi gửi về. Thì lạ quá cũng trong tháng mười trước, cha tôi cũng bị gió bão và suýt nguy. Mẹ tôi thấy thế lại càng tin lắm..

Giấc ngủ của vợ người đi biển chẳng bao giờ được yên, mơ-màng thấy tàu đắm hay mong-mỏi một lá thư không bao giờ đến. Đời của họ chỉ vắn-vơ giữa hai mối buồn đó.

Thuở ấy, bưu-cuộc chưa được tổ-chức như ngày nay. Người ta chỉ phân-phát thư tại sở thôi. Ngày nào có chuyển thư ở Tân-Địa về thì nhà bưu trạm bị dân-chúng bao vây đông-đặc. Có những thiếu-phụ bé con đứng đợi gọi tên mình. Có những người đọc thư với vẻ mặt tươi cười. Có những người vừa đọc vừa khóc.

Những người không có thư hỏi-hạn những người có thư. Câu: «*Không có tin, tức là bình-an*» (áp-dụng cho những người đi biển không đúng).

Đã sáu năm nay, có một bà đứng tuổi ngày nào cũng đến bưu-trạm đợi thư vì đã sáu năm nay bà chẳng nhận được lá thư nào. Bà ta tên là Duyên. Người ta kể lại rằng chồng bà ta cùng bốn con trai đi ca-nô ra khơi rồi biệt tích sau một cơn dông biển, người ta không hề tìm thấy xác ca-nô và xác người. Từ khi tin này lan đi, sáng nào bà ta cũng đến bưu-trạm. Người Trạm-trưởng bảo :

– Hôm nay bà không có thư, có lẽ đến mai.

Bà ta buồn rầu nói :

– Vâng! đến mai.

Rồi bà ta về để hôm sau lại đến. Người ta bảo bà ta là người ngẩn-ngơ.

Lần nào tôi đến nhà trạm cũng thấy bà ta ở đấy rồi. Ông Trạm-trưởng vừa làm nghề bán tạp-hóa vừa giữ việc phát thư. Cổ-nhiên, ông ấy tiếp những khách hàng đến mua muối hoặc cà-phê trước và để chúng tôi tha-hồ đứng đợi. Là chủ hiệu, ông ta đeo trước mình một cái khăn xanh và đội một cái mũ cát-két. Là Trạm-trưởng, ông ta mặc một cái áo vét dạ và đội một cái mũ nhung. Rất thận-trọng, không bao giờ ông đội mũ nhung để bán hạt-tiêu, cũng như không bao giờ để quên chiếc khăn xanh ngang mình khi phát thư vì ông biết rằng trong tay ông đang cầm một phong thư mà vận-mệnh của bao nhiêu người tùy thuộc vào đó.

Sáng nào, bà Duyên cũng kể lại cho tôi nghe : «Chồng con tôi đi đánh cá gặp bão lớn đánh dạt đi không trở lại được bến Yêu Thương, và trôi qua bến Hiền-Đức cũng không sao vào được. Nhưng em đã biết đối với một thủy-thủ như ông Duyên nhà tôi thì chẳng có cái gì là nguy-hiểm cả. Ông tất tìm được một cái tàu nào đó ở ngoài khơi và cùng các con thoát nạn.

Việc này thường thấy luôn như con trai mụ Lan cũng sống sót trở về. Có lẽ, con tàu đưa chồng con tôi sang Châu Mỹ. Khi trở về thằng Bé chắc lớn lắm. Lúc đi nó 14 tuổi, 14 tuổi và sáu năm, là

bao nhiêu nhỉ ? – Hai mươi năm – Hai mươi năm, nó thành người lớn rồi!»

Bà ta yên-trí là chồng con bà còn sống. Đến lúc lâm-chung bà vẫn tin rằng chồng con chưa chết. Vì thế mấy hôm trước, bà đã gửi Linh-Mục làng 3 đồng «20 phật-lăng» để cho thằng Bê khi nó trở về. Bà đã chịu đói khát thiếu-thốn để dành tiền cho đứa con út thương yêu.

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương II CHA TÔI

HẠN tái-đăng là ba năm nhưng cha tôi lại ở sáu năm. Khi cha tôi trở về thì tôi lên mười tuổi.

Hôm ấy là ngày chủ-nhật. Sau khi dự lễ Mi-Sa, tôi ra bến để xem tàu thương-chính về. Bên cạnh người cầm lái, tôi thấy một người lính thủy. Người đó dễ nhận vì mặc quân-phục, còn những người lính đoan thì vận áo va-rơ.

Đại-úy Huyền bỏ kính viễn-vọng xuống và bảo tôi :

– Do-Mạnh oi ! Cha em kia. Chạy xuống đón đi !

Tôi cố chạy cho mau, song chân cứ rùn ra.

Đến nơi, tàu đã áp bến và cha tôi đã lên bộ rồi. Người ta xúm-xít chạy lại bắt tay cha tôi. Mấy người định kéo cha tôi đến tiệm để uống rượu.

Cha tôi nói:

– Để đến chiều, tôi phải về với vợ con tôi.

– Con anh đây, chưa trông thấy à ?

Đến tối, trời lại mưa gió, chẳng ai buồn dậy thắp nến.

Trong sáu năm lữ hành cha tôi đã trông thấy nhiều điều lạ, và tôi là một thính-giả thường-trực của cha tôi. Trông bề ngoài, cha tôi cổ vẻ nóng-nảy cục-cằn, nhưng bề trong, cha tôi là người rất chịu-đựng và ôn-tồn. Cha tôi chịu khó kể cho tôi nghe, không phải những chuyện cha tôi thích mà những chuyện hợp với trí tưởng-tượng thơ-ngây của tôi.

Trong những chuyện lạ đó có một chuyện tôi nghe, nghe mãi không chán và hỏi lại luôn : đó là chuyện nói về bác tôi. Trong dịp ghé bến Can-quít-Ta , cha tôi nghe nói có một Đại-tướng tên là Phổ-Hy hiện làm Đại-sứ bên cạnh vị Thống-Đốc Anh. Những chuyện nói về ông ta thực là thần-kỳ. Ông vốn là người Pháp, tình nguyện đầu quân giúp vua Ba-Ra. Trong một trận quyết liệt đánh quân Anh, ông đã mạo-hiểm và cứu được một đạo-quân Ấn-Độ. Do đó, ông được phong là Đại-tướng. Trong một trận

khác, ông bị đạn bắn cụt hẳn một bàn tay. Ông cho làm một bàn tay giả bằng bạc thay vào. Khi trở về Thủ-Đô, ông dùng bàn tay bạc cầm cương ngựa.

Các thầy tu thấy thế đều quý cả xuống và cúi đầu thi lễ. Họ nói trong Kinh Thánh có chép lại rằng khi nào mà quân của nước họ được một người ngoại-quốc ở phương Tây đến chỉ-huy và vị tướng-lãnh đó có bàn tay bạc thì lúc đó nước Ba-Ra sẽ tới mức hùng-cường nhất. Cha tôi liền tìm đến yết-kiến Đại-tướng Phổ-Hy và được tiếp đãi rất nồng hậu. Trong tám ngày cha tôi được khoản-đãi như một ông Hoàng. Bác tôi có ý đưa cha tôi về Kinh-Thành xem nhưng, công-vụ rất nghiêm-chính, nên bác tôi không rời Can-quít-Ta được.

Chuyện này gây cho trí tôi một cảm-tưởng rất linh-hoạt: bác tôi chiếm hết cả tư-tưởng của tôi. Óc tôi chỉ mơ-màng đến voi, đến cảng. Mắt tôi chỉ trông thấy hai tên lính hầu có những bàn tay bạc theo sau bác tôi. Từ trước tôi vẫn cho người gác nhà Thờ làng tôi là oai nhất, nhưng bây giờ hai tên lính hầu của bác tôi làm cho tôi thương hại cái giáo mũi sắt và cái mũ có kết giải của người phu gác giáo-đường.

Thấy tôi hoan-cảm, cha tôi rất vui sướng nhưng mẹ tôi lại buồn. Mẹ tôi nói:

- Nói thế thì thằng Mạnh nó lại ham thích mạo-hiểm và đi biển.
- Thì nó sẽ làm như cha nó, và tại sao nó lại không làm như bác nó ?

«Làm như bác nó», cha tôi không ngờ câu nói đó đã đổ dầu thêm cho ngọn lửa chớm nhóm ở lòng tôi.

Mẹ tôi đành chịu cho tôi theo nghề đi biển. Nhưng lòng yêu thương vô hạn của mẹ tôi đã toan tính và muốn cho tôi bớt khổ nhọc trong bước đầu vào nghe vát-vả ấy. Mẹ tôi khuyên cha tôi thôi làm việc với Nhà-nước. Khi nào cha tôi đi đánh cá ở Ích-lan, tôi sẽ theo cha thôi để tập việc.

Dùng kế này, mẹ tôi mong giữ được cha tôi và tôi ở nhà ít ra cũng hết mùa đông, là mùa các người đánh cá đều trở về. Nhưng định-liệu của con người làm sao thắng được số trời ?

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương III MỘT NGHĨA-CỬ

CHA tôi về tháng tám. Đến tháng chín trời đã bắt đầu xấu vì thời tiết đã êm đẹp được ba tháng rồi. Mùa êm lặng đã hết, mùa gió bão bắt đầu. Người ta chỉ nói đến chuyện đắm ở ngoài khơi.

Mọi người đều lo-sợ vì là độ các người đánh cá ở Tân- Địa trở về. Giông-tổ lai-rai suốt ba tuần-lễ. Một buổi chiều kia, bỗng nhiên gió im bặt ở ngoài biển cũng như trên đất liền, tôi đã mừng rằng trời tạnh, nhưng đến bữa cơm tối, tôi nhắc cha tôi đến mai đi cất những lưới đã thả từ hôm bắt đầu mưa gió. Cha tôi cười và bảo:

– Ngày mai, bão sẽ dữ-dội hơn và bắt đầu từ phía tây đến. Ta xem mặt trời lặn trong đám sương mù đỏ, trời lấm sao, đất nóng, biển sôi. Tất có một trận bão kinh-khủng nhất mà con chưa hề trông thấy bao giờ.

Vì thế, hôm sau, đáng lẽ ra biển cất lưới, chúng tôi ở nhà nhặt đá xếp lên mũi tàu (tàu đắm đã lâu ở cạnh nhà) gió tây bắt đầu thổi từ sáng sớm. Không có mặt trời. Trên nền trời nhơm-nhech, chỗ chỗ có một vệt xanh dài. Nước triều xuống nhưng nghe xa có tiếng ù-ù.

Cha tôi đang làm việc trên mũi tàu, bỗng ngừng lại. Tôi bèn leo lên cạnh cha tôi. Ngoài khơi, chỗ chân trời có một điểm trắng nổi lên trên nền trời đen: Một chiếc tàu.

Cha tôi nói:

– Chiếc tàu kia muốn đắm.

Thực vậy, có gió tây thì bến Thiên-Cảng, không sao vào được.

Nhờ một lúc quang mây nên chúng tôi mới nhìn thấy chiếc tàu đó. Song con tàu lại biến mất trước mắt chúng tôi. Mây đen kéo dày-đặc và đùn lên rất nhanh tựa hồ như những cuộn khói từ một đám cháy lớn ở chân trời bốc lên.

Chúng tôi vào làng. Người ta chạy ra «đập» rất đông, vì ai cũng nhìn thấy một con tàu đang bị nguy.

Ở đằng xa cũng như ở chân chúng tôi, ở bên phải, bên trái và chung quanh chúng tôi, mặt biển chỉ là một làn bọt trắng, một áng tuyết rung-rinh. Biển lên nhanh hơn ngày thường với những tiếng ùng-ùng đình tai nhức óc. Những đám mây tuy có gió thổi nhưng vẫn nặng-nề và bay là-là mặt biển, như muốn đem hết trọng-lượng đè ép đám bọt trắng kia. Con tàu hiện ra to dần: đó là chiếc tàu nhỏ hai cột buồm nhưng lúc đó buồm cuốn lại hết.

Đại-úy Huyền nhìn ống kính xong nói:

– Đó là tàu của anh em Lê-Hưng.

Anh em Lê-Hưng là hăng tàu giàu nhất trong miền.

Đại-úy nói tiếp :

– Kia họ kéo cờ hiệu. Họ đòi hoa-tiêu.

– Phải rồi! Họ cần hoa-tiêu. Nhưng ra làm sao được ?

Người trả lời câu đó. Chính là Hoa-tiêu Huy-Sa. chung quanh là những người trong nghề cả, không ai cãi lại vì Huy-Sa nói rất phải, sóng gió thế này không sao ra được.

Ngay lúc đó, người ta thấy người anh cả chủ hăng Lê-Hưng ở trong làng đang hốt-hải chạy ra. Ông ta không biết sức gió thế nào nên vừa ra khỏi cổng làng thì bị bay lộn mấy vòng và ngã dí xuống đường như một gói quần-áo. Cổ lóp-ngóp dậy, ông bước thót-thếu, đâm đầu đi lảo-đảo như người bơi trong sóng, sau cùng đến được pháo-đài, chỗ chúng tôi đang trú ẩn.

Một phút sau, người ta biết chiếc tàu kia là của ông, mới đi biển lần thứ nhất.

Ông Lê-Hưng liền kéo mũ trùm đầu của Huy-Sa và bảo :

– Hai mươi xu một thùng rượu, nếu ông đưa vào được.

– Muốn đưa vào, trước hết phải có thể ra mới được

Lúc đó, sóng tràn qua đập, gió cuốn cả rong, cả cát, cả mái đồn cùng với bọt sóng quăng đi, những mảnh mây bị cắt đứt và đưa ra khơi đã đen lại đen thêm trên mặt biển trắng xóa. Con tàu không thấy hoa-tiêu ra, liền lảng ra, chạy vát để đợi.

Đợi cũng đăm, mà vào không có hoa-tiêu lại càng dễ đăm.

Người làng chạy ra càng đông.

Ông Lê-Hưng cứ gào :

– Hai mươi xu một thùng ! Bốn mươi xu! Các anh đều thế cả. Khi người ta không cần thì túa ra biển. Khi nguy-hiểm thì các anh đều núp ở nhà.

Không ai trả lời; ông ta càng tức :

– Các anh là đồ vô dụng. Ba trăm ngàn phật-lăng vút xuống biển. Các anh hèn lắm.

Cha tôi chạy ra :

– Cho tôi chiếc thuyền, tôi ra.

– Anh, anh Can-Bích, anh là người hào-hiệp.

Hoa-tiêu Huy-Sa nói:

– Nếu anh Can-Bích ra, tôi cũng ra.

Ông Lê-Hưng lại rao :

– Hai mươi xu một thùng, tôi không nói sai.

Ông già Huy-Sa nói:

– Không cần, cái đó tôi ra không phải vì ông. Nhưng nếu tôi không trở về mà vợ tôi ngày chủ-nhật có đến xin ông hai xu thì ông đừng từ chối nhé.

Ông Lê-Hưng nói:

– Anh Can-Bích! Tôi sẽ nuôi con anh.

– Chưa đủ. Ông phải mượn Hai Sôm cho tôi chiếc thuyền.

Chiếc thuyền đó tên gọi Thánh Giăng chạy buồm ở bờ biển rất giỏi bất cứ thời-tiết nào.

Hai Sôm nói:

– Tôi bằng lòng. Nhưng tôi chỉ biết cho anh Can-Bích mượn thôi và phải đem về trả tôi.

Hai người ra không đủ, cần người thứ ba nữa: một người anh họ tôi chạy ra.

Cha tôi ôm tôi vừa hôn vừa nói, mà bây giờ tôi vẫn còn nhớ giọng cha tôi:

– Không biết thế nào! Con bảo mẹ con rằng cha hôn mẹ con.

Thuyền Thánh Giăng đi vòng bờ đập.

Khi tàu Lê-Hưng trông thấy, đổi đường và tiến thẳng về phía hải-đăng. Mười phút sau hai cái gặp nhau: chiếc thuyền đi sát vào mạn tàu và ngay lúc đó thuyền quay như chong chóng, hai chiếc đã buộc vào nhau.

Một tiếng kêu lên:

– Dây kéo không chắc đâu.

Người khác nói:

– Nếu dây không đứt thì hai cái vẫn không áp được vào nhau.

Thực vậy, người ta xem ra thuyền Thánh Giăng không sao vào gần được để cho Huy-Sa lên trên tàu. Thuyền không tan-tành, thì Huy-Sa cũng bị rơi xuống biển mất.

Cái nọ kéo cái kia, hai cái đều bị một luồng gió đẩy, một con sóng dồn, con tàu và chiếc thuyền tiến vào gần. Khi con tàu chúi mũi xuống, sàn tàu dựng ngược lên, người ta thấy các thủy-thủ đứng không vững phải gập cái gì bám vào cái ấy.

Ông Lê-Hưng kêu :

– Leo lên đi ! Lên đi !

Đã ba bốn lần, Huy-Sa cố leo lên. Nhưng không được. Sau cùng con tàu nghiêng vào phía thuyền Thánh Giăng, nhờ đợt sóng đưa tàu lên và hạ tàu xuống, Huy-Sa liền bám vào mạn tàu, chỗ buộc dây buồm leo lên.

Lập tức, tàu vun-vút chạy vào nhanh như bão, chỉ kéo đủ buồm để lái. Nó chúi mũi, chúi lái, nó tròng-trành, rồi rập hẫng sang bên này, sang bên kia như muốn trở buồm. Một cơn gió giật cuốn phăng chiếc buồm vuông và xé tan các buồm khác. Con tàu hết chỗ tựa để lái, chạy xiên-xẹo và cách cửa bến chừng hai, ba trăm mét. Mọi người đều thất vọng và kêu lên.

Thuyền Thánh Giăng còn lại cha tôi và anh họ tôi chạy theo tàu và cách nhau một quãng ngắn. Mắt tôi lúc đó để vào thuyền cha tôi. Khi tàu vào cửa lạch, tôi không thấy thuyền cha tôi đâu. Tôi nhìn ra thì hãy còn ở ngoài đập. Con tàu vận chuyển lúng túng làm vướng lối vào đã hẹp nên chiếc thuyền bị lỡ, phải chạy thẳng sang vũng bên tay phải là nơi biển thường bớt sóng trong những trận bão nhỏ.

Nhưng ngày hôm ấy, vũng đó cũng như khắp mặt biển, chỗ nào cũng nổi sóng dữ-dội, và lại ngược gió nên con thuyền không sao tiến vào được. Buồm phải kéo xuống ; neo phải bỏ ngay. Sóng từ ngoài khơi cứ kế tiếp chồm vào bãi. Con thuyền chĩa mũi ra đỡ. Từ chỗ thuyền neo đến bãi có một lớp đá ngầm trước đó nửa giờ còn lộ-nhô trên mặt nước.

Chiếc neo kia có vững chăng?

Tôi còn nhỏ dại, nhưng tôi cũng thấy cái thời-gian chờ đợi đó dài quá và ghê sợ quá.

chung quanh tôi, người ta bàn-tán :

– Cứ đứng đấy thì cũng chìm, mà vào bãi thì tan từng mảnh.

– Can-Bích bơi giỏi lắm.

– Bơi à ? Có mà chết!

Thực vậy, lúc đó một tấm ván mỏng có thể chìm sâu trong xoáy nước, xáo trộn nào cở nào sỏi với bọt trắng tinh.

Trong khi tôi đang thở hì-hạch, tôi thấy ở đằng sau có người nắm lấy hai cánh tay tôi. Mẹ tôi đã chạy đến, mặt xám ngắt.

Người ta vây lấy chúng tôi, Đại-úy Huyền và mấy người nữa.

Người ta nói, người ta giải thích cho chúng tôi yên lòng. Nhưng mẹ tôi cứ đứng im và nhìn ra ngoài biển.

Thình-lình, một tiếng kêu át cả tiếng bão :

– Neo tuột rồi !

Mẹ tôi ngã gục và lôi cả tôi xuống.

Khi tôi ngửng đầu lên, tôi trông thấy thuyền Thánh Giăng bị một ngọn sóng lớn trù lên và đưa vào đám đá ngầm. Khi ngọn sóng lũng xuống thì chiếc thuyền tự-nhiên dựng ngược lên và quay mấy vòng rồi tôi chỉ còn trông thấy một lớp bọt trắng.

Mãi hôm sau, người ta mới tìm thấy tử-thi cha tôi cụt cả tay. Còn xác anh tôi thì không tìm thấy.

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương IV

SƯƠNG MÙ BÃI BIỂN

SUỐT sáu năm trời, chỗ ngồi của cha tôi vẫn bỏ trống ở đầu bàn ăn. Sự trống-trải đó không buồn-phấn và ghê-gớm bằng sự trống-trải sinh ra sau ngày tai-nạn.

Cái chết của cha tôi không đến nỗi rút chúng tôi vào cảnh bần-cùng, vì chúng tôi còn có nhà cửa và một chút đất. Tuy-nhiên mẹ tôi vẫn phải làm thêm để sinh sống.

Mẹ tôi thuê đan có tiếng trong vùng. Mũ bon-nê Thiên-Cảng là thứ mũ đẹp nhất ở miền duyên-hải nên mẹ tôi có rất nhiều khách hàng.

Anh em ông Lê-Hưng cũng nghĩ đến việc giúp-đỡ chúng tôi.

Ông Cả bảo mẹ tôi:

“Cứ nửa tháng, em tôi nuôi mẹ con bà một ngày, rồi nửa tháng sau tôi lại nuôi một ngày. Hai tuần-lễ giúp bà một ngày thế cũng là cố-gắng lắm.”

Có thể thôi. Thì ra mạng một người cũng không đắt lắm.

Ngày ấy, ít nhà có đồng-hồ người ta căn-cứ vào mặt trời để làm việc. Tôi đi học một buổi sáng và chiều là những lúc tôi ở nhà.

Nếu mẹ tôi đi vắng thì tôi đi chơi thả cửa. Sở-thích nhất của tôi là đi la-cà trên bờ đập lúc nước triều lên và lang-thang ngoài bãi lúc nước triều xuống.

Một buổi nước triều lên to, tôi trốn học đi chơi. Một sự gặp-gỡ bất-ngờ xảy đến đã định-đoạt đời tôi. Ngày ấy là cuối tháng chín. Nước triều thứ sáu sẽ rút mạnh để lộ những núi đá con mà đã từ lâu bị nước phủ không trông thấy. Sáng thứ sáu đáng lẽ đi học, tôi trốn ra bờ biển ngồi. Trong khi đợi nước xuống, tôi lấy bánh ra ăn. Còn hai giờ nữa nước triều mới rút.

Nước biển dâng đầy và đứng lạng lâu quá. Tôi nóng cả ruột. Sau cùng nước rút ào-ạt rất nhanh. Tôi giấu cặp sách và guốc của tôi vào một hốc đá rồi chạy theo nước ra bãi biển.

Bãi biển phần nhiều là cát, nhưng thỉnh-thoảng có những mô đá lổm-nhổm đâm lên, vì thế lúc nước triều lên trông như một đám cù-lao nhỏ đen đen. Khi tôi đang đứng cạnh một hòn để bắt cua nấp trong những đám rong, bỗng nghe có tiếng gọi.

Kể có tật hay giật mình. Tôi luống cuống. Nhưng khi trông ra, tôi hết sợ vì người vừa gọi tôi đó không có phận-sự đuổi tôi về trường. Đó là một ông già râu dài và bạc mà ở đây ai cũng gọi là ông Chủ-nhật vì ông có một người đầy-tớ gọi là anh Thứ Bảy. Chính tên ông là Biên-Gia ở tại một cù-lao nhỏ cách Thiên-Cảng độ 15 phút. Ông có tiếng là một người kỳ-cục mà quanh vùng này ai cũng biết. Ông có một cái dù to lúc nào cũng che lên đầu. Ông thích cái tịch-mịch, tính ông rất tốt và cũng rất sẵn sàng đối với mọi người.

Ông hỏi:

– Này bé! Mà làm gì thế ?

– Tôi bắt cua.

– Thôi, để cho nó yên, lại đây với ta. Xách túi cho ta, mà sẽ không phải phàn-nàn đâu. Tên mà là gì? !

– Do-Mạnh, họ Can.

– A! Thế ra mà là con ông Can-Bích đã bỏ mình năm ngoái vì cứu một chiếc tàu bị bão. Cha mà đáng là một người.

Tôi hãnh-diện vì cha tôi. Lời nói đó làm cho tôi rất bằng lòng ông Biên-Gia.

Ông xoa đầu tôi và nói:

– Mà mới mười tuổi. Hôm nay thứ sáu và đúng buổi trưa, mà chơi ở đây, đích là trốn học rồi.

Tôi đỏ mặt nhìn xuống đất.

Ông nói tiếp:

– Mà trốn học, ta biết, để làm gì rồi. Đừng run sợ, ta không phải là thầy bùa. Hãy nhìn ta. Mà rình nước triều để bắt cá.

– Thưa ông, đúng thế. Và tôi còn muốn đi xem Hòn Đầu-Chó. Hòn Đầu-chó là một mô đá ít khi lộ ra.

– Ta cũng thế. Ta đi ra Hòn Đầu-Chó. Vậy xách túi theo ta.

Tôi yên lặng theo ông.

Mặc dầu tôi không muốn nói, ông cứ bắt tôi trả lời về những câu ông hỏi tôi luôn miệng. Tôi cứ lẻo đẻo theo ông để làm việc trả

lời. Không đầy 15 phút, ông đã hiểu hết mọi chuyện về tôi, về cha tôi, về mẹ tôi, về gia đình tôi. Khi tôi nói đến chuyện Bác tôi ở Ấn-Độ thì ông thích nghe lắm.

Ông nói:

– Thực là lạ lùng. Đó là một người có óc mạo-hiểm lớn, máu Noóc-Măng hòa với máu Phê-Ni-Xi có khác. Không biết giòng họ Can từ đâu đến.

Trong khi hỏi chuyện tôi, ông không quên nhìn xuống mặt bãi chúng tôi đang đi và thỉnh thoảng lại sai tôi nhặt những con ốc hay những vỏ lạp bỏ vào trong túi gai.

Gặp mỗi con ốc hay mỗi ngọn cỏ, ông lại hỏi tôi:

– Tên nó là gì, mày có biết không?

Tôi cứ như người câm vì tôi có quen những thứ ốc, thứ cỏ ấy thực, nhưng không biết tên.

Ông phát cáu, bảo tôi:

– Mày là con những dân ở đây phải lắm. Đối với họ, biển chỉ giải nghề cướp phá. Chính là kẻ thù muôn thuở phải chống chọi. Không bao giờ họ nghĩ rằng biển là một người mẹ nuôi dưỡng ta cũng như đất.

Xong ông chỉ vào một hốc đá đầy nước và gọi tôi:

– Lại đây. Ta phải cho mày biết qua thế nào là biển. Cái này là cái gì ?

Ông chỉ cho tôi một thứ cây thân sắc hung, gốc bám vào đá, trên đầu có một loa vàng chung quanh có những tua trắng như tuyết.

– Đó là một loài cỏ hay loài vật ? Mày không biết, phải không? Nó chính là con vật. Nếu ta có thì giờ đứng đây lâu, ta sẽ trông thấy nó tách ở chỗ này để rồi ra chỗ khác. Chứ những bông hoa mày đã biết, có đi được bao giờ? Mày hãy nhìn gần xem những cái như cánh hoa nó duỗi ra, co vào và đưa đẩy được. Các nhà bác-vật gọi nó là hải-quì. Muốn tin chắc đó là con vật, bây giờ mày cố kiếm một con tôm. Mày vẫn biết một bông hoa không biết ăn bao giờ, có phải không ?

Xong, ông cầm con tôm tôi đã bắt được ném vào giữa cành hoa hải-quì, cành hoa từ từ cúp lại và con tôm bị nuốt biến.

Trong một cái hồ nước gần đây tôi trông thấy một con cá đuối con. Nó chúi vây vào cát để ẩn nhưng những đốm nâu và trắng ở mình nó làm cho tôi nhận ra. Tôi bắt đem cho ông Biên-Gia.

Ông nói :

– Mày bắt được con cá này vì mình nó đốm, nên mày mới biết. Chính những đốm ấy đã vô-tình mách những con ác-ngư khác. Ở dưới đáy biển luôn luôn có một cuộc chiến-tranh toàn-diện trong đó kẻ nọ giết kẻ kia, cũng như thường xảy ra ở trên mặt đất, mục-đích chỉ để thỏa ý thích hay để lấy tiếng mà thôi. Những con cá đuối khốn-nạn kia bơi vụng nếu tạo-hóa không phú cho cách thủ-thân thì đã hết giống rồi. Mày nhìn kỹ đuôi nó xem, có những gai nhọn như mũi giáo đâm ra tua tủa. Khi chạy nó giương đuôi ra để chống đỡ, quân thù đứng trước bức chắn đó đành chịu rút lui. Đó là qui-luật quân-bình trong vũ-trụ mà mày có thể nhận thấy hôm nay, rồi mai hậu mày sẽ hiểu thấu. Nghe giảng, tôi lấy làm thích thú, sự dút-dát bỗng dừng biến mất.

Tiến theo mực nước xuống, chúng tôi đi mãi và tới Hòn Đầu-Chó. Dừng lại ở đó bao lâu, tôi không biết vì tôi không nghĩ đến thì-giờ. Tôi nhảy từ mỏm đá này đến mỏm đá kia, tôi mang về cho ông Biên những ốc hến và những cây cỏ mà tôi mới nhìn thấy lần thứ nhất. Thấy cái gì lạ là tôi nhét vào túi để rồi lại vút đi lấy chỗ cho các vật khác kỳ-dị hơn.

Chợt trông lên, tôi không thấy bờ biển đâu cả, vì nó bị một làn sương mỏng che khuất. Nền trời xanh xám lại. Biển ở sau lưng chúng tôi im lặng như tờ.

Nếu tôi có một mình thì tôi đã trở về ngay vì tôi biết sương xuống rất khó tìm lối trên bãi cát mênh-mông. Nhưng thấy ông Biên không nói gì, tôi cũng không dám nhắc.

Lúc đó làn sương ở bờ biển lan dần về phía chúng tôi như một đám khói xanh từ mặt đất bốc thẳng lên trời.

Ông Biên nói :

– A ! Nhiều sương quá. Nếu chúng ta không muốn chơi một trò “bịt mắt” nguy hiểm thì nên trở về. Mày xách túi cho ta.

Nhưng ngay lúc đó, một đám mây kéo đến và vượt qua chúng tôi. Chúng tôi chẳng nhìn thấy gì nữa, không trông thấy bờ,

không trông thấy biển đâu nữa, mặc dầu biển chỉ cách chỗ chúng tôi chừng năm mươi bước.

Ông Biên bình-tĩnh nói :

– Biển ở đây kia. Chúng ta cứ việc đi thẳng mà về.

Nhưng đi thẳng trên bãi cát không nhắm cái gì để làm đích thì đi làm sao ? Hơn nữa chúng tôi ở cách bờ có tới nửa dặm đường. Đi chưa được mười phút, chúng tôi lại bị một đám đá chắn ngang.

Tôi nói :

– Đây là Hòn Xanh.

Ông Biên bảo :

– Đây là Hòn Bản.

Tôi cãi:

– Thưa ông. Hòn Xanh.

Ông lấy tay sẽ đập vào má tôi và bảo:

-A! Bướng nhỉ ?

Nếu đám đá ấy là Hòn Xanh, chúng tôi chỉ có việc đi ven đám đá ấy về tay phải là đến gần Thiên-Cảng. Trái lại, nếu là Hòn Bản, chúng tôi phải đi về tay trái thì mới không sợ quay lưng vào làng.

Ban ngày, hai hòn đá ấy dễ phân biệt lắm, cả ban đêm nếu có ánh trăng cũng nhận được. Nhưng trong buổi sương mù này, chúng tôi chỉ nhìn thấy một đồng đá rong phủ đứng lù lù. Có thể thôi.

Ông Biên nói:

– Thử lắng tai xem. Tiếng động ở trên bờ sẽ chỉ đường cho ta. Chúng tôi cố lắng tai nhưng chẳng nghe thấy tiếng gì cả, tiếng trên bờ cũng không, mà tiếng dưới biển cũng chẳng có. Không có một hơi gió. Chúng tôi như bị chìm đắm trong đám bông trắng nó nút hết tai, bịt hết mắt chúng tôi.

Ông Biên nói:

– Chính là Hòn Bản.

Tôi không dám cãi thêm nữa, ngoan-ngoãn theo ông và quay sang bên trái.

Ông ôn-tồn nói:

– Mày đi gần lại đây. Đưa tay ra dắt để hai người khỏi rời nhau. Một, hai! Một, hai! Chúng ta bước đều.
Đi được độ 10 phút, tôi thấy tay ông siết mạnh tay tôi. Chúng tôi nghe thấy tiếng nước vỗ nhẹ. Chúng tôi nhăm rôi. Đám đá ấy là Hòn Xanh. Chúng tôi đã tiến thẳng ra biển.

Ông Biên nói:

– Mày nói đúng, đáng lẽ phải rẽ về tay phải. Bây giờ ta lộn lại đi. Lộn lại chỗ nào? Biết đi phía nào bây giờ?

Trời mỗi lúc một mờ thêm vì lớp sương đã dày lại thêm bóng đêm bắt đầu xuống. Từ nãy, chúng tôi đã không nhìn rõ đầu ngón chân chúng tôi, mà ông Biên cũng không sao xem được đồng-hồ. Lúc đó chừng 6 giờ: nước triều bắt đầu lên.

Ông nói:

– Chúng ta phải rảo bước. Nếu sóng đến chân, nó sẽ vượt ta ngay vì nó có «giây bảy dặm».

Thấy tay tôi run run, ông biết tôi sợ. Ông nói:

– Con ơi! Đừng sợ. Gió sẽ nổi từ trong đất và khua hết sương mù ra biển. Vả lại ta sẽ trông thấy Hải-đăng sắp thấp bây giờ. Câu đó không làm cho tôi yên dạ vì tôi đã biết không sao nhìn thấy ánh Hải-đăng được. Trước đây mấy phút, tôi đã nhớ đến ba người đàn bà năm ngoái ra bãi cũng gặp nạn sương mù như chúng tôi và bị chết đuối cả. Tôi liền khóc hu hu. Ông Biên không giận-dữ, an-ủi tôi bằng những câu ngọt-ngào.

Ông bảo tôi:

– Chúng ta kêu to lên may ra có lính đoan trên bờ nghe thấy, họ sẽ trả lời.

Chúng tôi kêu: ông gào to, tôi vừa kêu vừa khóc. Chả có ai trả lời cả. Tiếng vang cũng không.

Ông nói:

– Chúng ta cứ đi. Con còn đi được không?

Ông kéo tay tôi và chúng tôi đi băng-quơ. Tôi nhận thấy ông cũng buồn và không tin vào lời nói của mình.

Đi được độ nửa giờ dài dằng-dặc, tôi hoàn toàn thất-vọng, buông tay ông ra và ngồi phịch xuống bãi.

Tôi vừa khóc vừa nói:

– Thưa ông, xin ông bỏ cháu ở đây để cho cháu chết.

– Có thể nào người ta chết được khi người ta còn có một người mẹ? Thôi con đứng dậy. Lại đây với ta.

Nhưng tôi cứ ngồi yên không nhúc-nhích.

Chợt tôi kêu lên một tiếng :

– Ông ơi

– Gì thế, con?

Tôi kéo bàn tay ông áp xuống mặt cát bên cạnh tay tôi và hỏi:

– Ông thấy gì không? Nước đấy!

Bãi biển miền chúng tôi toàn cát sâu và dễ ngấm nước khi thủy-triều rút rồi, cát nhả dần nước ra. Những sợi nước đó hợp lại thành mạch nhỏ chảy ngầm ta không nhìn thấy. Nó theo sườn bãi mà ra biển. Chính bàn tay tôi đã ngăn trúng một mạch nước đó.

Tôi giơ tay về đầu chiều nước và nói:

– Bờ biển ở đằng này.

Rồi tôi đứng phắt dậy. Hy vọng đã trả lại sức cho chân tôi.

Tôi đi trước. Thỉnh-thoảng lại cúi xuống áp bàn tay vào mặt bãi dò chiều nước và đi ngược lên.

Ông Biên khen tôi :

– Con là đứa trẻ thông-minh. Không có con chắc-chắn là chúng ta bị lạc.

Lát sau, tôi không dò thấy nước, ông lộ ý lo-sợ. Chúng tôi đi vài bước nữa, tay tôi sờ xuống thấy toàn cát khô :

– Không thấy nước nữa.

Ông liền cúi xuống và sờ bằng cả hai tay, chỉ thấy cát ẩm dính vào các ngón tay.

Ngay lúc đó tôi nghe hình như có tiếng nước vỗ bập-bênh đâu đây.

Ông Biên nói :

– Con nhầm rồi, chúng ta đi ra biển.

– Thưa ông, không. Nếu chỗ này gần biển tất cát phải ướt hơn Ông không nói gì và đứng dậy. Chúng tôi phân-vân. Lại bị lạc một lần nữa. Ông rút đồng-hồ ra. Tối quá không nhìn thấy kim, ông vịn chuông. Nó đánh sáu giờ ba khắc.

– Nước lên hơn một giờ rồi.

-Thưa ông, nếu thế thì chúng ta gần đến bờ rồi.

– Đây là cái rạch ở trước mặt ta.

– Cháu cũng nghĩ thế.

Thực vậy, bãi biển có nhiều “cát động” nên không bằng phẳng lắm. Đây đó có những cồn nổi lên. Cái nọ cách cái kia bằng những lũng nhỏ. Khi nước triều lên, những lũng đó bị ngập trước tiên còn cồn thì khô như những trái cù-lao. Nước tràn từ lũng nọ sang lũng kia như một con sông con. Chúng tôi đang đứng trước một con sông con đó. Nó có sâu không ? Tất cả vấn-đề là ở đó.

Ông Biên bảo tôi :

– Chúng ta lội đi. Con nắm chặt tay ta..

Tôi ngập ngừng, ông bảo :

– Con sợ ướt à ? Một đằng ướt chân, một đằng ướt đầu, con muốn đằng nào ? Ta, ta muốn ướt chân hơn.

– Thưa ông, không. Lội thì chết đuối mất.

– Thế chịu đứng đây để sóng biển cuốn đi à ?

Tôi xuống nước. Vì tôi thấp quá, không có cái thân cao như ông Biên nên không mấy lúc mà chân không tới đất. Nhưng không sao, tôi bơi giỏi như cá. Lát sau, chúng tôi đã ra khỏi nước và lên được bãi rồi. Ông thở khoan-khoái, tỏ rằng ông đã lo-sợ biết bao nhiêu.

Ông nói:

– Ta hãy làm một điều thuốc, vì đáng được thưởng công.

Ông vừa sờ vào thuốc thì kêu lên :

– Thuốc thành bã cà-phê cả rồi! Còn cái đồng-hồ nữa, chắc nó đang xoay trong nước như bánh xe cối xay ! Anh Thứ Bẩy thấy thế sẽ nói gì?

Ông vui, tôi cũng hết sợ. Tai-nạn đã thoát được rồi.

Nhưng chưa thoát được. Quãng đường về còn dài hơn nhiều quãng đường đã vượt qua. Mà chúng tôi vẫn bị bao vây bởi những mối hiểm-nghèo như trước.

Lớp sương vẫn dày thêm. Đêm đã xuống. Trước mặt chúng tôi ; một trạng-thái yên-lặng nặng-nề. Sau lưng chúng tôi tiếng nước triều dâng ùng-ùng. Đó là cái địa-bàn duy-nhất của chúng tôi, lúc bấy giờ, nhưng nó không được thực lắm và dễ phản-bội chúng tôi.

Qua rạch rồi, chúng tôi dần dần thất vọng. Thành-linh, chúng tôi đứng dừng cả lại. Một tiếng chuông xé tan bầu không-khí bao-bọc chúng tôi.

Hai, ba giây sau, chúng tôi nghe thấy tiếng thứ hai rồi tiếng thứ ba.

Đó là chuông cầu kinh buổi tối ở nhà Thờ Thiên-Cảng. Cứ đi thẳng về phía có tiếng chuông phát ra là chúng tôi thoát nạn. Chúng tôi cầm đầu chạy.

Ông Biên bảo tôi:

– Chạy nhanh lên. Chuông cầu kinh không dài đâu.

Xúc-động quá, chúng tôi chạy không kịp thở, tai vẫn đếm từng tiếng chuông. Nếu chuông dứt mà chúng tôi chưa tới được bãi sỏi thì vẫn có thể bị lạc như thường.

Chuông im. Chúng tôi vẫn trơ-vơ trên bãi cát, kinh hãi vô cùng. Chúng tôi chỉ còn mong gió đánh tan sương mù để tìm ánh Hải-đăng. Nhưng sương xuống mỗi lúc một dày, đợi gió lên, có mà phép lạ.

Phép lạ hiện ra thật. Chuông thôi đánh rồi bỗng lại rung liên tiếp.

Đó là chuông lễ “Rửa tội”. Lần này chắc-chắn chúng tôi về đến nơi. Chuông lễ rửa tội thường kéo dài đến nửa giờ có khi hơn tùy theo người cha đỡ-đầu dàn-xếp để tăng sức cho người kéo chuông.

Không đầy mười phút, chúng tôi tới bãi sỏi, rồi đến con đường nối cù lao của ông Biên với bờ biển. Chúng tôi thoát chết.

Ông Biên bảo tôi vào nhà ông nhưng tôi từ-chối. Tôi cần về, có lẽ ở nhà mẹ tôi đang mong.

Ông nói:

– Vậy con về và nói với má con là chiều mai ta sẽ đến thăm.

Lòng tôi không muốn có cái cuộc đến thăm ấy vì ông sẽ kể hết với mẹ tôi chuyện tôi trốn học đi chơi.

Khi tôi đến nhà thì mẹ tôi chưa về. Lúc mẹ tôi về thì đã thấy tôi mặc quần-áo khô ngồi bên lò lửa mà tôi đã nhóm.

Chiều hôm sau, đúng lời hẹn, ông Biên đến chơi. Tôi đứng rình ngoài cửa, nghe thấy tiếng người bước vào, tôi định lẩn trốn.

Sau khi an toạ, ông hỏi mẹ tôi:

– Cháu đã kể cho bà nghe những việc cháu đã làm hôm qua chưa?

– Thưa ông, không !

– Cháu trốn học suốt ngày hôm qua.

Mẹ tôi buồn rầu nhìn tôi và nói:

– Thằng Mạnh, giỏi thực !

Ông Biên đỡ lời:

– Bà đừng mắng cháu. Cháu trốn học thực nhưng đồng thời cháu đã cứu tôi thoát chết. Bà có đứa con khá lắm. Bà có thể tự hào được, bà ạ.

Rồi ông kể tại sao ông gặp tôi và chúng tôi đã bị sương mù làm lạc lối thế nào.

Ông tiếp tục :

– Thưa bà, bà xem nếu không có cháu, tôi đã bị nạn rồi, phải không ? Lúc đầu tôi không bằng lòng cháu vì cháu dốt, không biết tên một giống hải-quì. Nhưng đến khi nguy-hiểm, khoa-học của tôi không dùng được việc gì cả. Nếu không nhờ cái thiên-tính của cháu giúp tôi thì những con hải-quì, con cua, con tôm hùm trong giờ phút này đang nghiên-cứu khoa giải-phẫu trên thân thể tôi. Tôi đã chịu một ơn lớn với con bà. Tôi muốn đền đáp lại.

Mẹ tôi tỏ vẻ sửng-sốt.

Ông nói:

– Xin bà đừng ngại. Điều tôi đề-nghị cùng bà đây rất xứng-đáng với lòng hào-hạnh của bà. Tôi đã chuyện trò cùng cháu, biết cháu là một đứa trẻ thích xem và thích biết. Bà hãy cho cháu để tôi nuôi. Tôi xin đảm-nhận việc giáo dục cháu. Tôi không có con, tôi rất yêu trẻ. Ở với tôi, cháu sẽ không khổ đâu.

Mẹ tôi nhận lời là phải, nhưng lại từ-chối.

Ông Biên giơ tay về phía mẹ tôi và nói:

– Xin phép bà, tôi nói tại sao bà muốn giữ cháu lại, bà yêu cháu lắm. Bà yêu cháu hơn nữa vì cha cháu mới mất. Từ nay bà chỉ sống vì cháu nên không muốn rời cháu, có phải thế không , thưa bà? Bây giờ tôi lại nói tại sao bà nên cho cháu để tôi nuôi: cháu có một trí thông minh lạ thường cần được mở mang mà ở

Thiên-Cảng này thì không làm sao được. Bà hãy nghĩ đến điều đó. Xin bà tĩnh tâm mà nghĩ. Chiều mai tôi sẽ lại.

Khi ông Biên ra rồi, chúng tôi ngồi vào ăn Nhưng mẹ tôi không ăn. Mẹ tôi cứ nhìn tôi. Khi tôi trông lên thì mẹ tôi lại nhìn lảng ra lò sưởi.

Khi đi ngủ tôi lại chào mẹ tôi thì tôi thấy nước mắt mẹ tôi rơi xuống má tôi.

Tôi hôn mẹ tôi và nói:

– Mẹ ơi ! Mẹ đừng khóc nữa. Con không rời mẹ đâu.

– Phải rời mẹ, con ạ. Ông Biên-Gia nói quá phải, mẹ không thể từ chối được.

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương V CÙ-LAO GIANH

KHI đến nhà ông Biên-Gia tôi mới biết ông quả là một người kỳ-cục, thiên-hạ nói không sai.

Tôi vừa mới bước chân vào, ông không để cho tôi thở, bảo luôn :
– Con lại đây, con đã viết thư bao giờ chưa ? Không hả ? Bây giờ con viết cho mẹ con biết rằng con đã đến nơi và ngày mai, anh Bấy (anh Thứ Bấy) sẽ lại nhà con lấy quần-áo.

Ông đưa tôi vào một phòng lớn đầy sách vở và để tôi ở đó.

Tôi muốn khóc hơn là viết, trái tim tôi đang thổn-thức vì nỗi nhớ nhà, sự đột-ngột đó làm cho tức-nghẹn lại. Tuy-nhiên, tôi cố vâng lời ông.

Nước mắt tôi cứ tràn ra rơi xuống giấy nhiều hơn mực, mặc dầu là lá thư tôi viết lần đầu, tôi nhận thấy nó ngắn-ngủn làm sao ấy : *“Con đã đến nơi và ngày mai anh Bấy sẽ lại lấy quần-áo cho con”*, có thể thôi tôi không biết viết gì hơn nữa.

Đã hơn một khắc đồng-hồ, óc tôi cứ luẩn-quẩn về câu đó, nó không chịu kéo dài ra, bỗng tai tôi nghe thấy tiếng ông Biên-Gia và anh Bấy đang nói chuyện từ phòng bên cạnh.

Anh Bấy nói:

– Em bé đến thực à ?

– Anh tưởng nó không đến hay sao ?

– Nếu vậy sẽ có một sự thay đổi lớn ở trong nhà. Ông thì ăn về buổi trưa, tôi thì uống về buổi sáng. Vậy em bé phải đợi đến trưa mới ăn với ông hay em sẽ nhậu rượu với tôi cho tiện ?

– Nhậu rượu ? Anh điên à ?

– Nào tôi có quen nuôi trẻ bao giờ.

– Ngày xưa, anh cũng là đứa bé con, phải không ? Vậy thì anh sẽ đối đãi với em bé này cũng như ngày xưa người ta đã đối đãi với anh.

– Ngày còn bé, tôi sống trong khổ-cực. Nếu ông bảo nuôi em bé theo cách đó thì thà đuổi nó trở về nhà nó còn hơn. Chắc ông

không quên rằng ông còn mắc chút ớn với em bé đó.

– Chính anh, anh cũng không nên quên điều đó. Anh sẽ dành cho nó tất cả những gì mà thuở bé anh thích, nghĩa là anh hỏi nó muốn gì thì anh cho nó như ý.

– Nếu ông cho phép thế thì hay lắm.

– Anh Bảy, anh có biết con trẻ dùng để làm gì không ?

– Lũ nó chỉ dùng để phá phách và quấy mọi người, chứ được việc gì ?

– Không phải thế, *lũ chúng dùng để tái-lập đời chúng ta khi đời chúng ta đã lỡ-làng; lũ chúng dùng để thành-tựu nhưng công-cuộc mà chúng ta đã thất-bại.*

Nói xong, ông sang buồng tôi, đọc qua bức thư ngắn cụt rồi bảo tôi:

– Con chẳng biết gì cả. Thôi được. Chưa trồng đã đòi hái quả thế nào được ! Bây giờ, cho con đi chơi.

Chỗ ở của ông Biên-Gia thực là kỳ-quặc, riêng biệt trong một cù-lao nhỏ quen gọi là Hòn Gianh.

Đứng ở bờ biển trông ra, hòn đảo có từng bậc từ thấp lên cao như một diễn-đài hình tam-giác, sườn bên này dài và thoải-thoải cách đất-liền độ bốn trăm mét, cỏ cây xanh tốt, thỉnh-thoảng lại nhô lên một vài mòm đá xám nhọn hoắt. Sườn bên kia trông ra biển, trơ-trụi, không thứ gì mọc được với gió biển và hơi muối.

Nhà ông Biên-Gia ở đỉnh cù-lao, nơi các sườn chụm lại thành một cao-nguyên nhỏ. Tuy được cái ưu-thế bao-quát khắp vòng chân trời ở phía đất bằng cũng như ở ngoài biển cả, nhưng ngôi nhà lại bị bất cứ gió phương nào cũng tấp lại nhiều khi dữ dội vô cùng. Nhưng những ngọn cuồng-phong đó cũng không làm gì nổi vì tường rất dày, xây từ thời Thống-chế Soa-Sơn bằng đá hoa-cương để chống bom đạn. Đó là một tiền-đồn phòng-ngự quân Anh đổ-bộ và được liên-lạc với các đội vệ-binh ở bờ biển. Thực ra, những ngọn gió dữ đó cũng có ích phần nào, về mùa đông nó đem lại cho cù-lao một khí-hậu khá ôn-hòa không kém gì ở trong đất vì thế ở những lũng nhỏ, người ta thấy mọc chen-chúc những cây trúc-đào, cây vãn-anh, cây sung, cây vả, cành lá rất xanh tươi.

Ông Biên-Gia được anh Bẫy giúp sức đã biến hòn đảo thành một nương vườn thô-dã, duy mặt vườn phía tây vẫn còn hoang-phế vì luôn luôn gió đập và sóng dồn, thành ra nơi đây chỉ dùng làm vườn cỏ cho mấy con bò sữa và dê đen.

Có điều đáng chú-ý là tất cả những công việc khai-thác có thể gọi là lớn-lao đó chỉ do có bàn tay của hai người thôi, không nhờ đến nhân-công nào khác.

Tôi nghe thấy trong làng người ta nói ông Biên-Gia là một người keo-kiệt nên mới lập-dị như thế. Nhưng khi tôi biết rõ ông thì tôi nhận thấy ông có một đức-tính rất hay là : *“con người phải tự-lực mưu-sinh”*.

Cả đến những cái ăn cái uống thường ngày, ông không cần nhờ cậy ai cả. Ông dùng sữa của bò ông nuôi, rau trái trồng trong vườn, cá do anh Bẫy câu được, bánh làm lấy và nướng lấy, cối xay và lò bánh đều tự ông chế ra. Đất cù-lao cũng khá rộng để cấy lúa mì ăn quanh năm và trồng những cây tần để lấy quả ép rượu.

Cho được công-bình, phải kể đến phần công khá lớn của anh Bẫy trong những công-tác nói trên. Anh đã từng làm ấu-thủy-quân, làm thủy-thủ, làm tùy-tùng cho sĩ-quan, làm đầu bếp cho tàu đánh cá, tóm lại anh đã tập-sự trong tất cả mọi nghề.

Sự giao-kết của hai người không phải là sự giao-kết giữa ông chủ và đầy-tớ mà là sự hợp-tác của hai hội-viên. Hai người ăn cùng một bàn, phân-biệt có chỗ ở chỗ ông Biên-Gia ngồi đầu bàn và anh Bẫy ngồi ở cuối.

Hôm tôi mới đến, ông Biên-Gia có dẫn-giải cho tôi rằng :

– Con ơi! Ta không có ý đào-tạo cho con thành một quý ông nghĩa là một ông Chưởng-kế hay ông Y-sĩ, nhưng chỉ luyện cho con thành một tay đi biển xứng-đáng là con người. *Có nhiều cách để học-hỏi, người ta có thể học trong khi chơi, người ta có thể học trong khi du-ngoạn*. Lối học đó có hợp với sở-thích của con không ?

Tôi hơi lấy làm lạ khi nghe ông nói việc giáo-dục có thể trau-giồi trong khi chơi. Tôi càng ngạc-nhiên hơn nữa khi thấy ông đem thực hành ngay nghĩa là trong buổi chiều hôm đó.

Tôi theo ông đi tản-bộ ngoài bãi biển, ông vừa đi vừa hỏi chuyện tôi. Chúng tôi vào trong một khu rừng sồi.

Ông trở đàn kiến đang bò ngang đường và hỏi tôi :

– Cái gì thế này ?

– Những con kiến.

– Phải rồi, nhưng chúng làm gì ?

– Chúng tha mồi.

– Không phải ta hỏi thế. Con theo chúng tới tổ. Con sẽ quan-sát kỹ rồi nói cho ta biết những điều con đã trông thấy. Nếu hôm nay con không nhận thấy gì khác thì ngày mai, ngày kia con lại đến, cho đến khi con nhận-xét thấy một điều gì.

Sau hai ngày đi quanh tổ kiến, tôi nhận thấy có những con kiến chẳng làm gì cả, trong khi các con khác hoạt-động không ngừng và chúng còn cho các con lười biếng ăn nữa.

Sau khi tôi kể lại những nhận-xét của tôi cho ông nghe, ông bảo :

– Tốt lắm. Con đã trông thấy những điểm chính, thế là đủ rồi.

Những con kiến không làm gì không phải nó ốm yếu hay bị thương-tật như con tưởng, đó là những con kiến chúa của những con suốt đời chỉ có việc phục-dịch nghĩa là những con làm nô-lệ. Nếu không có sự ủng-hộ của bọn nô-lệ thì những con kiến chúa không sao tự đi kiếm mồi được. Con lấy làm ngạc-nhiên, phải không ? Thế mà ở đời, đôi khi cũng còn một vài quốc-gia mà ở đấy có những người ăn không ngồi rồi sống vào lưng những kẻ khác làm việc đầu tắt mặt tối để cung cấp cho họ. Nếu các ông chúa bị tàn-tật phải ăn không ngồi rồi, kẻ này nghĩ người khác thay không nói làm gì vì người ta phải giúp đỡ lẫn nhau, nhưng sự thực không phải thế. Những con kiến chúa chính là những con có sức-lực và can-đảm hơn hết nghĩa là đủ tư-cách ra chiến-trận. Chúng ta sẽ cùng nhau trở lại chỗ đó, chúng ta sẽ được xem chúng giao-chiến với nhau, sẽ thấy những con kiến chúa thân-chinh ra trận và mục-đích của chúng là để bắt cho nhiều nô-lệ.

Trong khi chờ đợi con được mục-kích tấn-kịch đó, bây giờ ta cho con đọc cuốn sách của nhà bác-học Huy-Ba, trong tả cuộc chiến-đấu kịch-liệt của hai đám kiến trong khi ở cách đó năm trăm dặm đang diễn ra một cuộc đại-chiến giữa người và người

mãnh-liệt và kinh-khủng hơn. Thuở đó, không biết người ta có những lý-do chánh đáng để giết lẫn nhau không, ta không rõ lắm, nhưng ta thấy sự sát-hại vô cùng khủng-khiếp.

Chính ta, chỉ một tí nữa là ta phải bỏ xác ở trận-địa. Ta và các bạn đồng-đội đang đi bên này bờ sông Yên-Giang. Bên kia, hữu-ngạn sông, quân Nga đặt một giàn đại-bác và bắn sang dữ-dội. Ta chỉ thấy tiếng nổ ầm-ầm nhưng không trông thấy đạn rớt ở đâu, vì chỗ đó là một khuỷu sông và có một gò che khuất.

Ta vừa đi vừa nghĩ. Hôm đó, có thể là ngày chết của ta vì ta đang đi qua mũi súng của giặc, lại chính là ngày sinh-nhật của bà Biên-Gia nhà ta. Ta nghĩ vắn-vơ giá được ở nhà ăn mừng thì sung-sướng quá. Chợt ta thấy ở dưới chân, trong hào ẩm-ướt ta đang đi, có một hàng dài những cây lưu-ly đang nở hoa. Con phải biết trong lúc giao-chiến, quân lính không xếp thẳng hàng và đi ngay-ngắn như ở trong các bức tranh đấu. Ta và các bạn ta được tự-do đi rải ra các nơi. Những bông hoa tím xinh tươi làm ta quên cả tính-cách quan-trọng của lúc đó. Tự-nhiên ta cúi xuống hái vài bông. Ngay lúc đó, một luồng gió lạnh đi vút lên đầu ta, chỉ cách độ vài phân, rồi ta nghe thấy một tiếng nổ như tiếng sét. Một mớ cành liễu gãy văng tới vùi kín thân ta. Thì ra lúc đó ta đang đứng trước pháo-đội của địch; nó vừa hạ phăng tất cả các bạn của ta, chẳng còn người nào. Nếu ta đứng thẳng, không cúi hái hoa thì ta cũng đi đời như họ. Con có nhận thấy ta nghĩ đến “nhà ta” là một điều hay không? Có hả? Khi ta chui ra khỏi đồng cành lá thì Thống-Chế Ney đã làm cho đại-bác của giặc câm miệng rồi.

Ông không thích sách lắm. Nhưng có một quyển ông trao ngay cho tôi buổi đầu, đó là quyển sách đã làm khuôn-mẫu cho đời ông. Quyển sách đó đã tạo ra Hòn Gianh với những công-trình kỳ-diệu như người ta đã trông thấy. Quyển sách đó đã làm ông nảy ra ý thích cái dù lớn che đầu. Quyển sách đó đã đem lại cho người giúp việc của ông cái tên “Thứ Bảy”. Đó là quyển Lỗ-Bình-Sơn phiêu-lưu ký.

Ông bảo tôi :

– Con sẽ học trong sách này để biết thế nào là sức mạnh của tinh-thần.

Tôi không biết có đứa trẻ nào đọc sách này mà lòng vẫn bình-thản không, chứ tôi vừa xem vừa thấy phấn-động vô cùng. Tôi ham đọc không phải vì những triết-lý cao sâu mà chính là do những thú mơ-mộng trong truyện : những cuộc phiêu-lưu trên biển, nạn đắm tàu, đảo hoang vắng, những dân man-rợ, những cơn sợ-hãi, những điều mới lạ ...

Anh Bầy biết nhiều nhưng mù chữ.

Thấy tôi say mê cuốn sách, anh muốn hiểu trong sách nói gì và bảo tôi đọc cho anh nghe.

Ông Biên-Gia nói:

– Nó sẽ đọc cho anh nghe. Nhiều cái hay lắm.

Mười năm luân-lạc đã đem lại cho anh Bầy ít nhiều kinh-nghiệm. Nghe tôi kể chuyện nào, anh cũng cãi lại. Nhưng tôi có một câu trả lời khiến anh hết bài-bác:

– “Sách đã viết thế”.

– Có chắc đúng thế không ?

Tôi liền cầm sách và tôi đọc.

Anh Bầy vừa nghe vừa gãi mũi, có vẻ chịu nhịn lắm. Cuối cùng anh nói :

– Vì “sách đã viết thế” tôi không cãi. Nhưng tôi đã từng ở bờ biển châu Phi, không bao giờ tôi trông thấy những con sư-tử bơi ra khơi để làm hại các tàu bè. Dù sao...

Anh còn qua các biển ở miền Bắc. Anh được mục-kích nhiều cái hay cái lạ, anh đem kể lại cho tôi nghe. Những chuyện của anh hay không kém chuyện Lỗ-Bình-Sơn mà có phần thú hơn nữa.

Tôi hỏi :

– Sách có “viết” những chuyện đó không ?

Anh Bầy đáp :

– Tôi không nghe đọc những chuyện đó, nhưng chính mắt tôi đã trông thấy. Cái đó thì làm quái gì, vì không “viết” vào sách.

Những cuộc đàm-thoại kiểu ấy không thể đem lại cho tôi ý-tưởng thích sống an-nhàn trên đất. Vì thế, mẹ tôi lo-lắng, đến nói với ông Biên-Gia đừng cho tôi theo nghề đi biển.

Ông đáp :

– Thưa bà, nếu bà nhận thấy tôi đưa con bà vào một con đường mà bà không muốn cho nó theo, tôi xin trả lại con bà, nhưng

không bao giờ bà làm cho nó thay đổi ý-chí được, vì nó là truyền-thống của những người chỉ thích đi tìm những “cái không thể được” mà thôi. Tôi thưa thực cùng bà rằng : Tính đó ít khi làm nên giàu-có, nhưng nhiều khi đem lại những sự-nghiệp lớn-lao.

Nghe ông nói thế, mẹ tôi phân-vân, không đòi hỏi gì nữa. Tôi yên tâm tiếp-tục học tự-vị.

Ông Biên-Gia bảo tôi :

– Cái mà hôm nay con thấy buồn cười thì ngày mai con sẽ thấy rất có ích. Mẹ con sợ rằng con sẽ thành một người đi biển, chính ta cũng không cầu mong như thế. Nhưng ta xem tính con rất thích phiêu-lưu nên ta phải xếp đặt làm sao cho vừa thỏa chí của con, vừa làm mãn-nguyện mẹ con. Muốn thế, ta sẽ cố luyện cho con được như ông An-Mỹ, một nhà hàng-hải trú-danh, mà con mới đọc tiểu-sử hôm nào, hoặc được như ông Sỹ-Bồn, một y-sĩ người Hòa-Lan, đã cho ta biết nước Nhật. Ta muốn chuẩn-bị cho con đi đến những xứ mà xưa nay ít người bước chân tới, để có ích cho Tổ-quốc chúng ta nghĩa là con sẽ đem về cho nền Khoa-học nước nhà những kỳ-hoa dị-thảo, những động-vật hữu-ích. Như thế còn hơn là làm những kẻ đi biển suốt đời như người “ hàng xách”, chỉ có việc đi chở cà-phê từ Nam-Mỹ về Pháp rồi lại đem những xa-xỉ-phẩm từ Pháp sang Nam-Mỹ.

Thực là một giấc mộng đẹp. Nhưng hại thay ! Giấc mộng đó chỉ là một giấc mộng mà thôi.

Mỗi khi ông Biên-Gia đi đâu, ông thường cho tôi đi theo. Có khi ông đi thuyền một mình ra cù-lao Rinh, cách Thiên-Cảng chừng ba dặm.

Một buổi mai hôm kia, khi tôi còn đang ngủ thì ông đã ra cù-lao ấy. Đến bữa ăn trưa, chúng tôi đợi mãi không thấy ông về, lòng rất băn-khoăn.

Anh Bấy nói :

– Có lẽ ông lỡ lớp triều sáng. Đến chiều, thế nào cũng về.

Trời lặng, biển yên. Bề ngoài xem ra không có gì nguy-hiểm cả.

Tuy-nhiên, anh Bấy tỏ ra lo-lắng.

Chiều đến, ông Biên-Gia cũng không về.

Anh Bầy, đáng lẽ đi ngủ, chạy ra đốt lửa ở đỉnh cù-lao. Tôi chạy theo anh, nhưng anh bắt tôi về ngủ. Sáng hôm sau tôi dậy sớm và tìm đến chỗ anh.

Ở phương đông, một ánh trắng lóe ra ở dưới chân trời và dần-dần hiện rõ.

Anh Bầy nói:

– Có lẽ ông Biên-Gia gặp sự chẳng lành. Ta phải mượn thuyền bác Hai Sồm để ra đảo Rinh xem sao.

Đảo Rinh là một đám đá hoa-cương lởm-chổm, không người, chỉ có những giống hải-diều mà thôi. Không mấy lúc, chúng tôi đã tới cù-lao.

Chúng tôi tìm-tòi khắp mọi nơi, không thấy ông Biên-Gia mà thuyền cũng không. Tin về đến Thiên -Cảng, mọi người đều xúc-động, vì người ta vẫn quý-mến ông già Chủ-nhật, mặc-dầu tính-nết kỳ-cục của ông.

Người ta bàn-tán :

– Chắc thuyền đắm.

– Người ta sẽ tìm thấy thuyền.

– Có khi hải-lưu cuốn mất rồi.

Anh Bầy im-lặng, chẳng nói chẳng rằng, suốt ngày đi quanh bãi biển. Khi nước triều xuống, anh theo chân nước tiến ra, anh thăm tìm từng hốc đá một mỏm này đến mỏm khác. Anh không hề nhắc tên ông Biên-Gia, chỉ khi gặp một người đánh cá, anh hỏi, giọng buồn rầu :

– Có tin gì mới không ?

Rồi anh thấy mắt tôi long-lanh lệ, anh sẽ vỗ vào đầu tôi và bảo:

– Em là một đứa trẻ tốt; phải, một người có lòng tốt.

Mười lăm ngày sau vụ biệt-tích khó hiểu của ông Biên-Gia, bỗng có một khách lạ tìm đến Hòn Gianh. Đó là ông Biên-Ái, cháu gọi ông Biên-Gia bằng bác ruột, quê ở Noóc-Măng-Đi.

Sau khi hỏi lại chúng tôi những việc xảy ra, ông Biên-Ái ra Thiên-Cảng thuê mười hai người phu, sai đi tìm-tòi khắp bờ biển. Cuộc tìm kiếm diễn-hành suốt ba ngày. Hết ngày thứ ba, ông Biên-Ái ra lệnh đình-chỉ việc tìm, xét rằng ông Biên-Gia đã chết, dòng nước biển đã cuốn cả người lẫn thuyền mất rồi.

Anh Bầy hỏi :

– Thưa ông, có chắc thế không ? Dòng nước biển có thể lôi cuốn thuyền đi mà con thuyền vẫn không bị đắm. Rất có thể chủ tôi bị đưa sang Anh-quốc. Thì mai đây sao chủ tôi lại không trở về được?

Sáng hôm sau, ông Biên-Ái gọi hai chúng tôi đến trước mặt mà bảo rằng : Trại Hòn Gianh không cần người giúp việc nữa. Nhà cửa sẽ khóa lại. Những gia-súc sẽ giao cho Chưởng-kế trông nom cho đến khi bán được.

Anh Bảy nghẹn tắc cổ lại lắp-bấp không ra lời.

Lúc sau, anh quay lại bảo tôi :

– Em đi gói quần-áo đi, chúng ta ra khỏi nhà này ngay lập tức. Trước khi bước ra, anh Bảy lại trước mặt ông Biên-Ái và nói rằng :

– Thưa ông, đối với pháp-luật, ông là cháu ông Biên-Gia nhưng đối với tôi, ông không phải là cháu của ông ấy. Không, ông không phải là cháu của ông ấy. Đó là lời của một thằng lính-thủy chân-chính nó nói với ông như vậy.

Anh Bảy đã nhận lời về ở nhà mẹ tôi cho đến khi anh tìm được chỗ ở trong làng. Nhưng anh chỉ ở với chúng tôi trong ít ngày thôi.

Sáng nào anh cũng ra bãi biển và thơ-thẩn tìm-tòi. Cứ như thế gần ba tuần-lễ. Rồi một buổi chiều, anh xin phép mẹ tôi sáng hôm sau anh sẽ đi ra đảo thuộc Anh và có lẽ sang hẳn Anh-quốc. Anh nói :

– Vì, như bà đã biết, lòng biển không giữ vật gì bao giờ, đúng thế. Nay, nếu nó không trả lại tức là nó không lấy gì.

Mẹ tôi muốn hỏi thêm, nhưng anh không nói gì nữa. Tôi tiễn chân anh ra tận bến thuyền.

Khi tôi hôn từ-biệt anh, anh nói :

– Em là một đứa trẻ rất tốt. Khi nào có dịp đến Hòn Gianh, em nhớ mang cho con bò đen dùm muối, nó cũng mến em lắm đấy.

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương VI CHÚ TÔI

TÔI có một chú ruột tuy là huyết-thống họ Can nhưng lại thích ở đất-liền hơn là đi biển. Chú tôi làm thừa-phát-lại ở tỉnh Đôn và giàu-có lắm.

Khi tôi từ Hòn Gianh trở về, mẹ tôi bắn-khoăn về tương-lai của tôi, liền viết thư hỏi ý-kiến chú tôi. Đúng một tháng sau, chú tôi về Thiên-Cảng.

Chú tôi nói với mẹ tôi :

– Tôi không trả lời thư bác vì tôi định về thăm, không cần phải mất tiền tem cho nhà bưu-điện – Thời buổi này, khó kiếm tiền lắm -Tôi không về sớm được vì còn phải đợi dịp: tôi đã tìm được một chiếc xe bán cá tươi đi 15 dặm mất có 12 xu thôi. Lợi được tí nào hay tí nấy.

Theo lời lẽ đó, tôi dễ suy biết chú Si-Mông tôi là một người tiết-kiệm đến mực nào. Thì đây chú tôi cho luôn chúng tôi một bằng chứng cụ-thể về tính hiếm có đó.

Khi nghe rõ tình trạng gia-đình tôi, chú tôi nói:

– Tôi hiểu rồi, bác không muốn cho thằng bé này đi biển. Bác nghĩ phải lắm. Đó là một mạt nghệ không kiếm ra tiền. Bác muốn chấm dứt cái nghề mà nó đã khởi học ở nhà ông Chủ-nhật phải không ? Được lắm. Nhưng bác không trông cậy vào tôi về tiền đấy chứ ?

Mẹ tôi trả lời với một vẻ tự-hào kín-đáo

– Tôi không hề nghĩ đến việc xin tiền chú đâu !

– Tiền, tôi có đâu, người ta bảo tôi giàu, chỉ là đồn nhảm.

Mẹ tôi nói tiếp :

– Linh-mục làng bảo tôi rằng : người cha đã làm nhiều năm công-vụ chết đi thì con được vào trường Trung-học, không phải trả học-phí.

– Nhưng ai là người đi vận-động bây giờ ? Không phải tôi đâu.

Tôi không có thì giờ, vả tôi không muốn làm phiền những người

có thể-lực mà tôi quen biết. Những người đó còn để dành cho tôi sau này sẽ cần đến. Anh em ông Lê-Hưng đã hứa cáng-đáng thằng bé, vậy họ phải trả tiền học cho nó.

– Họ không nói gì đến truyện đó.

– Thế để tôi nói truyện đó với họ.

Mẹ tôi định gạt đi thì chú tôi nói luôn

– Không cần cao-thượng với họ. Tôi bỏ công-việc đến đây là vì gia-đình bác. Thì bất cứ việc gì dù nhỏ đến đâu, tôi đã khuyên, bác cũng nên theo.

Rồi chú tôi quay lại bảo tôi :

– Mà, mà đến ngay hãng Lê-Hưng xem các ông ấy có ở văn-phòng không?

May hai ông ấy đều có mặt ở văn-phòng cả, chúng tôi cùng đến. Khi bước qua cửa phòng, mặt tôi đỏ lên vì tôi cho rằng đến đòi tiền những kẻ ích-kỷ như thế là bôi nhọ sự hy-sinh cao-cả của cha tôi.

Nghe lời yêu-cầu của chúng tôi, hai anh em Lê-Hưng giẫy sắn trên ghế như bị kim châm.

Người em nói:

– Cho vào trường Trung-học ?

Người anh kêu:

– Trường Trung-học kia à ?

Cuộc bàn cãi lộn-xộn và ầm-ỹ bắt đầu.

Chú tôi không chịu thua. Khi hai người đồng thanh nói “chúng tôi đã làm quá những điều mà chúng tôi hứa, chúng tôi đã cho bà quả-phụ có việc làm ”, chú tôi phát ra một tiếng cười khẩy, làm cho họ phải ngừng lại.

Rồi họ cứ một luận-điều ấy nhắc đi nhắc lại đến năm, sáu lần, chú tôi tức quá, nói to:

– Các ông kêu các ông thiệt à ? Các ông cho... các ông cho... các ông cho... công-việc để bà ấy làm. Việc làm của bà ấy không đáng 10 xu tiền công ông trả với xuất cơm nuôi hay sao ? Các ông trả công bà ấy đắt hơn các thợ khác hay sao ?

Người em nói :

– Chúng tôi trả bà ấy tiền ngay không để đến cuối tuần như các thợ khác. Ông vừa nói ông Can-Bich đã chết vì cứu của-cải của

chúng tôi, có phải không ? Thế là ông nhầm. Ông ấy chết vì cứu những thủy-thủ như ông ấy sắp bị đắm. Như vậy, ông phải hiểu rằng đó không phải là trách-nhiệm của chúng tôi, mà là việc của Chính-Phủ. Chính-Phủ có những công-quỹ dành cho những người thích làm hào-hiệp. Nhưng dù sao, khi đứa bé này lớn lên, chúng tôi sẽ cho nó việc làm. Có phải không, thưa anh ?

Người anh đáp :

– Cho việc làm, nó muốn bao nhiêu cũng được.

Đó là thắng-lợi sau cuộc vận-động của chú tôi.

Khi chúng tôi ra rồi, chú tôi nói :

– Đó là những người....

Tôi đoán chú tôi sẽ nhục-mạ họ nhưng không, vì chú tôi nói :

– Đó là những người đáng khen (vì chú tôi thấy những người “đá” hơn chú tôi), họ có thể làm gương cho cháu được. Họ biết trả lời rằng “không”. Con nên nhớ kỹ *tiếng đó*. Với *tiếng đó* và với *một tiếng đó* thôi, người ta quyết nắm chắc đồng tiền người ta kiếm được.

Không thể cho tôi vào trường Trung-học với túi tiền của anh em ông Lê-Hưng, chú tôi đề-nghị với mẹ tôi cho tôi về ở với chú tôi. Chú tôi đang cần một người thư-ký. Nhưng tôi còn nhỏ tuổi không phụ-trách được việc đó. Mẹ tôi phải cam-kết cho tôi ở với chú trong năm năm, cơm nuôi, không rõ tiền công. Chưa hết hạn mà tôi bỏ về, mẹ tôi sẽ phải bồi-thường cho chú tôi số tiền phí-tổn đã nuôi tôi. Vì tôi là cháu ruột nên chú tôi mới phải cố gắng để tỏ tình thương-xót họ-hàng.

Than ôi! Thế là cái mộng của mẹ tôi cho tôi vào trường Trung-học biến thành ra khói. Nhưng ít ra cũng giữ tôi khỏi theo nghề đi biển, vì thế tôi phải đi ở với chú tôi. Cuộc ly-biệt đau buồn !

Tôi khóc. Mẹ tôi khóc nhiều hơn tôi. Còn chú tôi len vào giữa hai người, dun mẹ tôi lại và đẩy mạnh tôi đi.

Phong-cảnh thành-phố Đôn có tiếng là đẹp, nhưng đẹp có chẳng đối với du-khách mà thôi, chú tôi, tôi nhìn mọi vật chỉ thấy buồn và chán. Khi tôi tới nơi thì đêm vừa xuống. Trời lại mưa lạnh. Ngoài cái buồn, tôi còn thấy đói, rùn chân không bước đi được.

Đi suốt ngày hôm đó, chú tôi không hề nói đến việc nghỉ để ăn, thành ra tôi cũng không dám nhắc đến. Sau khi đi quanh trong hai ba phố vắng, chú tôi dừng trước một ngôi nhà cao ngoài có cổng xây với những hàng cột to lớn. Chú tôi lấy chìa mở khóa. Tôi chực vào. Chú tôi ngăn lại vì cửa mở chưa xong, chú tôi lấy cái chìa khóa thứ hai rồi đến cái chìa thứ ba to tướng ra mở, lưỡi khóa kêu ken-két và nặng-nề. Ba cái khóa cửa làm tôi ngạc-nhiên và sợ-hãi. Ở nhà, mẹ tôi thường buộc cửa bằng dây. Cửa nhà ông Biên-Gia cũng chỉ có một cái chốt nhỏ. Tại sao nhà chú tôi lại khóa cẩn- thận đến thế ?

Chú tôi đóng chặt cửa lại, dắt tôi đi qua hai phòng tối-tăm, tôi thấy rộng lắm và chân tôi đi trên một nền lát đá như ở nhà thờ. Một mùi là-lạ thoảng qua mũi tôi, có lẽ là mùi bìa da và mùi giấy mốc. Khi đèn thắp lên rồi, tôi nhận thấy chúng tôi đang ở trong một gian bếp vì tôi thấy lũng-cũng những tủ bát, chạn và ghé mây. Thành ra gian này coi hẹp hản đi.

Mặc-dầu cảnh-tượng không được đẹp mắt, nhưng tôi vẫn vui, vì tôi nghĩ sắp được sưởi ấm và ăn no.

Tôi hỏi chú tôi :

– Thưa chú, có dóm lò không để con làm.

– Dóm lò kia à ?

Nghe lời nói xằng của chú tôi, tôi không dám thưa với chú tôi rằng tôi rét buốt đến tận xương và rằng tôi lập-cập vào nhau.

Chú tôi nói :

– Chúng ta ăn bánh rồi đi ngủ.

Rồi ông lại tủ, lấy một ổ bánh, cắt ra hai khoanh mỏng, kèm mỗi khoanh một miếng phó-mát, đưa cho tôi một khoanh, còn một khoanh, phần ông, ông để xuống bàn. Xong ông lại cho ổ bánh vào tủ khóa lại

Ngay lúc đó có ba con mèo còm ở đâu nhảy vào và đến cọ đầu vào chân chú tôi : một tia hy-vọng nẩy ra trong óc tôi. Chúng đòi ăn, tất nhiên chú tôi phải mở tủ. Tôi sẽ có dịp xin thêm khoanh bánh nữa.

Nhưng ông không mở tủ, ông nói:

– Những con mèo này khát nước đây. Đừng để nó hóa điên.

Rồi ông lấy nước cho chúng uống.

Ông nói tiếp :

– Bây giờ mày đã ở đây rồi. Đừng bao giờ để chúng khát nước. Ta giao cho mày việc đó.

– Còn việc cho chúng ăn ?

– Ở đây sẵn chuột cống và chuột nhắt đủ nuôi chúng. Nếu ta cho chúng ăn ứ họng, chúng sẽ sinh lười ra.

Bữa ăn của chúng tôi chấm dứt rất chóng. Chú tôi nói sẽ đưa tôi đến căn phòng từ nay dành hẳn cho tôi.

Cảnh đồ-đạc ngổn-ngang tôi trông thấy ở trong bếp bây giờ lại xuất hiện ở trong cầu thang. Cầu thang làm rất rộng nhưng khó có chỗ len chân vì ở trên các bậc sắp dày những phen sắt dĩa, những đồng-hồ, những tượng bằng gỗ, bằng đá, những máy quay thịt, những chậu sứ, những bình hoa hình-thù kỳ-dị. Chân thang xếp những bàn đủ kiểu, mà tôi không biết tên và không biết dùng để làm gì. Trên tường treo kín những khung, những tranh, những kiếm, những mũ. Tất cả mọi vật đó làm tôi loạn mắt, gia-dĩ ngọn đèn dầu tù-mù lại đưa ra một ánh-sáng chập-chờn. Mớ thập vật ấy không biết có ích gì cho chú tôi ?

Đó là một câu hỏi mà tôi nghĩ mãi không ra. Mãi sau này tôi mới biết ngoài cái nghề thừa-phát-lại, chú tôi còn làm kèm một nghề khác phát tài hơn.

Rời Thiên-Cảng từ tám bé, chú tôi được đưa ra Ba-Lê ở cho một ủy-viên phách-mãi (người bán đấu giá). Sau hai mươi năm tập việc, chú tôi ra lập một sở sự-vụ ở thành Đôn. Tuy-nhiên sở sự-vụ này chỉ là một nghề phụ, chứ nghề chính của chú tôi là nghề buôn-bán những bàn ghế cũ, những đồ cổ bằng gỗ, bằng sứ, bằng đồng. Do nghề thừa-phát-lại, chú tôi nắm được những dịp tốt hơn ai hết và tha-hồ trục-lợi. Mượn tên người khác, chú tôi mua cho mình những đồ vật quý-giá để rồi bán cho các lái buôn lớn ở Ba-Lê, được lãi rất nhiều.

Căn phòng mà chú tôi dành cho tôi rộng lắm nhưng xếp đầy đồ-đạc khiến tôi tìm mãi mới thấy chỗ để giường tôi. Trên tường, treo những bức màn lớn vẽ những hình người to bằng người thật. Dưới trần móc những da vật nhồi rơm : một con chim cốc, mỏ vàng, một con cá sấu há mồm nhả răng ghê-gớm. Góc

phòng sau một cái tủ, treo một bộ áo giáp trên có mũ sắt trông như một người chiến-sĩ đứng lù-lù bị tủ che khuất hai cái chân. Thấy tôi có vẻ hoảng hốt, chú tôi hỏi :

– Mày sợ à ?

Tôi không dám nói thật và chỉ kêu là rét lắm thôi.

Chú tôi bảo :

– Vậy thì đi ngủ mau lên ! Ta sẽ mang đèn ra. Ở đây người ta ngủ không đèn.

Tôi len vào giường ngủ. Chú tôi vừa đóng cửa thì tôi gọi giật lại:

– Chú ơi ! Chú ơi!

Vì tôi thấy bộ áo giáp kêu lắc-rắc.

Chú tôi trở vào :

– Gì thế ?

– Thưa chú, có người trong bộ áo giáp.

Chú tôi đến sát chỗ tôi, nhìn thẳng vào mặt tôi mà bảo :

– Từ nay đừng có nói bậy thế. Nếu không ta đánh đòn.

Hơn một tiếng đồng-hồ, tôi nằm yên dưới tấm da ẩm, trong người run-run vì sợ, vì rét và đói. Tôi nhắm mắt lại. Nhưng ở các góc nhà ở đằng sau các đồ gỗ hình như có một sức hút của nam-châm nó kéo mí mắt tôi lên, không cho nhắm lại. Vì thế, mặc-dẫu tôi không muốn trông, mắt tôi cứ mở to ra. Ngay lúc đó một trận gió mạnh thổi qua nóc nhà, tiếng kêu răng-rắc. Những tấm màn tường lay động, một người mặc quần-áo đỏ tách ở màn ra giơ tay vung kiếm, con cá sấu há mồm nhả múa ở đầu dây và bao nhiêu là hình thù đen đen đùa rồn ở trên trần. Ông tướng ở sau tủ thấy động đang cựa mình trong lớp áo giáp. Tôi sợ quá, nmốn kêu lên, muốn giơ tay lên cầu cứu ông tướng áo giáp để đánh giúp người áo đỏ đang vung kiếm trước mắt tôi, nhưng tôi không sao nói được, cứ nằm như sắp chết.

Chú tôi lay tôi, tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng. Tôi tìm ngay người áo đỏ thì hắn đã nhập vào bức màn rồi.

Chú tôi bảo :

– Từ mai, mày phải dậy một mình và sớm hơn nữa. Bây giờ, mày dọn giường mau lên rồi ra đây ta dặn các việc phải làm trong khi ta đi vắng.

Ngày nào cũng thế chú tôi dậy từ bốn giờ sáng xuống văn-phòng cặm-cui làm việc cho đến tám, chín giờ là lúc các thân-chủ đến mời chú tôi đi. Trong khoảng thời-gian bốn, năm giờ đó tôi phải ngồi chép lại các giấy tờ cần dùng trong ngày hôm đó.

Khi chú tôi vừa ra khỏi nhà là tôi đình-chỉ mọi việc mà chú tôi đã giao cho tôi, vì từ lúc tôi dậy, óc tôi chỉ nghĩ có một việc : việc người áo đỏ múa gươm. Nếu đêm mai, người đó lại hiện ra thì tôi đến chết mất. Tôi bèn đi lòng khấp nhà tìm được một cái búa và mấy cái đinh. Tôi đến thẳng chỗ màn vẽ người áo đỏ : bấy giờ trông anh ta hiền-từ quá và đứng im giữa bức màn. Tôi không tin bộ-dạng giả-trá của anh ta. Tôi lấy búa và đinh đóng luôn hai tay anh ta vào tường, ông tướng áo giáp định cựa-cạy tôi liền đập cho một búa vào ngực. Bấy giờ trời đương nắng, không phải là lúc tà ma hiện hình, tôi không sợ. Tôi lại giơ búa dọa con cá sấu nếu muốn yên thân không được nhẩy múa nữa.

Nạt-nộ bọn ma quái xong, tôi lại xuống văn-phòng tiếp tục làm hết việc cho đến khi chú tôi về.

Ông ra vẽ hài lòng. Mỗi khi tôi làm xong việc, ông cho tôi giải-lao bằng cách lau bụi và đánh bàn ghế chơi.

Đời sống mới của tôi bây giờ so với đời sống ở bên cạnh ông Biên-Gia khác biệt nhau biết chừng nào !

Tôi cam chịu làm việc 14 giờ một ngày nhưng tôi không sao quen được cái nếp sống kham khổ của chú tôi. Bánh cho vào tủ khóa không phải là một việc bất thường mà là một định-luật.

Tôi bắt buộc phải nhận miếng bánh mỏng chia phần cho tôi.

Đến ngày thứ năm, tôi đói quá. Lúc chú tôi sắp khóa tủ, tôi đánh liều chìa tay ra. Chú tôi vừa khóa chốt cửa tủ vừa bảo tôi :

– Mày muốn ăn miếng nữa. Mày xin thêm, phải lắm. Từ chiều hôm nay, ta sẽ cho mày cả ổ bánh, ổ bánh đó là của mày. Hôm nào mày đói lắm, mày muốn ăn bao nhiêu cũng được.

Tôi muốn nhẩy lên hôn cảm ơn chú tôi.

Nhưng chú tôi nói tiếp :

– Nhưng mày phải dè sẻn làm sao cho ổ bánh đó ăn được một tuần-lễ. Việc ăn uống cũng phải có chuẩn-tắc như mọi việc khác. Ba-mươi-tám déca-gam bánh mỗi ngày cũng gần bằng số

bánh người ta phát cho các kẻ khó trong viện tế-bần. Số bánh đó dùng đủ cho một người thì cũng dùng đủ cho mày.

Tôi không đợi đến lúc vắng người, liền chạy tra tự-vị. Thì ra mỗi déca-gam là mười gam. Ba mươi tám déca-gam là 380 gam mỗi ngày thì mỗi bữa chỉ có 190 gam thôi. Như thế thì sống sao được ?

Tôi muốn tự giải quyết vấn-đề. Trước khi đi, mẹ tôi cho tôi đồng bạc 40 xu.

Tôi đến ngay hàng bánh hỏi mua 38 déca-gam. Phải cắt nghĩa mãi cho bà hàng bánh nghe bà mới chịu cân cho 40 déca-gam tức 400 gam bánh, 380 déca-gam hay 400 gam bánh nghĩa là không được nửa kí-lô bánh một ngày. Đó là xuất ăn mà chú tôi đã rộng lượng phát cho tôi. Bữa ăn sáng mới cách độ một giờ mà tôi đã thấy thèm. Xong không đến 10 phút, tôi đã ăn ngấu-nghiến hết 400 gam bánh đã mua. Vì thế, đến bữa chiều, tôi không thấy đói lắm.

Bữa đó, trông thấy tôi dè-dặt cắt ra một khoanh bánh mỏng, chú tôi hiểu lầm và bảo tôi :

– Ta biết mà : cái gì của mình thì dè-sẻn, còn của người khác thì phung-phí.

Tôi còn 35 xu, tiêu được nửa tháng: mỗi ngày phải mua 25 déca-gam bánh ăn thêm.

Mỗi khi chú tôi đi là tôi chạy sang hiệu mua bánh để ăn thêm, vì thế bà hàng bánh hiểu rõ tình cảnh tôi.

Hôm tôi hết tiền, bà hàng ái ngại cho tôi và bảo :

– Ông nó nhà tôi và tôi không biết viết, nên thứ bầy nào cũng phải nhờ một người khách hàng quen cộng sổ giúp. Nếu em muốn làm việc đó, ta sẽ trả công cho em mỗi sáng thứ hai là hai chiếc bánh ngọt.

Còn nói gì nữa, tôi vội vàng nhận ngay. Nhưng lòng tôi thích được một cân bánh mì hơn là hai chiếc bánh ngọt.

Ngày ấy, tôi khổ vì đói, tôi đan-cử một việc sau đây để quý độc-giả suy-đoán cái đói của tôi đã đến mức nào?

Sau nhà chú tôi là một cái sân con, cách nhà hàng xóm bằng một bức rào. Đó là nhà ông Bá-Huân, ông không có vợ con, tính thích nuôi loài vật. Trong các gia-súc đó, ông yêu nhất con chó

trắng, giống chó Py-rê-nê, tên gọi là Pa-Tô. Sở nuôi trong nhà hại cho sức khỏe của nó, ông làm cho nó một cái lồng rất đẹp ở sát hàng rào nhà tôi. Và cũng sợ cho ăn với chủ hại cho sức khỏe của nó – vì ăn nhiều thịt và thức ăn ngon có thể sinh ra bệnh ghẻ lở – mỗi ngày ông cho nó ăn hai bữa súp sữa. Cũng như tất cả con chó nhàn-hạ khác, con Pa-Tô rất biếng ăn và khó tính, nên nếu nó ăn bữa sáng thì nó bỏ bữa chiều hay nếu nó ăn bữa chiều thì nó chê bữa sáng, thành ra ngày nào cũng có một chậu sữa còn nguyên không đựng tới.

Khi ra sân, tôi trông qua hàng rào thấy những miếng bánh trắng nổi trên mặt sữa. Và con Pa-Tô nằm ngủ bên cạnh chậu. Chân rào có một lỗ trống, con Pa-Tô thường chui sang sân nhà tôi. Con chó có tiếng là dữ, chú tôi tỏ ý rất thích. Và thường bảo tôi: đó là một phu gác tốt hơn những khóa sắt mà lại có lợi là không mất đồng nào. Mặc-dầu nó dữ thực nhưng rồi nó cũng thành bạn thân của tôi. Hễ thấy bóng tôi ra sân là nó chồm sang chơi với tôi. Một hôm nó tha mũ tôi vào ổ nó, tôi gọi mãi nó cũng không chịu trả. Tôi đành chui sang. Một chậu đầy sữa thơm vẫn để chỗ mọi ngày. Buổi đó là chiều thứ bảy, phần bánh của tôi trót ăn quá miếng trong tuần nên chỉ còn một mẩu con. Tôi liền quỳ ngay xuống, hóp một lèo chất sữa thơm ngon, trong khi con Pa-Tô ngoe-nguẩy đuôi nhìn tôi. Con chó đó thực là một người bạn thân, bạn tốt của tôi. Từ đó, mỗi lần tôi bò sang ăn sữa nó lại chạy ra đón và lấy lưỡi liếm vào người tôi. Thế đủ rồi, tôi không muốn gì hơn nữa. Nếu con Pa-Tô còn ở đấy mãi thì chắc-chắn đời tôi không phải luân-lạc và xảy ra những chuyện tôi đang kể đây. Bấy giờ là mùa ông Bá-Huân đi nghỉ mát ở miền quê. Ông ta đưa cả con chó quý đi. Thành ra tôi mất một người bạn, trông đi trông lại trong nhà chỉ có chú tôi thôi.

Những ngày buồn làm sao! Những lúc rỗi việc ngồi một mình trong văn-phòng, tôi nhớ nhà, nhớ mẹ tôi. Tôi cũng muốn gửi thư cho mẹ tôi nhưng một lá thư từ thành Đôn đến Thiên-Cảng phải mất 10 xu bưu-phí. Tôi biết mẹ tôi làm được có 10 xu một ngày nên tôi không dám gửi thư qua bưu-chính. Vì thế mẹ tôi và tôi đều phải thăm tin nhau do trung-gian của người hàng cá thường đi về những ngày phiên chợ.

Vì có món ăn phụ kiếm được bên hàng xóm, nên tôi không chú ý đến miếng bánh thường-lệ của tôi. Từ ngày mất món ăn phụ, tôi để ý mới biết có ngày phần bánh của tôi tự-nhiên bé hẳn đi.

Bánh của chú tôi bao giờ cũng bỏ tủ khóa, còn bánh của tôi thì bỏ vào một ngăn bỏ ngổ, nhà không có người lạ nên tôi không sợ ai động vào. Sau mấy ngày nhận xét thấy có hôm tấm bánh lẹm hẳn đi, tôi để ý rình. Đang nấp sau cánh cửa tôi thấy chú tôi vào cắt một khoanh bánh của tôi.

Ước quá, tôi quên cả sợ-hãi, chạy xô ra, kêu :

– Chú ơi ! Bánh của con đây!

Chú tôi điềm-đạm đáp :

– Mà ý tưởng tao ăn của mày à ? . Đây là để cho mèo trắng. Nó mới đẻ. Mày muốn nó chết đói à ? Phải biết thương loài vật, mày quên rồi hay sao ?

Từ đó tôi không yêu chú tôi nữa và tôi cũng bớt phần kính-trọng.

Những ông thừa-phát-lại ở nhà quê là bạn của dân, và thường mục-kích những cảnh cơ-khổ của họ. Với nghề đó, chú tôi còn kiêm nghề cho vay lãi – Nói cho đúng là nghề “hút máu đồng-bào”. Ngày nào ở trước cửa phòng việc của chú tôi cũng tụ-tập đủ các hạng người, nghèo-khổ có, gian-phi có.

Có những người đàn-bà khóc-lóc, kêu-van, có những người đàn ông quỳ xuống xin hoãn một hạn 30 ngày, một tuần hay vài giờ để chạy tiền trả nợ. Cảnh thương-tâm đó bày rất nhiều, nói ra không hết.

Tuy tôi nhìn rõ trái tim trơ rắn của chú tôi nhưng tuổi tôi còn bé, tôi không thể biết được những khôn-khéo, những mánh-khéo, những mưu-mô quỷ-quyệt bên trong nghề của chú tôi. Một hôm nhìn thấy một cảnh trái mắt, tôi còn dự vào thành ra tôi bị một mẻ suýt chết, như quý độc-giả sẽ coi đây.

Chú tôi mới mua được một tòa lâu-đài cổ, chú tôi cho sửa chữa hoàn toàn lại cho hợp nghi. Chiều thứ bảy nào, thợ-thuyền và chủ-thầu cũng tấp-nập đến lĩnh tiền. Chiều thứ bảy nọ, tôi thấy người Phó Nề đến. Trông thấy một mình tôi, ông ấy lấy làm lạ vì theo lời ông nói thì chú tôi đã hẹn ông đến để tính trả tiền ông. Ông ta ngồi đợi.

Một giờ, hai giờ, bốn giờ đã qua. Không thấy chú tôi về. Ông Phó Nề cũng cứ đợi. Mãi tám giờ tối chú tôi mới về.

Chú tôi vội hỏi :

- Kia, ông Phó Phan đấy à ? Có việc gì thế ?
- Ông có hẹn tôi đến để ông trả tiền.
- Ừ phải đấy. Nhưng bực quá. Hết cả tiền.
- Mai mới là kỳ lương của tôi. Ngoài tiền lương, tôi còn thiếu hơn ngàn phật-lăng nữa để trả món nợ do bạn đồng-nghiep của ông đang kiện đòi tôi. Tôi đã thưa chuyện với ông và ông đã hẹn nay xin ông giữ “lời” cho.

Chú tôi đáp :

- Lời ? Lời gì ? Tôi có bảo với ông thế này không : “ tôi lấy *lời danh-dự* hẹn với ông rằng thứ bảy tôi trả tiền ”? hay tôi chỉ bảo: “Thứ bảy ông đến tôi sẽ trả” ? Ông Phó Phan ơi ! Ông phải biết hai câu nói đó khác nhau. Ông đừng lẫn-lộn như vậy.

- Xin lỗi ông, tôi quê mùa không biết tính-nghĩa các câu nói đó. Tôi chỉ biết : khi tôi nói : “ thứ bảy tôi sẽ trả” thì tôi trả.

- Nhưng nếu ông không thể trả được thì sao ?

- Nếu tôi đã hứa thì tôi có thể trả được !

Ông Phó Nề liền trình bày hoàn cảnh của ông : Ông đã làm tờ cam-kết, nếu mai không có tiền thì thứ hai thừa-phát-lại sẽ tịch-biên nhà ông. Vợ ông đang hấp-hối, phải nhìn cảnh đó, sẽ chết mất. Nghe xong, chú tôi đáp gọn-lỏn :

- Không có tiền ông ạ.

Lúc đó hình như có một sức mạnh gì xui giục tôi giúp-đỡ người Phó Nề khốn-nạn, không sợ làm thất ý chú tôi. Khi chú tôi nhắc đến lần thứ mười câu:

- Nếu tôi có tiền, tôi đưa ông ngay.

Tôi liền nói to :

- Có tiền đấy !

Tức thì một cái chân ở gầm bàn đá phập vào hai chân tôi đau quá tôi ngã vấp vào cạnh bàn tím cả mũi.

Chú tôi đứng dậy ôn-tồn hỏi:

- Sao thế con ?

Rồi lại gần, nghiêng răng bẹo vào cánh tay tôi kéo lên, đồng-thời quay ra nói với ông Phó Nề:

– Thằng bé vụng-về quá!

Ông Phó Nề không nhìn thấy cái đá ở gầm bàn và cảm thấy cái đau vì bẹo, nhìn chúng tôi một cách ngạc-nhiên và tưởng rằng chú tôi tìm cách để lãng câu chuyện nên lại trở lại vấn-đề cũ, ông nói :

– Vì ông có tiền....

Chú tôi cãi:

– Tiền đâu ?

Tức quá, tôi rút mấy cuộn giấy bạc ở ngăn kéo, ném trên bàn, nói :

– Tiền đây.

Cả hai người đều đưa tay ra lấy.

Chú tôi nhanh tay, vồ được.

Không chối cãi được nữa, chú tôi phải nói:

– Ông Phó ơi! Số tiền này đáng lẽ mai tôi mới có, tôi phải cố-gắng thu về hôm nay là đề ngày mai trả một món nợ tối khẩn. Nhưng nếu ông cần gấp thì tôi cũng trả ông. Đây, đơn hanh-toán đây, ông ký nhận vào là tôi đã trả hết. Số tiền này là của ông.

Tôi tưởng ông Phó Nề sẽ nhẩy đến hôn cảm ơn chú tôi, chú tôi thực ra không phải là người ác-tâm như người ta tưởng nhầm. Nhưng không phải thế.

Ông Phó kêu :

– Chết chữa ? Đơn thanh-toán của tôi, là hơn 4 ngàn phật-lăng chứ? Chính ông đã trừ đầu trừ đuôi nên chỉ còn có thế, mà bây giờ còn định rút nữa à ?

– Ông không cần ba ngàn à ? Thôi được. Cảm ơn ông Tôi định trả là để giúp ông trong lúc cấp bách.

Ông Phó Nề lại giải-thích, lại trình-bày, lại kêu van. Nhưng mặt chú tôi cứ lạnh như tiền. Biết là nói mấy cũng không chuyển, ông Phó Nề đành cầm lấy lá đơn thanh-toán, ký đại.

Xong với một giọng ghen-ngào, ông nói :

– Ông đưa tiền đây.

Chú tôi đáp :

– Tiền đây.

Cầm tiền xong, ông Phó Nề đứng dậy, đội mũ lên đầu, nhìn thẳng vào chú tôi, nói:

– Ông Si-Mông ơi ! Tôi nói thực : tôi thích nghèo như tôi còn hơn giàu như ông.

Chú tôi tái mặt lại môi hơi run-run, nhưng định-thần lại ngay, cười cười và nói:

– Cái đó tùy thích.

Rồi tươi cười, đưa chân ông Phó Nề ra tận cửa như tiễn một người bạn thân.

Lúc trở vào – tôi đang ngồi ghế – chú tôi thẳng tay tát tôi một cái thật mạnh tôi ngã hẳn xuống đất.

Chú tôi quát:

– Bây giờ, tao với mày thôi. Mày giở trò tao xem. Mày mách tao có tiền, mày biết mày mách thế để làm gì chứ ?

Tôi tuy bị đau điếng người, nhưng tinh-thần tôi còn tỉnh, tôi nói trả thù :

– Đúng lắm.

Chú tôi định nhảy vào tôi, tôi đã đề-phòng, tôi chui luôn xuống gầm bàn rồi lén sang bên kia để cái bàn chắn chú tôi.

Thấy tôi lách thoát, chú tôi liền nhắm miêng vớ một quyển luật to tướng ném trúng người tôi, tôi ngã dúi xuống đất, đầu đập vào góc tủ. Tôi lạng người, không sao đứng dậy được.

Sau cùng, tôi cố vịn vào tường để đứng lên, máu đầu chảy xuống khắp mặt khắp mình. Chú tôi điềm-nhiên đứng nhìn không cứu chữa.

Lúc lâu, chú tôi bảo :

– Đi lấy nước rửa đi! Đồ khốn ! Nếu lần sau còn thế, tao giết chết mày.

– Cháu muốn về.

– Về đâu?

– Nhà mẹ cháu.

– Thật chứ ? Nhưng mày không đi được đâu, mẹ mày đã cam-kết cho mày ở với tao năm năm kia và tao không bằng lòng cho mày ra... *cháu muốn về, nhà mẹ cháu, mẹ cháu, mẹ cháu* đồ ngu !

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA-ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương VII VỀ QUÊ

TÔI có ý bỏ nhà chú tôi đã lâu để trốn đi Hao-Cảng để làm tàu. Mỗi lần phải nhịn đói, mỗi lần bị hành-hạ – nghĩa là ngày nào cũng thế – ý-định trên lại sôi-nổi trong lòng tôi. Những khi chú tôi đi vắng, ở nhà tôi tìm đến tấm bản-đồ Noóc-Măng-Đi treo ở cạnh cầu thang, nghiên cứu cuộc hành-trình. Tôi chế một cái com-pa bằng gỗ để đo và tính đường đi như ông Biên-Gia đã dạy tôi. Từ tỉnh Đôn đến tỉnh Hồng-Lư ở cửa sông Sen phải đi mất chừng 8 ngày và phải qua 7 thị-xã. Ngày đó, mỗi tấm bánh độ nửa ki-lô giá 3 xu. Nếu tôi gom-góp được 28 xu hoặc 20 xu thôi là tôi không lo chết đói ở dọc đường. Nhưng làm thế nào mà có cái vốn 20 xu ? Không làm thế nào được, tôi đành chịu bó tay. Trận đòn thù vừa rồi đã giúp tôi giải-quyết vấn-đề đó. Sau khi ra rửa đầu, rửa mặt ở dưới vòi nước và bịt cho vết thương qua-quèo, tôi vào buồng nằm và quyết thi-hành chương-trình của tôi vì tôi không thấy khó-khăn nữa. Tôi nghĩ đến những trái cơm xôi (dâu rừng) bắt đầu chín đen ở hai bên bờ đường và ở ven rừng, nghĩ đến những trứng chim trong tổ có thể kiếm được và nghĩ đến những đồng xu người ta thường đánh rơi trên đường, cát bụi phủ đi. Và may ra tôi sẽ gặp được những người chủ xe chở hàng cho tôi đi nhờ và cho tôi ăn để tôi đánh giúp xe lúc họ mỏi-mệt và buồn ngủ. Khi tới được Hao-Cảng rồi, tôi tin rằng thế nào cũng có thuyền-trưởng cho tôi làm chân tiểu-thủy-binh. Một khi ở biển rồi, thượng-lộ bình-an! Tôi là người lính thủy ! Hết hạn, tôi sẽ về thẳng Thiên-Cảng, mẹ tôi sẽ hôn tôi, tôi sẽ trao cho mẹ tôi tất cả tiền lương của tôi. Nếu không may, tàu chúng tôi bị đắm, càng hay : một đảo hoang, những dân mọi, một con vẹt ! Ôi ! Lỗ-Bình-Sơn ! Nghĩ đến đây, tôi mất cả đầu đau và quên rằng mình chưa được ăn bữa tối. Chủ-nhật nào cũng thế, từ sáng sớm chú tôi đã đi thăm tòa nhà mới mua và ở đấy đến khuya mới về. Vì thế, từ tối hôm nay là

thứ bảy cho đến sáng thứ hai, chắc-chắn là tôi không trông thấy chú tôi. Nếu tôi bắt đầu trốn đi ngay thì tôi đi trước được 36 tiếng đồng-hồ rồi chú tôi mới biết. Nhưng cửa xuống nhà dưới khóa kỹ, có lẽ phải nhảy từ gác xuống sân rồi chui lỗ giậu sang chuồng con Pa-Tô. Khi đã ở vườn ông Bá-Huân rồi, tìm cách ra ngoài đồng rất dễ.

Tôi vừa nằm trong giường vừa bàn tính kế-hoạch, đợi chú tôi ngủ là tôi thi-hành.

Giờ lâu, tôi đoán chú tôi đã ngủ say, tôi trở dậy và sửa-soạn để đi. Tôi bỏ hai áo sơ-mi và ba đôi bí-tất vào trong mùi-xoa buộc lại. Tôi mặc một cái áo vét lạnh và một cái quần dạ, tay xách giày cho khỏi động, rồi tôi mở cửa buồng ra.

Tôi đang khép cửa lại thì một ý-nghĩ nực cười vụt qua trong trí tôi. Tôi lại lộn vào. Đêm đó không có trăng nhưng trời không tối lắm. Mắt tôi quen nhìn trong bóng tối nên trông rõ các đồ-vật. Tôi lấy một chiếc ghế dựa để lên giường tôi trèo lên ghế, tay với đưng con cá sấu treo ở dưới trần. Tôi tháo nó xuống, ôm vào hai cánh tay và đặt nằm dài trên giường tôi. Xong tôi lấy chân đắp kín đầu đuôi.

Tưởng-tượng đến vẻ mặt kinh-ngạc của chú tôi, sáng thứ hai khi vào mở chăn thấy con cá sấu nằm ở chỗ tôi, tôi nhin cười không được, có thể chú tôi tưởng con cá sấu đã nuốt sống tôi rồi cũng nên! Nghĩ thế, tôi lại cười bò ra.

Tôi bày trò đó để trả thù chú tôi.

Tôi trèo qua cửa sổ, bám vào những khắc ở tường và tụt xuống vô sự. Khi tôi đã sang được vườn nhà ông Bá-Huân rồi, tôi hết cười. Tôi lo sợ nhìn chung quanh tôi: cây-cối ban đêm hiện ra những hình-thù kỳ-dị. Trong những bụi cây-cảnh có những lỗ sâu hoắm, tôi không dám nhìn. Một làn gió nhẹ thổi qua, lá cây sào-sạc. Bất-giác tôi chạy nép vào lều con Pa-tô. Bạn Pa-tô ơi! Nếu bạn còn ở đây, chắc ta chưa phải đi đâu !

Trước kia tôi cứ tưởng tôi là người bạo-dạn, bây giờ chân tôi rún ra, rằng tôi đập vào nhau cầm-cập, tôi tự lấy làm xấu-hổ. Tôi liền thu hết nghị-lực, đứng phắt dậy, ném gói áo qua tường ra ngoài đồng. Rồi nhờ dạng cây dựa sát tường, tôi leo lên được nóc

tường. Tôi nhìn ra cảnh-đồng thấy vắng-vẻ và im-lìm, tôi liền tụt xuống, nhặt gói đồ và cầm cổ chạy.

Tôi chạy như thế hơn một tiếng đồng-hồ, sợ quá không dám ngoảnh cổ lại và cũng không dám nghĩ. Sau cùng tôi thở không được nữa thì lúc đó tôi đã ở giữa cánh đồng cỏ, một lạch nhỏ róc-rách đưa nước ở vùng lầy ra biển. Ngày ấy đang vụ gặt cỏ. Qua làn sương bạc, tôi trông thấy lô-nhô những đồng đất nhỏ hai bên đường. Tôi bỏ đường cái rẽ xuống ruộng và ngồi phịch trên đám cỏ khô. Tôi đã cách thành-phố được hai dặm rồi, tưởng như ở nơi cùng tột chân trời, tôi mới dám thở tự-đo.

Đầu đau, bụng đói, vừa cảm-xúc vừa mệt lử, tôi nằm vật trên cỏ ẩm và thiu-thiu ngủ do những tiếng ru của trăm ngàn ếch nhái trong vùng lầy đưa ra.

Một cơn gió lạnh làm tôi trở dậy. Cái lạnh buổi sớm ở miền này thấu đến tận xương mà tôi chưa biết.. Quần-áo tôi ướt đầm như bị nước mưa rào. Tôi rét run từ đầu đến chân.

Nhưng khổ hơn cái rét là tôi thấy trong mình tôi hơi choáng-váng Cuộc đắm tàu, hòn đảo vắng không làm cho tôi thích-thú như trong giấc mộng đêm qua nữa. Thế là tôi sẽ không bao giờ được trở lại quê-hương ! Không bao giờ được trông thấy mẹ tôi nữa! Một trào lệ dâng đầy mắt tôi. Quên cả rét, tôi ngồi bó gối trên đám cỏ, đầu gục trong hai bàn tay, không nhúc-nhích.

Khi tôi ngẩng mặt lên, chương-trình của tôi bị thay đổi hẳn. Tôi phải về ngay Thiên-Cảng nhìn mẹ tôi một lần nữa rồi mới đi Hao-Cảng. Tôi sẽ tới nơi vào buổi tối và nấp trong mui tàu – mui tàu cũ ở cạnh nhà – để sáng hôm sau đi sớm không ai biết. Như vậy, ít ra tôi cũng sẽ đem theo được hình-ảnh mẹ tôi và nhà tôi. Và nếu bỏ nhà mà đi là một điều lỗi, thì lỗi đó cũng giảm đi được đôi phần.

Tôi liền cầm bọc áo đứng dậy, còn gần 11 dặm nữa mới đến nhà. Không để mất thì-giờ, tôi lên đường ngay. Trời sắp sáng rõ, xa xa người ta đã nghe thấy tiếng chim kêu. Ở phương đông, một ánh vàng hiện ra rồi biến thành sắc đỏ, tỏa dần-dần trên trời và tới đỉnh đầu tôi. Một cơn gió bắc nhẹ thổi qua cành cây, rũ hết những hạt sương đêm. Những ngọn cỏ, những bông hoa vươn

thăng. Một làn khói xanh nhẹ-nhàng bay lên và tan trong gió.
Trời đã sáng.

Tôi đã tưởng nhầm đi đường ngẫu-nhiên sẽ có cái ăn. Nhưng đi đã nhiều giờ rồi mà tôi chẳng gặp cái may nào cả. Trong cánh đồng, tuyệt-nhiên không có cái gì ăn được. Trái lại trong các làng tôi đi qua, người ta đang sửa soạn cho ngày chủ-nhật: trên bàn các tiệm ăn có những khoanh thịt to-tướng, trong tủ các hàng bánh bày những ổ bánh mì vàng với những tấm bánh trắng sực mùi bơ nóng. Nhìn thấy những thứ đó, miệng tôi ứa đầy nước miếng. Tôi bụng bảo dạ : đừng nghĩ đến cái đói thì không thấy thèm ăn nữa. Tôi liền cất giọng hát nghêu-ngao : những khách qua đường đều trở-mắt nhìn một đứa trẻ, tay xách gói đồ vừa đi thất-thểu vừa gào điếc tai.

Trò ca-hát không thể kéo mãi được, cổ tôi khô lại. Bên cạnh cái đói, tôi lại đeo thêm cái khát. Nhưng điều này dễ giải-quyết, vì tôi thường gặp những con sông con chảy ra biển. Tôi tìm một chỗ sạch, tôi quỳ xuống, cúi miệng xuống nước uống tha-hỗ. Tôi tưởng dù là chất lỏng hay chất đặc, miễn dạ-dầy đầy là được. Tôi lại nhớ rằng có lần tôi bị sốt trong bốn, năm hôm liền, không ăn gì chỉ uống thôi mà tôi vẫn không thấy đói.

Một khắc sau tôi ra mồ-hôi đầm-đìa. Thì ra nước dưới tia nóng của mặt trời, đã sinh hiệu-quả. Tôi mỗi-một quá như người hết hơi, tôi gắng sức lê vào dưới bóng cây ngồi nghỉ. Chưa bao giờ tôi bị mệt lả đến thế. Tai tôi ù-ù, mắt tôi trông vật gì cũng đỏ lòe. Chỗ ấy gần thôn xóm. Nhưng gần dân-cư cũng chẳng có ích gì cho tôi vì trong lưng tôi chẳng có lấy 1 xu để mua bánh.

Mấy người nhà quê qua mặt tôi. Họ nhìn tôi và nói nhỏ với nhau. Rất có thể họ cho tôi là quân du-đăng và bắt tôi. Tôi sẽ phải thú-nhận ở đâu đến và định đi đâu. Họ sẽ điệu tôi về với chú tôi. Ý-tưởng đó làm tôi ghê người. Tôi liền đứng dậy tiếp-tục đi. Tôi bước lù-khù như người ốm. Óc tôi vẫn-vơ nghĩ đến mấy câu thơ mà tôi đã học thuộc lòng khi ở nhà ông Biên-Gia :

Thượng-Đế chẳng bao giờ,

Để chúng-sinh khổ-cực.

Cả đến bầy chim non,

Cũng ban mỗi độ nhật.

*Lòng nhân-ái vô biên,
Bao trùm khắp trái đất.*

Không lẽ trước đấng Thượng-Đế, tôi lại không bằng những con chim đang nhảy hót trên cành kia hay sao?

Tôi vừa đi vừa đọc lại bài thơ đó. Những lời cầu-nguyện này khác nào như một bản hành-khúc đưa tôi đến một khu rừng lúc nào không biết. Tôi chợt nhìn thấy ở bờ dốc dưới chân những cây kim-tước vàng có những điểm đỏ chót lóng-lánh trong cỏ : những quả dâu ! Đúng những quả dâu ! Tôi liền nhảy qua hào. Chỗ này dâu mọc chi-chít trông như một luống rau trong vườn. Sâu hơn chút nữa, trong rừng thưa không biết cơ-man nào là dâu chín trông xa như một tấm thảm đỏ. Tôi tha-hồ ăn, tôi ngắt những quả ngon nhất, những quả to nhất, không ở đâu hơn nữa.

Khi đã đủ no, tôi muốn hái rất nhiều dê dành. Đi đường tôi có thể đổi lấy bánh ăn.

Bánh mì là tất cả vọng-tưởng của tôi ! Nhưng ít thì-giờ quá vì lúc đó đã quá trưa rồi, mà tôi còn phải đi đến năm, sáu dặm nữa mới đến Thiên-Cảng. Vả chân đau, đường dài, tôi lo không biết bao giờ mới tới nơi. Vì thế dù có lá tần-bì bọc thêm vào mùi-xoa, tôi cũng không sao hái dâu nhiều hơn nữa như lòng tôi muốn. Tỉnh-táo lúc đầu, rồi tôi lại thấy mệt dần. Định đi mỗi thôi là nửa dặm, mà rồi cứ mỗi cây-số lại phải ngồi nghỉ ngay trên mốc cột.

Vẻ mệt nhọc của tôi trông rất rõ-rệt. Trong khi tôi đang ngồi nghỉ, có một người bán cá đi bộ dắt xe. Trông thấy tôi người đó hỏi :

– Mệt lắm hả ?

– Thưa ông, hơi mệt thôi.

– Ta biết. Em còn phải đi nhiều nữa không ?

– Năm dặm nữa.

– Nếu em về Thiên-Cảng, ta cũng đi đây, lên xe ta chở.

Đó là một thời-cơ quyết-định. Tôi liền thu hết hơi sức và can-đảm, đứng dậy, nói :

– Thưa ông, tôi không có tiền. Nếu ông có muốn lấy dâu thay cho tiền chở, thì đây gói dâu tôi vừa hái được.

Tôi mở gói mùi-xoa ra.

Ông hàng cá đáp:

– Thơm quá nhỉ ! Em không có tiền, cứ lên xe đi. Đến quán cơm Cối-Xay em sẽ bán dẫu và trả tiền xuất rượu cho ta.

Đến quán Cối-Xay, mẻ dẫu của tôi bán được có 6 xu.

Việc bán dẫu xong xuôi, ông hàng cá nói :

– Bây giờ đủ hai xuất rượu đấy.

Tôi không thể dụt-dè nữa, tôi nói:

– Thưa ông, tôi cần miếng bánh hơn.

– Cứ uống đi, nếu em đói, lát nữa em sẽ ăn với ta và ta trả tiền cho.

Lát nữa sẽ ăn ! Tôi không để mời đến hai lần!

Tôi cứ tưởng đến tối tôi mới tới Thiên-Cảng, ai ngờ chưa đến 4 giờ chúng tôi đã đến nơi. Lúc đó là giờ mẹ tôi ở Nhà Thờ cầu kinh vãn-khóa. Tôi có thể về nhà mà không ai biết và đủ thì-giờ vào ẩn trong mũi tàu là chỗ mẹ tôi ít ra vào.

Trong mũi tàu đồ-đạc vẫn nguyên như khi tôi ra đi, vẫn nguyên như sau ngày cha tôi mất. Trong buồng để đầy lưới và dụng-cụ đánh cá. Khô quắt như những mạng-nhện cũ những lưới đó xông ra toàn mùi vỏ dà và mùi dầu hắc. Tôi hạ một nắm lưới đó rải làm ổ nằm. Xong tôi khép cửa sổ lại để tôi có thể trông ra được mà người ngoài không nhìn thấy, rồi ngồi đợi.

Tôi ngồi một lúc thì buồn ngủ rũ ra. Có tiếng nói làm tôi tỉnh dậy. Có lẽ tôi ngủ đã lâu vì lúc đó trời đã tối sẫm. Tôi thấy mẹ tôi đang cúi đầu thổi lửa trên bếp. Một người dì tôi đứng gần đó tựa lưng vào vách.

Dì tôi nói:

– Thế đến chủ-nhật chị nhất định đi à ?

– Phải. Tôi ở nhà buồn quá. Tôi muốn chính mắt tôi được trông thấy con tôi xem độ này thế nào. Cháu không phàn-nàn gì trong thư nhưng hình như cháu cũng buồn lắm thì phải.

– Ý chị thế nào thì chị cứ nói thẳng. Vào địa-vị chị, tôi không khi nào lại để cho nó ở với anh Xi-Mông.

– Vậy cứ cho nó đi biển hay sao ?

– Thì sao ?

– Thì sao! Thế con trai đầu lòng của dì bây giờ đâu ? Các anh Phúc, anh Linh của ta bây giờ đâu ? Chồng tôi bây giờ đâu ? Chồng chị Phăng-Xoa đâu ? Hãy nhìn chung quanh ta xem bao nhiêu người thiếu mặt ? Ôi! Đi biển ! Đi biển

– Thế mà biển không đáng sợ bằng ông Xi-Mông, ông ấy không phải là người. Ông ấy là một đồng tiền !

– Chính chỗ đó làm cho tôi mất ăn mất ngủ. Không phải sợ nó phải chịu khổ-sở bây giờ, mà sợ nó sau này sẽ trở nên thế nào nếu ở mãi bên cạnh con người như thế. Giá tôi đừng để nó ở năm năm với ông ấy thì phải!

– Vậy chị bắt-buộc phải cho nó ở với ông ấy hay sao ?

– Nếu tôi đòi về, tôi phải thưởng cho ông ấy. Tiền, lấy ở đâu ra ? Thôi đành đi thăm cháu vậy.

– Nếu vậy, chiều thứ bảy, tôi sẽ đem đến liền bơ, chị sẽ cầm cho cháu nói là quà của tôi. Chắc nó phải ăn kham-khổ.

Dì tôi ra về. Mẹ tôi làm bữa. Mùi khoai rán trong chảo làm tôi nhớ lại ngày nào tan học về, bụng đói thèm ăn.

Mẹ tôi ngồi vào bàn, quay mặt về phía tôi, ngọn đèn soi tỏ. Mẹ tôi ăn rất chóng. Thương-hại cho mẹ tôi ! Bây giờ tôi còn nhìn thấy rõ, nét mặt buồn-bã làm sao ! Mẹ tôi đang nghĩ đến tôi đó. Mà tôi ngồi đấy chỉ cách mẹ tôi có ba bước, chẳng chạy ra, đang tâm ngồi lại do cái ý-định khốn-nạn của tôi.

Có tính ngăn-nấp và sạch-sẽ, mẹ tôi xếp dọn các thứ đâu vào đấy rồi rửa bát đĩa, lau bàn ghế. Xong quỳ trước ảnh Chúa treo trên tường, mẹ tôi bắt đầu đọc kinh cầu-nguyện.

Đã bao nhiêu lần, cũng giờ này, cũng chỗ ấy, hai mẹ con cùng nhau đọc bài kinh ấy, cầu Chúa phù-hộ cho cha tôi.

Nghe những lời kinh thiết-tha mà chúng tôi thường đọc, tôi liền quỳ trên đồng lưới lẩm-nhẩm cầu-nguyện theo mẹ tôi. Nhưng lần này không phải tên cha tôi mà chính tên tôi do miệng mẹ tôi thốt ra.

Trời ơi! Sao lúc đó tôi lại không nhảy ra bên cạnh mẹ tôi ?

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương VIII **QUYẾT RA ĐI**

TÔI nằm và khóc. Giấc ngủ ở dưới mái nhà mẹ sao tôi thấy bồn-
chồn không yên bằng giấc ngủ đêm qua tôi nằm ở trong cánh
đồng cỏ tỉnh Đôn.

Gần sáng, tôi nghe thấy tiếng nước biển lên và vỗ vào bờ đá ào-
ào, tôi lén ở mũi tàu ra.

Chiều hôm qua, tôi về hồi 4 giờ, nước triều bắt đầu xuống, bây
giờ nước triều đang lên tức là trời sắp sáng, tôi không muốn có
ai trong xóm dậy sớm trông thấy tôi.

Trong chương-trình lữ-hành của tôi, tôi không tính trước đến
buổi phải phân-ly mái nhà mẹ. Vì thế bước chân ra khỏi giậu
kim-tước ngăn sân nhà tôi với bãi hoang, bất giác tôi ngừng
bước và quay đầu lại. Trái tim tôi đập như phá. Con gà sống ở
chuồng nhà tôi cất tiếng gáy. Mấy con chó hàng xóm nghe thấy
tiếng chân tôi đi, tỉnh dậy và sữa ầm-ỹ. Bình-minh bắt đầu rạng.
Mấy tia ánh-sáng trắng-trắng rọi sau bờ đá làm cho nhà tôi nổi
bật hình đen.

Tất cả những kỷ-niệm ấu-thời bỗng-nhiên hiện ra trong óc tôi.
Những đêm tôi khóc, cha tôi bế tôi đi đi lại lại trong buồng và
hát để dỗ-dành tôi. Con chim sâu thứ nhất mà tôi bắt được vỗ
đôi cánh gầy đến ăn trong lòng bàn tay tôi. Những đêm gió bão
mẹ tôi lo buồn không ngủ. Những buổi cầu kinh trước ngọn đèn
hắt-hiu. Tôi đã từng mục-kích bao nhiêu cái sầu-não, cái đau-
khổ của mẹ tôi. Rồi bỏ mẹ tôi như vậy phải chăng là một tội bất-
hiếu ?

Hải-đăng đã tắt. Mặt biển long-lanh dưới bầu trời còn tối. Trên
những mái bếp trong làng, những cuộn khói vàng lên thẳng
trong không-khí. Tiếng guốc đi lạo-xạo trên đường đưa đến tai
lôi : người ta đã dậy.

Tuy-nhiên, ngồi nấp trong khóm kim-tước, tôi do-dự, băn-
khoăn, trách mình và khổ-não. Trí phiêu-lưu, hy-vọng làm nên

không cần nhờ ai, những phương trời lạ muốn kéo tôi lên đường. Trái lại tính dút-dát của tôi, những thử-thách của ngày hôm qua, nhất là lòng thương-nhớ mẹ tôi thắt chặt mỗi dây nó ràng-buộc tôi với nơi chôn rau cắt rốn.

Chuông lễ ban mai đã điểm. Hồi chuông chưa dứt, mẹ tôi đã mở cửa ra ngoài hiên và sắp sửa đi làm. Khi tôi nghe thấy tiếng cánh cổng ngoài khép lại, tôi liền đứng lên trông theo mẹ tôi. Tôi thấy bóng trắng cái mũ vải của mẹ tôi thấp-thoáng qua những cành cây hàng rào.

Mặt trời đã lên cao và rọi sáng nhà tôi. Dưới ánh nắng xiên-xiên, lớp rêu phong trên mái xanh mượt như nhung, đây-đó điểm một vài bông hoa thiên-thảo vàng choé, trông như một bức thêu. Gió nam hiu-hiu thổi, từ ngoài khơi đưa vào cái lạnh mẫn-mẫn trong bầu không-khí trong-trẻo ban mai.

Tôi rời nhà mẹ tôi, lẩn đi rất nhanh cũng như lúc lẩn về.

Tôi đi, được rồi. Nhưng đi cho đến nơi, chính là một điều khó.

Cái kinh-nghiệm rút trong hai ngày hôm qua đã dạy tôi rằng đường dài rất vô-tình đối với những kẻ túi rỗng. Tôi lo nhất về cái ăn trong cuộc lữ-hành của tôi. Chợt tôi nhớ đến lời ông Biên-Gia đã có lần bảo tôi :

– “*Biển là một người mẹ-nuôi hậu-hĩ hơn ruộng đất*”.

Vì thế tôi trông mong vào bãi biển để độ-nhật; những con hến, con sò.

Tuy-nhiên tôi không dám xuống bãi ngay, sợ gặp người quen. Tôi đi mãi, đi mãi, cách xa Thiên-Cảng độ ba, bốn dặm, tôi mới xuống bãi tìm ăn. Không có sò, chỉ cỏ trai. Tôi ăn cũng thấy thú. Ăn xong, đáng lẽ phải đi ngay, nhưng thấy biển tôi thích quá, tôi chạy nhảy trên bãi, tôi xục-xạo trong các hang. Sướng quá tôi tìm được một tấm gỗ thông và làm tàu. Tôi lấy dao gọt vát hai đầu thành hình thoi. Tôi khoét một lỗ ở gần đầu. Tôi cắm một cành cây thẳng vào làm cột và tước dây miên-liễu chằng xuống bốn góc cho vững. Trên gần đầu cột tôi buộc một que ngang. Trên que ngang này tôi căng chiếc khăn mùi-xoa. Thế là tôi có một cái tàu buồm đẹp, tôi lấy tên mẹ tôi đặt tên cho tàu này. Thế rồi, suốt buổi nước triều xuống, quần xắn đến đầu gối, tôi thả tàu của tôi trong một vũng nông.

Tôi mãi chơi, trời tối lúc nào không biết. Phải tìm một chỗ ngủ ban đêm. Tôi chọn một cái hang đá lớn – do sóng biển đục khoét dần mòn trong những độ thủy-triều lớn về tiết xuân-phân, thu-phân – và tôi nhặt những bụi rong khô làm ổ. Cái tổ hoang-vắng này ngủ êm-ấm hơn ở cánh đồng cỏ tỉnh Đôn biết bao nhiêu ! Tôi ngủ ngon như trong nhà và suốt đêm tôi du-ngọa trên chiếc tàu buồm của tôi tới những bến Thần-Tiên. Tàu đắm, tôi lạc vào một hòn đảo. Ở đây có vô số là bánh mì, thịt quay treo lủng-lẳng ở dưới những cành cây, như là một vườn táo sai quả. Dân mọi tôn tôi làm Chúa. Mẹ tôi cũng đến đó và được suy-tôn làm Hoàng-Thái-Hậu. Tiệc bày rất thịnh-soạn với thứ rượu tần ngọt dịu. Thần dân hoan-hô.

– Thánh-Hoàng vạn tuế !

Trời chưa sáng, cái đói đã đánh thức tôi dậy. Bụng dạ cồn-cào. Tôi đợi cho nước xuống, ra bãi tìm sò. Nhưng tôi càng ăn, bụng càng thấy đói. Tôi nhớ bánh mì. Nhưng tìm đâu ra bây giờ. Tôi tháo cột buồm ra, tôi gỡ mùi-xoa bỏ túi. Tôi bỏ nơi trú-ẩn đêm qua và bắt-chước mấy người lữ-khách có hậu, trước khi đi tôi đặt tên cho cái hang ấy là “ Động Chúa ”.

Rồi tôi theo dọc bờ đá đi mãi, xa trông có một làng ở ven bờ biển, tôi định vào làng đó xem có gặp người quen không. Đến công-trường gần Nhà Thờ, tự-nhiên tôi đứng dừng trước cửa một hiệu bánh, nhìn vào. Trong tủ bày những tấm bánh to vàng-ối, trong hiệu đưa ra một mùi thơm-thơm của bột nhào và bánh trắng. Tôi trở mắt nhìn và ước gì có phép hút những tấm bánh đó ra ngoài tủ và đến miệng mình.

Chợt có tiếng ồn-ào ở công-trường sau lưng tôi: tiếng giày, tiếng guốc, cười nói, tiếng gọi nhau: học-trò tan học.

Thấy một trẻ lạ, tóc rối-bù dưới mũ cát-két, giày đầy cát bụi, một tay xách gói, một tay cắp miếng gỗ đang đứng ngơ-ngác, bọn học-trò liền chạy đến chỗ tôi. Những đứa đến trước gọi những đứa đến chậm, trong nháy mắt chúng túm đông túm đò chung quanh tôi, ngó nhìn như được xem một vật lạ.

Cái tàu của tôi làm cho chúng ngạc-nhiên hơn cả. Chúng hỏi nhau :

– Này Giáp ! Nó cắp cái gì thế ?

– Mày không trông thấy là miếng gỗ à ?

– Không, cái đàn!

– Cái đàn ? Ngu quá ! Nó có “khăn buộc đầu đầu” !

Không có “khăn buộc đầu” ! Chúng cho tôi là dân sơn-cước !

Lòng tự-ái của tôi bị chạm, tôi bực quá nói to :

– Cái tàu buồm !

Tôi vừa nói vừa tìm lối để lách ra khỏi vòng người mỗi lúc một đầy thêm.

– Cái tàu buồm !

– Nó điên à ?

– Lại xem chàng lính thủy !

Chúng vừa chế-riều vừa nhẩy-nhót chung quanh tôi.

Tôi choáng-váng người, cố lách ra. Một đứa ngỗ nhất trong bọn giật cái tàu của tôi. Đồng-thời một đứa khác quăng mũ của tôi lên trời.

Ôi! Cái mũ đẹp của tôi ! Cái mũ tôi vẫn đội trong ngày Tết bị khinh-rẻ thế à ?

Tôi gạt mạnh những đứa ở cạnh tôi chạy theo và bắt được cái mũ chưa rơi đến đất. Tôi ấn mạnh cái mũ vào đầu, giờ hai nắm tay ra sẵn-sàng để chống-cự.

Nhưng lúc đó, có tiếng chuông Nhà Thờ đưa ra. Bọn trẻ chạy ồn về cả phía cửa nhà Thờ, lôi-cuốn cả tôi đi. Chúng vừa chạy vừa kêu :

– A ! Lễ Rửa-tội !

Người mẹ đỡ đầu và người cha đỡ đầu ở Nhà Thờ ra. Vừa ra khỏi cửa Nhà Thờ – người cha đỡ đầu là một ông sang-trọng – móc ở cái túi lớn do một đầy-tớ cầm theo sau, một nắm kẹo ném ra. Lũ trẻ chạy xô vào cướp. Chúng chưa kịp ngừng đầu lên, quý-ông kia lại ném thêm nắm khác. Lần này không những có kẹo mà còn nghe tiếng xu rơi và lăn trên thêm lát đá hoa. Tôi thấy một đồng lăn về phía tôi, tôi chạy vồ lấy. Khi tôi đang nhặt thì một nắm tiền khác lại tung ra, tôi hên quá vớ được một đồng 10 xu. Có mấy đứa vồ trượt thấy tôi bắt được liền chạy xô đến tôi và kêu :

– Nó không ở làng ta! Nó không được lấy !

Chúng liền giẫm lên tay tôi lên để cướp lại, nhưng tôi cứ nắm chặt. May sao, túi tiền quý-ông đỡ đầu chưa hết. Chúng liền lộn lại tranh nhau vồ những mẻ tiền sau.

Tôi được tất cả 12 xu. Tôi đến luôn hiệu bánh bảo bà hàng cắt cho nửa cân. Vỏ bánh ròn tan kêu rắc-rắc dưới lưỡi dao nghe êm-ái hơn các bản nhạc du-dương nhất. Tôi vừa gặm bánh vừa bước vội ra khỏi làng. Trí trả thù bọn trò kia bỗng tiêu-tan cả. Tôi chỉ mong mau thoát khỏi những kẻ địch của tôi

Tôi đi được độ 2 giờ thì đến một đền canh cửa sở Đoan bỏ không. Tôi định ngủ đêm ở đây. Tôi thường nghe người ta nói : *“Làm tiền thành mất ngủ”*, câu này áp-dụng lúc này cho tôi rất đúng. Tôi lấy mấy ôm bèo khô rải ổ. Chỗ nằm khá êm nhưng tôi không sao chợp mắt được, óc tôi cứ luẩn-quẩn nghĩ không biết dùng số tiền trong túi để làm gì. Nửa cân bánh buổi chiều đã mất 3 xu rồi. Tất cả của-cải còn lại cỡ 9 xu thôi. Có nên dùng số tiền này để ăn trong ba ngày không ? Hay là đem số tiền đó mua những vật-dụng gì khả-dĩ dùng để kiếm thức ăn trong suốt thời-gian đi đường, chả hơn hay sao ? Đó là hai vấn-đề làm rối óc tôi suốt đêm không ngủ được.

Nếu hôm qua tôi có cái nồi để nấu chín tôm cua tôi bắt được thì tôi không đến nỗi phải nhịn đói. Và nếu tôi có được một cái lưới, chỉ cần nhỏ bằng nửa cái mùi-xoa, tôi đã tha-hồ bắt được tôm lớn, tôm nhỏ trong các vũng.

Sáng dậy, tôi quyết-định đi tới làng đầu tiên là tôi vào mua bao diêm 1 xu, mua sợi gai 3 xu, còn bao nhiêu mua một cái soong bằng sắt tây. Tôi xin thú-thực rằng tôi quyết mua sợi không phải là do trí khôn-ngoa của tôi mà do lòng ao-ước có chút sợi để dùng. Thực vậy, những cái dây bằng miên-liễu buộc cột buồm coi thô-lậu quá. Với 3 xu sợi, tôi có thể chẳng được cột buồm tử-tế, còn thừa để đan lưới cũng vừa.

Tôi bắt đầu mua sợi trước rồi diêm sau. Còn việc mua soong thì vấp phải một khó-khăn mà tôi không tính trước được : cái rẻ nhất giá cũng 15 xu. May sao tôi nhìn thấy trong góc hàng có một cái bẹp dùm mà người ta vớt ra đó vì không đáng chữa. Tôi hỏi bà hàng có bán không. Bà ta đã *“làm ơn”* – bà ta nói thế – để rẻ cho tôi và chỉ lấy có 5 xu.

Ngày hôm đó tôi đi được ít đường đất hơn hôm trước vì mỗi khi tìm được chỗ mát là tôi lại nghỉ để chế một cái kim, một cái khuôn bằng gỗ và đan một cái lưới. Tôi đã quen nghề này lắm, nên coi như một trò chơi. Đến bữa ăn, tôi rất sung-sướng được ăn những con tôm cát bằng vỏ tôi đan, luộc bằng nước biển trong cái soong nắn lại với một ít củ cành kiếm trong bờ bụi. Nhưng cái “phúc” không bao giờ “trùng lai”. Cái bếp của tôi làm ở chân bờ dốc ngoài bãi. Những làn khói xanh tỏa lên làm cho người lính Đoan chú-ý. Tôi trông thấy người lính ấy ở trên bờ đang cúi nhìn xuống xem khói ở đâu ra. Người lính sẽ hỏi tôi làm gì ở đó và bắt tôi chăng ? Tôi đâm lo. Muốn thoát nạn, đáng lẽ cứ theo dọc bờ biển mà đi, tôi liền tìm con đường gần nhất rẽ vào trong đất.

Bây giờ tôi không sợ lính Đoan nữa, nhưng tôi lại không có điểm canh của họ để trú ban đêm. Tôi phải ngủ giữa đồng. Điều đáng buồn nhất là tôi không nhìn thấy một chòm cây nào. Xa-xa, chỉ có một vài đồng cỏ khô hiện ra như những chấm đen trong bóng chiều. Lại một đêm ngủ ở giữa đồng như khi rời khỏi thành Đôn, nhưng đỡ khổ hơn. Những cái chạc giấy cỏ còn bỏ ở trong đồng, tôi lấy cắm vào sườn đồng cỏ để làm mái, bên trên và hai bên tôi xếp những bó cỏ linh-lăng làm thành một cái tổ ấm-áp và thơm-tho. Sợ thợ gặt bắt gặp nên tờ-mờ sáng hôm sau khi nghe tiếng chim kêu tôi đã dậy và đi ngay.

Những giờ ăn của tôi – quý độc-giả cũng tưởng-tượng được – không do tôi định mà phải tùy theo thủy-triều. Tôi chỉ có thể ăn khi nước triều xuống và đánh được tôm cá. Nước triều thường lên vào buổi sáng nên tôi không thể ăn trước buổi trưa. Vì thế mỗi khi nước bắt đầu xuống trông thấp mép bãi là tôi tìm bắt ngay mấy con cua để ăn trước. Để tránh cái đói về buổi sáng, khi điểm-tâm xong, tôi định cố bắt rất nhiều tôm cá để ăn dần. Hôm đó tôi bắt được rất nhiều tôm to mà dân Ba-Lê thường gọi là “tôm he” và một con cá lờn-bơn.

Khi tôi trở vào bãi để tìm chỗ nấu, chợt gặp một bà đang đưa hai con gái nhỏ, tay xách cái mai bằng gỗ, đi chơi trên bãi và bảo chúng cách bới cát để tìm những vỏ ốc vỏ trai.

Bà khách gọi tôi và hỏi :

– Này em bé! Hôm nay đánh có được nhiều không?

Tóc bà trắng và đẹp, giọng nói dịu-dàng. Hai cô bé da vàng trông rất xinh tươi. Tôi không sợ và không chạy trốn. Tôi nói :

– Thưa bà, khá.

Vừa đáp tôi vừa giơ vọt ra, trong đáy vọt mớ tôm quằn-quại.

– Em bán cho tôi mớ tôm cá này nhé. Em lấy bao nhiêu ?

Tôi trả lời đại:

– Thưa bà 10 xu tất cả.

– 10 xu ! Riêng mớ tôm cũng đáng 40 xu rồi, lại còn con cá. Em không biết giá à ? Em không phải là dân chài à ?

– Thưa bà, không.

– Vậy em để rẻ cho ta mớ tôm lấy 40 xu, còn con cá cũng ngần ấy tiền.

Bà bỏ vào tay tôi 2 đồng bạc lớn (mỗi đồng 2 phật-lăng), trong khi một cô bé đổ tôm vào dảnh và một cô đỡ lấy xâu con cá.

Bốn phật-lăng! Khi khách hàng của tôi vừa quay lưng đi, tôi nháy-nhót trên bãi như một người điên. Ô! Bốn phật-lăng !

Cách bãi không đầy góc dặm có làng, tôi nhìn thấy một khu nhà ở liền nhau. Tôi liền đi đến định mua tám bánh một cân về ăn.

Bây giờ tôi không sợ các ông cảnh-sát, lính Đoàn hay tuần-phu nữa. Nếu tôi gặp ông nào hỏi tôi, tôi sẽ giơ cho ông xem hai đồng bạc lớn của tôi:

-Để cho tôi đi, ông không trông thấy tôi giàu hay sao?

Tôi không gặp cảnh-sát, không gặp lính Đoàn và rất không may là không gặp cả thợ làm bánh mì nữa.

Tôi lộn đi lộn lại đầy phố độc nhất của làng, chỉ thấy một tiệm cà-phê, một hiệu tạp-hóa, một tiệm ăn, có thể thôi, không có hàng nào cả.

Tôi cần bánh mì. Có 2 đồng bạc loảng-xoảng trong túi, tôi không chịu nhịn đói. Tôi không rụt-rè như mấy hôm trước.

Thấy bà chủ tiệm ăn đứng ngoài cửa, tôi dám hỏi bà ấy rằng :

– Bà chỉ giúp hàng bánh mì ở đâu ?

Bà ta đáp :

– Ở đây không có.

– Vậy, xin bà làm ơn để lại cho tôi nửa cân bánh.

– Tôi không bán. Bánh chỉ để dọn cho khách ăn thôi. Nếu em đói mời em vào.

Mùi thơm của bắp cải trong nhà đưa ra ; qua khung cửa tôi nhìn thấy nồi súp đang sôi trên bếp. Tôi không chống lại nỗi cái đói:

– Mỗi bữa bao nhiêu ?

– Súp, rau, thịt và bánh, giá 30 xu, kể cả tiền rượu tần.

Thật là một giá cắt cổ. Nhưng nếu lúc ấy bà ta đòi 40 xu tôi cũng ưng liền. Bà ta đưa tôi vào ngồi trong một buồng thấp và mang đặt vào bàn một thoi bánh to nặng đến một cân rưỡi.

Chính cái thoi bánh ấy làm hại tôi. Thịt thơm ngon quá, đáng lẽ phải ăn bằng nĩa, tôi liền kẹp vào ruột bánh như thứ bánh mận (sandwich) nhân rất đầy. Miếng thứ nhất nuốt ngấu-nghiến, xong đến miếng thứ hai, thứ ba ... ngon quá ! Thoi bánh ngắn đi nhanh quá ! Tôi cắn miếng thứ tư, to gấp bội, định bụng ăn hết miếng này thì thôi. Nhưng ăn xong, tôi thấy còn thừa mấy miếng thịt, tôi trở lại thoi bánh cắn thêm và chỉ để lại một mẩu con. Phải lắm chứ ! Đó là một dịp may hiếm có, phải tận-dụng mới được.

Tôi tưởng chỉ có một mình tôi trong buồng. Nào ngờ hình như có tiếng thì-thầm và khúc-khích đâu đây làm cho tôi quay đầu ra phía cửa vào. Sau bức kính vén rèm, tôi thấy vợ chồng chủ tiệm và người đầy-tớ gái đang nhìn tôi và cười. Chưa bao giờ tôi bị xấu-hổ quá như thế. Họ vào trong phòng.

Bà chủ hỏi tôi :

– Quý-ông ăn đã thỏa rồi chứ ?

Rồi cả ba người cười âm lên.

Tôi vội đứng dậy đưa đồng 40 xu ra. Bà chủ nói :

– Mỗi bữa 30 xu cho người thường còn đối với “thần trùng” như cậu em thì phải 40 xu.

Bà ta không trả tôi chỗ thừa. Tôi ra thẳng. Bỗng bà ta gọi giật lại :

– Này! Coi chừng kéo vỡ bụng nhé. Đừng đi nhanh quá !

Mặc lời căn-dặn đó, tôi rảo bước như thẳng kẻ cắp. Đi một quãng rất xa, tôi mới bước chậm lại.

Tôi lấy làm xấu-hổ đã tiêu một món tiền lớn vào một bữa ăn.

Nhưng tôi thấy trong người dễ chịu. Từ hôm tôi khởi-hành đến giờ, chưa lúc nào tôi mạnh-bạo và hăng-hái như bây giờ.

Bụng no với 40 xu trong túi : đời còn tươi trước mắt tôi. Tôi định bỏ lối bờ biển và theo hành-trình tôi đã hoạch-định lúc đầu nghĩa là đi qua quận Can-va-đô.

Tuy-nhiên có một trở ngại hiện ra. Tôi đang ở đâu bây giờ ? Tôi nhớ rõ hình thể quận Măng – là quận tôi sắp đi qua – như một bán-đảo đâm ra biển. Nếu tôi không muốn vòng theo bờ biển thì tôi phải đi về phía đông. Nhưng nẻo đường tôi sắp phải đi đây sẽ đưa tôi đến Ích-Nhi (1) hay đến Via (2). Nếu đến Ích-Nhi thì tôi sẽ lại gặp bờ biển mà đến Via thì tôi sẽ ở trong đất liền, khó tìm kế sinh-sống khi đã tiêu hết 40 xu rồi.

Vấn-đề rất quan-trọng.

Nghĩ-ngợi hồi lâu, tôi quyết đi cầu may. Gặp con đường thứ nhất là tôi rẽ luôn vào, quay lưng ra biển. Hy-vọng của tôi đặt cả vào các cột cây-số để tìm đường đi. Chẳng bao lâu, tôi thấy một cột đề “Quế-Vinh 3 km” (3). Đi 3 cây nữa đến Kiến-Thành, tôi sẽ tìm được lối đi. Vào đến tỉnh này, tôi thấy treo ở một góc tường tấm biển nền xanh kẻ chữ trắng : “ Quế-Vinh đi Ga-li-ni-ên (4) 5 km.” Tôi không nhớ đã trông thấy tên hai tỉnh đó trên bản đồ nên đâm ra bối-rối. Tôi hiện ở chỗ nào đây ? Thôi! Lạc mất rồi!

Tôi xuyên qua thị-xã, khi đã đi khá xa không sợ ai dòm-hành nữa, tôi ngồi nghỉ ở chân đài Thánh-Giá xây bằng đá hoa-cương. Đài này dựng trên đỉnh đồi ở giữa ngã-tư. Đứng đấy, người ta có thể nhìn bao-quát những cảnh bình-nguyên lác-đác rừng cây bao-phủ, thỉnh-thoảng nhô lên một ngọn tháp chuông bằng đá. Phía tây, một giải biển trắng lẫn với da trời.

Tôi đi từ sáng, ánh nắng và khí nóng mỗi lúc một gắt. Tôi tựa mình vào bệ đá trầm-ngâm rồi ngủ lúc nào không biết.

Khi tôi bừng dậy, thấy có hai con mắt chòng chọc nhìn vào mắt tôi. Đồng-thời, có tiếng bảo tôi:

– Ngồi im.

Cố-nhiên là tôi không nghe. Tôi đứng dậy nhìn chung quanh xem có lối nào để thoát thân.

Tiếng nói đầu tiên kia nghe nhẹ-nhàng, bây giờ có giọng gắt :

– Bé, ngồi xuống cho bức cảnh thêm hay. Ngồi như kiểu trước và bé cứ ngồi thế, ta cho 10 xu.

Tôi lại ngồi xuống. Người vừa nói với tôi đó không có vẻ gì là định bắt tôi cả. Đó là một người trẻ tuổi, to-lớn, đầu đội mũ phớt mềm, mình mặc bộ nhung xám, ngồi trên một đồng đá, tay giữ miếng cát-tông ở trên đầu gối. Tôi hiểu ngay ông ta đang vẽ hình-dáng tôi hay nói cho đúng là vẽ đài Thánh- Giá và phong-cảnh đồi, vì ông ta chả nói là tôi làm cho bức cảnh thêm hay.

Khi tôi ngồi đúng như kiểu trước rồi, ông ta bảo tôi :

– Em không cần nhắm mắt, ngậm mồm. Chỗ này gọi là gì?

– Tôi không biết.

– Em không phải là người ở đây à? Thế em là thợ tráng thiếc à ?

Tôi bật cười lên .

– Em không được cười. Nếu em không phải là thợ tráng thiếc, sao sau lưng em đeo nồi-niêu thế?

Thấy ông này có vẻ tốt, tôi có cảm-tình ngay và không sợ. Tôi nói thật. Tôi đi Hao-Cảng, còn cái soong kia dùng để nấu tôm cá. Tôi khởi-hành đã 8 hôm rồi. Trong túi tôi có 40 xu.

– Em không sợ bị ám-sát trong khi kể với ta trong lưng em có món tiền đó à ? Em thật-thà quá. Không lo quân cướp đường à ? Tôi lại cười.

Rồi ông vừa vẽ vừa hỏi chuyện tôi.

Tôi phun hết rằng từ hôm tôi đi, tôi đã sinh-hoạt thế nào.

– Em ơi ! Em có thể tự-phụ đã làm một việc kỳ-cục. Khởi đầu, em có đại-dột thật đấy, nhưng cuối cùng em đã khéo thoát nguy. Ta rất yêu những hạng trẻ tháo-vát như em. Em muốn làm bạn đường với ta không? Ta đề-nghị thế này ta cũng đi Hao-cảng, nhưng không gấp lắm. Một tháng nữa đến nơi cũng nên, tùy theo những miền ta bỏ qua. Vậy em có bằng lòng đi với ta không ? Em mang hộ cái bao kia cho ta, ta sẽ cho em nơi ăn, chốn ngủ tử-tế.

Hôm sau tôi kể hết chuyện của tôi – như quý độc-giả đã biết – cho ông nghe. Khi tôi kể xong, ông nói :

– Em làm theo ý em và mặc-dầu tuổi em còn nhỏ dại sau khi sống cực-khổ với chú em, có lẽ em được quyền làm thế. Nhưng có một cái quyền mà em không được, là làm đau lòng mẹ em. Trong 8 ngày qua, chú em tất đã báo tin em trốn cho mẹ em biết, em hãy tưởng-tượng mẹ em đã buồn-rầu, đau khổ đến mức nào !

Bây giờ em tìm trong bao của ta những thứ cần dùng để viết thư. Trong khi ta phác họa cái cối xay kia, em ngồi viết cho mẹ em. Em kể lại tất cả những điều mà em vừa nói với ta : em đã ở nhà chú trốn đi như thế nào ? Tại sao trốn? Và tất cả những việc em làm từ ngày đi đến giờ. Em cũng viết rằng một sự ngẫu-nhiên – phải em có thể viết là một sự may-mắn – đã cho em gặp một họa-sĩ lên là Lư-Sinh, người họa-sĩ này sẽ đưa em đến Hao-Cảng và giới-thiệu em với một người bạn làm chủ tàu ở đó, để em được xuống tàu và vượt một hải-trình tốt đẹp như lòng em muốn. Khi em viết xong bức thư, em sẽ thấy lòng em nhẹ-nhàng.

Ông Lư-Sinh nói rất đúng. Tôi đã viết một bức thư đầm lệ, nhưng viết xong, quả-nhiên tôi thấy tâm-hồn được yên-tĩnh thư-thái.

Những ngày tôi đi với họa-sĩ thực là những ngày vui tươi nhất trong cuộc lữ-hành của tôi.

Chúng tôi cứ đi thẳng trước mặt chúng tôi, không có một lộ-trình nhất định, có khi chúng tôi ở hẳn một ngày trước một cây cổ-thụ hay một phong-cảnh mà họa-sĩ ưa vẽ. Có khi đi cả một ngày không nghỉ. Tôi đeo bao trên lưng – cái bao có dây khóa phía sau như của quân-nhân, không nặng lắm, thế mà thỉnh-thoảng họa-sĩ lại lấy lại, mang đỡ cho tôi khỏi mệt. Mỗi sáng, tôi có việc đi sắm đồ ăn : bánh mì trứng luộc, thịt muối và xách bình đi mua rượu. Ban ngày chúng tôi ăn ở vệ đường dưới bóng cây, đến tối chúng tôi vào hàng cơm. Không phải là những món tôm cua, mà những đĩa súp nóng ngon. Không phải là cái ổ cỏ mà là những tấm trải giường trắng tinh và êm-ấm.

Và ông Lư-Sinh rất ngạc-nhiên thấy tôi không phải là một đứa quê mùa. Những điều ông Biên-Gia truyền-thụ cho tôi thường làm cho họa-sĩ phải sửng-sốt : tôi biết nhiều hơn họa-sĩ về cây-cối, về tên các sâu-bọ, các thứ cỏ, về thế-giới của các loài nhỏ-mọn mà nhiều người không biết.

Cứ thẳng đường cái mà đi, một ngày kia chúng tôi đến tổng Mạc-Tân. Lối này không phải là lối đi Hao-Cảng, nhưng tôi cũng không quan tâm. Tôi tin rằng thế nào rồi chúng tôi cũng đến nơi

và tôi cũng được xuống tàu đi du-lịch xứ Ba-Tây, nên dù lợi thì-giờ hay mất thì-giờ, tôi không cần lắm.

Mạc-Tân là một địa-phương mỹ-lệ nhất miền Nóc-Măng-Đi.

Vùng này có những rừng thông bát-ngát, những khối đá sập lở, những đồi dốc, những hẻm núi thâm-u. Chỗ nào cũng có những dòng nước chảy dưới cây rừng, bọt tung trắng xóa hay đổ xuống thành thác, nước dội âm-âm. Thực là một vùng cây-cỏ xanh-tươi, khí-hậu mát-mẻ rất thích-hợp cho những họa-sĩ, cứ mỗi bước lại hiện ra một đề-tài để nghiên-cứu hay một bức-họa hoàn-mỹ lập thành.

Chúng tôi không ở yên một chỗ nào cả. Chúng tôi lấy Mạc-Tân làm tâm-điểm và lần lượt đi quanh vùng. Trong khi ông Lư-Sinh bận vẽ, tôi đi câu cá hoặc vớt tôm dùng bữa ăn chiều.

Tôi sung-sướng quá ! Nhưng than ôi ! Những ngày vui đó chẳng được bền lâu.

Một buổi sáng, trong khi chúng tôi mỗi người một việc đang làm, thấy một viên Cảnh-sát đi thẳng đến chúng tôi. Trông ra, ông ta có một bộ-điệu kỳ-cục tức-cười, chắc hẳn không phải vì vẻ chững chạc hay vì dáng đường-hoàng mà ông ta được tuyển-dụng.

Bất cứ cái gì ở người hay ở sự vật, bày ra một cảnh khôi-hài là họa-sĩ nhận thấy ngay, vì thế ông bảo tôi nhìn xem viên cảnh-sát. Đồng-thời ở lễ bức tranh đang vẽ, ông phác sơ vài nét thành cái đầu viên Cảnh-binh.

Viên Cảnh-binh lại gần thấy chúng tôi nhìn ông ta, ông ta nấn lại mũ, sửa lại mớ tóc hung, kéo cái chuôi kiếm về phía trước, bước khệnh-khạng và lắc-lư như con vịt.

Ngọn bút họa-sĩ vờn theo cử-chỉ của viên Cảnh-binh thành một bức hoạt-kê rất ngộ. Hình vẽ này chẳng làm cho viên Cảnh-binh hài lòng. Đưa mắt nhìn qua rồi, ông ta bảo họa-sĩ :

– Ông đã ngắm kỹ tôi rồi, bây giờ tôi muốn xem tướng-mạo ông.

Ông Lư-Sinh bỏ bức vẽ vào trong cặp và nói:

– Ông Cảnh-binh ơi, xin ông đừng bận tâm, tôi đã nhìn ông, bây giờ chắc ông đã nhìn tôi rồi. Thế là hòa cả !

– Không nói lời thôi. Ông phải biết tôi đòi giấy thông-hành của ông. Đó là bổn phận của tôi và nhiệm-vụ của tôi phải hỏi ông vì

ông đã lang-thang trên đường cái.

Không trả lời Cảnh-binh, ông Lư-Sinh quay lại bảo tôi :

– Do-Mạnh, em tìm trong bao, tờ thông-hành của ta, đây, ở ngăn đựng thuốc lá ấy và đem trình quý-ông đây.

Rồi ông nói với viên Cảnh-binh :

– Thưa ông, vì kính-trọng công-vụ của ông, tôi cũng muốn bảo đặt cái giấy đó vào cái đĩa bằng bạc để dâng ông, nhưng trong lúc lữ-hành, chắc ông đã rõ, người ta không có những thứ người ta muốn, vì thế mà em Do-Mạnh đây không có gắng tay, nhưng chính ông, ông cũng không có gắng tay, lại một lần nữa chúng ta hòa!

Viên Cảnh-binh lúc đầu nghe lời trình-bày rất lễ-độ tỏ vẻ sung-sướng, sau cùng ông ta hiểu đó là một sự báng-nhạo, nên ông ta đỏ mặt, cắn môi, ấn mũi vào đầu rồi giả-bộ thông-thạo đọc :

– “ Chúng tôi, vân vân ... yêu-cầu các nhà chức-trách dân-sự và quân-sự cho thông-hành và đi lại tự-do : ông hừm hừm, ông.. . Lư, Lư.... hừm hừm, si sinh, nghề-nghiệp ồ ồ...

Đến đây ông ta bối-rối, dừng lại khá lâu, rồi chợt ông mạnh-bạo đọc : “ nghề-nghiệp : họ... họa-sĩ...”

Rồi ông ta lẩm-nhảm vài tiếng nữa, xong trao tờ thông-hành cho tôi rồi nói một cách đường-bệ :

– Được rồi.

Ông ta sắp quay đi, có lẽ để chấm dứt nhanh-chóng câu chuyện đã làm ông ta khó chịu. Ông Lư-Sinh cảm-hứng không phải chỗ, giữ viên Cảnh-binh lại :

– Thưa ông, xin lỗi ông, ông đã bỏ qua không xem cái chính-yếu trong tờ thông-hành của tôi vì cái đó mà tôi đã phải trả 2 phật-lăng không ta-thán gì.

– Cái gì ?.

– Cái ông phải giúp-đỡ và che-chở cho tôi.

– Thì sao ?

– Thì xin ông làm ơn cho tôi biết cứ vào nghề-nghiệp gì mà tôi được lang-thang trên đường cái ?

– Vào nghề-nghiệp đã nói trong giấy thông-hành.

– Nghĩa là nghề-nghiệp... họa-sĩ

– Chính thế vì là nghề-nghiệp của ông.

– Vậy xin ông làm ơn cho tôi biết những điều mà tôi được phép làm và những điều tôi không được làm ?

– Không phải bổn-phận của tôi phải dạy ông hành-nghề.

– Nghề của tôi, không. Nhưng nghề *Họa-sĩ*, xin ông hiểu cho ? Đối với Cảnh-sát-cục, tôi là *họa-sĩ*, có phải thế không ? *Họa-sĩ* là nghề của tôi ?

– Ờ, ờ... phải.

– Như vậy cách đây 2 dặm chẳng hạn, tôi lại gặp một bạn đồng-nghiep của ông hỏi giấy thông-hành, đúng lúc tôi đang làm việc gì không ăn-nhập với cái nghề *họa-sĩ*, ông ấy sẽ lại bắt tôi ?

– Cố-nhiên.

– Vì thế tôi cần phải biết những gì tôi được phép làm và những gì tôi không được làm.

Những giọt mồ-hôi to-tướng chảy trên mặt đỏ của viên Cảnh-binh khốn-nạn. Ông ta thấy rõ người ta chế-riếu ông ta. Ông ta bắt đầu cảm thấy mình đã nói hớ câu gì. Cuối cùng ông ta nổi giận:

– Có phải ông định quấy-rầy viên-chức chính-phủ không, ông, với bộ râu dài của ông ? Thôi, không phải nói lời-thôi nữa. Vì nghề-nghiep của ông không phải nghề-nghiep của ông, như vậy không được rõ-rệt. Vì không được rõ-rệt, tôi bắt ông. Ông hãy theo tôi đến ông Xã-trưởng. Ông sẽ giải-thích với ông Xã-trưởng. Còn thằng bé kia – ông chỉ vào tôi – tên cũng không ghi vào giấy thông-hành, người ta sẽ điều-tra xem nó là ai. Tuân lệnh.

– Vì tôi là *họa-sĩ* mà ông bắt ?

– Tôi bắt ông, vì tôi bắt ông, tôi phải trình-bày lý-do với ông kia à ? Đi mau! Phải tuân lệnh ! Nếu không, tôi sẽ áp-giải ông.

– Vậy thì đi. Nếu ông Xã-trưởng cũng thuộc loại ông, thì tôi mất hết cả ngay. Em Do-Mạnh, lại đây vác bao đi. Ông Cảnh-binh ơi !

– Cái gì ?

– Xin ông trói tay tôi lại và tuốt kiếm ra. Vì tôi muốn được bắt vào “ hạng nhất ”.

Tôi không đồng-ý về những khôi-hài đó. Tôi nghĩ rằng ông Lư-Sinh nên yên-lặng thì hơn.

– “Còn thằng bé kia, người ta sẽ điều-tra xem nó là ai?”

Lời nói của viên Cảnh-binh hãy còn nhắc-nhở bên tai tôi.
Người ta sẽ điều-tra ra sự-thực và giải tôi về với chú tôi.
Tôi lo quá. Còn ông Lư-Sinh vừa đi vừa hát:

*“ Kìa kẻ tù-phạm,
Trông thăm-thương thay !
Người ta đương giải
Đến đoạn đầu đài!”*

Viên Cảnh-binh đi sau lưng ông Lư-Sinh. Tôi theo sau cùng, cách viên Cảnh-binh độ bốn năm bước. Từ chỗ chúng tôi đến làng phải đi chừng nửa dặm và phải qua một cánh rừng. Sự ngẫu-nhiên xui-khiến cho con đường lúc đó vắng tanh. Chúng tôi vào rừng độ trăm mét. Tôi vừa đi vừa nghĩ. Thà lưu-lạc khổ-sở còn hơn là bị bắt về tỉnh Đôn. Tôi liền quyết-định. Bao đồ chưa khoác lên vai, tôi còn xách ở tay. Tôi đi chậm-chậm lại. Rồi vút bao xuống đất, tôi nhảy phắt qua cái rãnh bên đường. Nghe tiếng bao rơi, viên Cảnh-binh quay lại thì tôi đã ở trong rừng.

Viên Cảnh-binh kêu:

– Bắt lấy nó!

Ông Lư-Sinh nói to :

– Đừng sợ: Chúng ta cười đi nào !

Tôi chỉ đáp :

– Chú ơi ! Vĩnh biệt!

Tôi băng mình trong đám cây rậm. Người ta đuổi tôi hay không đuổi tôi ? Tôi cảm cố không dám quay đầu lại, cứ lao mình đi mặc cho cành cây đánh vào mặt, mặc cho gai đâm. Tôi chạy mờ cả mắt không trông thấy chỗ trống ở trước mặt tôi. Chợt tôi thấy chân tôi không chạm đất rồi ngã lăn xuống một cái hố. Tôi nằm xõng-xượt, không què gầy nhưng bị nằm dưới lớp cỏ và gai dầy chi-chít đến nỗi không trông thấy trời đâu cả. Cái bản-năng tự-vệ của những con thú rừng bị chó săn đuổi tự-nhiên nẩy ra trong người tôi và xui khiến tôi nằm rạp xuống đáy hố, thu hình lại rất nhỏ, nín thở, và nghe ngóng. Tôi chỉ thấy tiếng chim sợ-hãi bay loạn, gọi nhau.

chung quanh tôi, cát ở miệng hố bị tôi làm lở, chảy từ-từ xuống như một cái “đồng-hồ cát” khổng-lồ.

Khi tôi đã yên-trí là không có ai đuổi tôi nữa, tôi bèn nghĩ về tình-trạng của tôi. Tôi lý luận thế này : ông Lư-Sinh sẽ bị giữ lại ở trụ-sở ông Xã-trưởng, viên Cảnh-binh sẽ loan-báo cho các bạn đồng-nghiep. Lập tức bọn họ sẽ đi lùng bắt tôi. Muốn thoát-nạn, tôi phải đi ngay để cách họ cho xa. Tôi không tính rằng tại trụ-sở Xã-trưởng, việc đó sẽ có thể được dàn xếp ổn-thoả. Tôi chỉ sợ một nỗi là bị Cảnh-binh bắt điệu về tỉnh Đôn, nên dù có phải xông vào lửa tôi cũng không từ. Tuy-nhiên lòng tôi cứ băn-khoăn vì đã bỏ ông Lư-Sinh. Nhưng phải chăng tính đùa-cợt của ông đã xui nên cảnh ly-tán hốt-nhiên này ?

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương IX TRẦN TRỤI

HAI giờ sau, tôi đi đến thành-phố Súc-Văn. Sợ người ta để ý, nên tôi không vào tỉnh mà đi vòng phía sau, thành ra đường về tỉnh Via.

Tôi đã hoàn hồn. Bây giờ tôi lo đến những nỗi khó-khăn sẽ gặp phải trên đường từ đây về Hồng-Lư. Nỗi của tôi đã bị bỏ lại ở Mạc-Tân rồi. Chỗ nào tôi cũng trông thấy Cảnh-binh. Bất cứ một cái mũ nào trông thấy ở xa đều hiện hình thành cái mũ ba sừng ghê-gớm. Thành thử, đi chưa được ba dặm mà hơn mười lần tôi đã phải bỏ đường cái chạy xuống nấp trong ruộng lúa hay ẩn sau bụi cây bên kia hào. Trong khi nhẩy qua một cái hào nọ, tôi nghe thấy tiếng sùng-soảng trong túi như là tiếng xu chạm vào nhau. Tôi liền thò tay vào túi thì quả-nhiên là xu. Tôi đếm được 6 xu. Và hay hơn nữa là hai đồng bạc 40 xu vẫn còn trong túi. Chiều hôm qua, tôi đi mua thuốc lá cho ông Lư-Sinh, đưa 5 phật-lăng người ta thối lại 6 xu đó. Không biết tôi có nên giữ số tiền đó không? Nhưng làm thế nào mà trả lại được? Tôi định sau này có dịp thế nào tôi cũng hoàn lại họa-sĩ.

Ngày thứ ba, sau khi đã đi qua Hạc-Cung tôi đến một khu rừng lớn gọi là rừng Sinh-Lai. Mới buổi sáng mà khí nóng đã gắt-gao và khó thở, khiến tôi không đợi được đến trưa mới nghỉ. Tôi đi sâu vào rừng để tìm chỗ mát. Nhưng dưới bóng cây râm cũng như trên đường cái, khí trời như nung như đốt. Không một tiếng lá động, không một tiếng chim kêu. Khắp rừng im-lìm, tưởng chừng như bà tiên trong chuyện "*Hằng Nga ngủ ở trong rừng*" đã ghé qua đây và hóa cho cảnh-vật ngủ cả, duy những giống sâu, giống ruồi là thoát ở ngoài vòng. Trong cỏ, những con sâu nhẩy xào-xạc. Dưới tia nắng xiên chéo vào gốc cây, từng đàn sâu có cánh bay qua bay lại vù-vù. Hình như trời càng nóng, sức hoạt-động của chúng càng tăng-cường.

Tôi vào một gốc cây giẻ ngồi, đầu gục xuống cánh tay, thiu-thiu ngủ lúc nào không biết. Chợt thấy “nhốt” một cái ở cổ, tôi tỉnh dậy lấy tay sờ lên bắt được một con kiến nâu. Đồng-thời, tôi lại thấy đốt chói ở đùi, ở ngực, ở bụng, ở lưng-tung khắp cả người. Tôi vội-vàng cởi quần-áo rũ ra, rơi xuống đất có hàng một đàn kiến. Rũ sạch kiến chưa phải là hết tội, vì kiến cũng như muỗi khi đốt xong vẫn để lại nọc độc ở vết thương. Tôi nhức-nhối khó chịu, càng gãi càng thấy đau. Một giờ sau móng tay tôi đều rướm máu.

Tôi tiếp tục đi cho quên đau, nhưng đường cứ dài ra, dài mãi, hai bên cứ thấy cây là cây mà cái nóng cứ mỗi lúc một gắt. Sau cùng lên một cái dốc, tôi trông thấy phía trước mặt có một dòng nước lượn trong đám cây to. Trong mười phút, tôi tới bờ và trong vài giây tôi đã cởi xong quần-áo và nhảy xuống nước.

Nước sông mát làm sao! Tôi sẽ dầm mình mãi ở đây nếu thành-linh trên bờ chỗ tôi để quần-áo không có tiếng người đưa xuống :

– A! Đồ mất dạy! Tao lại bắt được mày tắm ở đây. Lần này đến trụ-sở xã mà lấy quần-áo!

Quần-áo tôi! Quần-áo tôi đem về xã! Nghĩa là quần-áo tôi một nơi, tôi một nẻo à? Tôi không tin cái tai của tôi...

Tôi nhìn xem ai nói. Đó là một người đàn ông béo, thấp, vận áo len xám, ngực đeo một tấm huy-hiệu lóng lánh sắc vàng, đang đứng trên bờ và chỉ vào tôi.

Người đó không để mất thì-giờ, dọa xong làm ngay.

Ông ta cúi xuống, vơ đóng quần-áo của tôi.

Tôi kêu :

– Ông ơi! ông !

– Về trụ-sở..

Tôi định lội lên, chạy theo xin ông ta nhưng phần sợ cái huy-hiệu vàng chói của ông phần nghĩ đến thân hình trần-trụi của mình nên đành đứng lặng.

Cuộn xong, ông ta kẹp búi quần-áo vào nách và quay lại bảo tôi:

– Mày về trụ-sở mà kêu.

Rồi ông ta quay lưng đi.

Tôi ngượng-ngùng lên bãi và nấp trong đám lau sậy. Lá cây xanh và dài rủ xuống che kín chỗ tôi, người ngoài khó lòng nhìn thấy. Tình-trạng của tôi nguy-khốn quá. Làm thế nào mà đến trụ-sở bây giờ ? Mà trụ-sở xã ở đâu? Cứ lỏa-thân như thế mà đi rong đường và điểu các phố hay sao?

Đây là lúc phải bắt chước Lỗ-Bình-Sơn. Nhưng trong thực-tế, người ta xoay-xở rất khó chứ có đâu được nhanh chóng như trong sách.

Thế là hết đường. Tôi rũ ra như người sắp chết và nức-nở khóc. Rồi tự-nhiên, tôi thấy lạnh cả người và run lên cầm-cập.

Thì-giờ cứ đi mà tôi không nghĩ được cách gì cứu-vãn tình-thế. Mặt trời sắp lặn. Đêm sắp xuống. Không phải là một đêm ngủ ngoài trời với quần-áo che thân ở chân đồng cỏ khô như các đêm trước. Bây giờ trần-trụi ngồi ở trên bãi cát ẩm thấp, tôi biết làm thế nào ? Dòng nước cứ chảy xuôi trước mặt, khiến tôi nhìn lâu sinh chóng mặt. Tôi tưởng-tượng như trông thấy những con ác thú đi ăn đêm.

Còn độ một giờ nữa thì trời tối. Tôi chợt nghe thấy tiếng hai ba cái xe đi lạch-kạch trên đường cái rồi từ-từ dừng lại đúng phía sau tôi. Ở giữa bụi sậy, tôi không trông lên đường được nhưng nghe tiếng xích, tôi biết người ta đang tháo ngựa. Một tiếng gầm dữ-đội không phải là tiếng ngựa kêu bò rống, nổi lên – tôi không hiểu là tiếng gì – làm cho đàn chim đang đậu trong bụi cây bay tán-loạn và nháo-nhác gọi nhau. Một con chuột to ở đâu nhảy bổ vào chân tôi và chui tọt vào tổ vì tôi đứng chắn cửa hang. Mấy phút sau, hình như có tiếng chân người đi trên ruộng cỏ gần chỗ tôi. Tôi không nhầm. Có tiếng nói:

– Tao có một con gà mái.

– Mà bắt ở đâu thế ?

– Bằng một hòn đá buộc vào đầu roi, tao bắt nó trên đường cái cũng như bắt cá dưới nước.

– Luộc ăn chứ?

– Im mồm. Nếu thằng Bôn biết, nó phỗng thì chúng mình chỉ còn những xương.

Tôi vịn hai tay vào bờ, cố nhô đầu lên để nhìn vào ruộng cỏ.

Nghe tiếng nói ồ-ồ tôi tưởng hai người vừa nói chuyện đó là

người lớn bây giờ trông ra thì là hai đứa bé bằng trạc tuổi tôi. Tôi vững dạ, cố ngẩng lên cao chút nữa, đánh bạo nói :

– Các anh ơi ! ... Các anh....

Hai đứa quay lại ngơ-ngác nhìn, không biết tiếng nói phát tự đâu ra vì chỉ có cái đầu tôi thò lên thôi. Hai đứa kinh-ngạc, không biết nên ở hay nên chạy.

Một đứa trông thấy tôi liền kêu to :

– Kia có cái đầu !

Đứa kia nói :

– Người chết đuổi đấy.

– Mày ngu lắm! Nó nói được kia mà !

Ngay lúc đó tôi nghe thấy có tiếng ở trên đường cái gọi to :

– Đồ lười! Chúng mày không cắt cỏ à ?

Tôi thấy trên đường cái có ba cái xe ngựa đậu thông-dong, cái nào cũng dài, bên ngoài sơn đỏ và vàng. Đó là một phường xiếc rong.

Hai đứa trẻ đáp ;

– Anh Bôn ơi ! Anh Bôn ơi !

– Cái gì ?

– Một tên Mọi, xuống mà xem. Thực đấy.

Bôn xuống ruộng cỏ.

– Tên Mọi của chúng mày đâu ?

– Ở trong đám lá kia kìa.

Cả ba người đều chòng chọc nhìn tôi và cười ầm lên.

Người mà hai đứa trẻ gọi là anh Bôn, hỏi chúng :

– Nó nói tiếng gì ?

– Tiếng Pháp.

Tôi trả lời chen vào thay hai đứa bé. Xong tôi kể chuyện của tôi, họ lấy làm thích-thú và phá lên cười.

Anh Bôn liền bảo một đứa trẻ :

– Bui, mày chạy lên lấy cho nó một cái quần và cái áo lu.

Không đầy hai phút, Bui cầm quần-áo xuống. Tôi vội mặc vào và nhẩy ngay lên bờ.

Anh Bôn bảo tôi:

– Bây giờ về chào ông chủ.

Anh ta đưa tôi đến cái xe thứ nhất. Tôi bước lên một cái thang bằng ván, tôi thấy một người đàn ông mặt khô-khốc, má dãn-deo và một người đàn bà to lớn – trông phát sợ – ngồi chung quanh cái lò bếp, mùi thịt xào bốc lên thơm phức.

Tôi lại phải kể lại câu chuyện và lại được nghe những tiếng cười giòn-giã .

Người đàn ông hỏi tôi :

– Thế mày định đi Hao-Cảng à ?

– Thưa ông, vâng.

– Bây giờ mày lấy gì trả tiền quần, tiền áo cho tao ?

Tôi đứng im một lúc, xong đem hết can-đảm, nói:

– Nếu ông vui lòng, tôi xin ở lại giúp việc cho ông.

– Mày biết làm gì ? Có biết làm “dẻo người” ra không ?

– Không.

– Thế người ta đã dạy mày những gì ? Sự giáo dục của mày còn khiếm-khuyết, con ạ.

Người đàn bà nhìn tôi từ chân lên đến đầu rồi nói :

– Thân hình cũng giống như mọi người. Thế mà cũng đòi làm xiếc.

Bà ta nhún vai và quay mặt đi tỏ vẻ khinh-bĩ. Thì ra chỉ tại thân hình tôi giống như mọi người mà thành ra vô-dụng. Nếu tôi có hai đầu hay ba cánh tay có lẽ quý chăng ? Tôi lấy làm xấu-hổ quá.

Người đàn ông không nản chí, lại hỏi :

– Mày có biết bồi ngựa không ?

– Thưa ông có, tôi sẽ cố gắng.

– Được. Vậy bắt đầu từ ngày hôm nay mày được tuyển vào làm trong phường xiếc của Bá-Tước Bô-La, một phường xiếc danh tiếng vì có những thú vật lạ và có đào Diệp-Lan, con gái ta, dạy loài vật rất giỏi. Mày hãy theo anh Bôn, anh ấy sẽ chỉ cho mày những việc phải làm. Một giờ nữa sẽ trở lại đây ăn cơm.

Tình-trạng không cho phép tôi kén chọn. Tôi đành nhận công-việc đó coi như một may-mắn đã dành cho tôi.

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương X LÀM XIẾC

Tôi nghiêm-nhiên thành nhân-viên của gánh xiếc, nói một cách khiêm-tốn hơn thì tôi là bồi ngựa cho gánh xiếc của Bá-Tước Bô-La.

Mặc ai bàn tán xì-xào, ông chủ tôi quyết không phải là một vị Bá-Tước giả-hiệu. Ông có bằng-sắc hãn-hòi, gặp những dịp tốt ông thường đem ra phô-trương để tỏ rằng ông có quyền mang cái tước quý đó. Chỉ vì quá chơi bời phóng túng, ông bị tụt xuống địa-vị hiện-thời. Trong những ngày cùng khổ, ông không nghĩ gì đến dòng sang của mình ông dám đi lấy một mụ diễn trò rong. Mụ này nổi tiếng ở các phiên chợ là có cái thân hình to lớn như Hộ-Pháp và có tài múa kiếm. Nhờ nghề này mụ có một cái vốn khá to làm mê-muội Bá-Tước. Còn Bá-Tước tiền không có, nhưng có tài biện-thuyết, ít ai bì kịp. Mụ Hộ-Pháp và Bá-Tước liền cộng-tác với nhau. Đôi tài-tử tốt đẹp này mua một gánh xiếc đi biểu-diễn các nơi. Lúc đầu kiếm ăn cũng khá, nhưng cái nó làm cho Bá-Tước lợi cũng là cái nó làm cho Bá-Tước hại, tức là cái mồm của Bá-Tước, vì Bá-Tước thích ăn của ngon và uống rất nhiều rượu. Những vật lạ trong gánh, con thì thiếu săn sóc, hoặc bị đói mà chết, con thì đem bán lại để lấy tiền tiêu xài. Lúc tôi đến thì gánh xiếc chỉ còn một con sư-tử già, hai con chó sói, một con rắn và một con ngựa làm trò, vẫn dùng để kéo xe. Trong bữa ăn chiều, tôi được làm quen với mọi người. Trừ ông bà Bô-La ra, gánh xiếc gồm có anh Hề Bôn, anh Bùi, anh Phi mà tôi đã biết, hai người Đức là anh Hề-Man thổi kèn và anh Ca-Rô đánh trống; sau cùng là Diệp-Lan, một cô gái 11, 12 tuổi, thân hình mảnh-dẽ nhưng ánh mắt biêng-biểu như nước mùa thu. Theo lời Bá-Tước thì cô là một đào danh tiếng của gánh Bô-La. Mặc-dẫu tôi là một tên bồi hèn mọn, tôi cũng được ngồi ăn cùng “bàn” với các nhân-vật trứ-danh đó.

Nói là “bàn” thì không đúng vì cái mà chúng tôi để đồ ăn lên trên chính là một cái kết bằng gỗ ván rộng và dài đặt ở giữa sàn xe. Nó dùng được ba việc: bên trong để xếp quần-áo, bên trên ban ngày thì dùng làm bàn ăn, đêm đến phủ thêm tấm nệm dùng làm giường ngủ cho Diệp-Lan. Chung quanh cái kết đó, là những thùng gỗ thấp dùng làm ghế cho người làm ngồi, còn hai cái ghế dựa là chỗ của ông chủ và bà chủ. Qua hai cái cửa sổ treo rèm đỏ, người ta có thể trông ra những cây ở hai bên đường. Phòng ăn của chúng tôi có thể thôi nhưng trông cũng ra tuồng, nhiều nhà ở Ba-Lê dám chắc không được có cái phòng ăn rộng rãi như thế.

Tôi lại phải kể lại chuyện tôi cho mọi người nghe. Lần này tôi không nói đến mẹ tôi, chú tôi và quê quán tôi. Khi tôi kể đến chỗ gặp Cảnh-binh, Diệp-Lan phì cười và cho tôi là ngốc. Nếu ở địa-vị tôi, lúc đó cô đã lấy làm thích-thú lắm. Hai anh âm-nhạc cũng nhìn tôi và cười ngoặt-ngẹo. Khi ăn xong, trên trời còn chút ánh sáng yếu-ớt.

Ông Bô-La bảo chúng tôi :

– Các con ơi! Hãy lợi-dụng những giờ phút chưa tối để luyện tập đi. Ngồi rồi, những bắp thịt sẽ gỉ mất.

Ông liền bước sang cái sàn hẹp ở phía sau phòng ăn. Diệp-Lan đem theo tẩu thuốc lá. Phi và Bùi lăn xuống đám cỏ vệ đường một cái hộp nhỏ có nắp. Rồi Phi cởi áo ra. Sau khi co duỗi tay chân và vận-veo cái đầu như muốn dứt đứt ra, anh mở nắp hộp, ngồi vào và biến mất. Tôi há hốc miệng, kinh dị vì cái hộp kia bé quá giá bỏ một đứa trẻ lên một vào cũng không vừa.

Xong đến lượt Bùi. Anh cố xếp mình vào trong hộp mà không lọt. Đứng trên sàn xe, ông Bô-La cầm roi quất đến véo một cái vào vai anh và bảo :

– Mày ăn lắm nên không lọt. Mai ta sẽ hạn chế khẩu-lương của mày.

Rồi ông quay lại bảo tôi :

– Bây giờ đến lượt mày.

Tôi giật lùi lại ba, bốn bước để tránh tầm roi của ông. Tôi hỏi :

– Thưa ông, vào trong này à ?

– Chưa được. Mà cho ta xem mà biết những nghề gì? Thử nhảy qua cái hố này, coi.

Cái hố ở cạnh đường rộng và sâu. Tôi lùi lại mấy bước lấy đà rồi nhảy đại. Thành ra lại nhảy xa hơn miệng hố được hai bàn chân. Mặt ông Bô-La tươi hẳn lên và nói tôi có thể tập “đu bay” được. Chiếc xe thứ nhất dành cho ông bà chủ. Xe thứ hai chở thú vật. Xe thứ ba dùng làm chỗ ngủ cho đoàn và chỗ chứa những dụng-cụ. Trong xe không đủ chỗ cho tôi ngủ, người ta vớt cho tôi hai bó rơm và tôi rải ổ ở gầm xe.

Tuy cái ổ rơm này tốt hơn chỗ nằm trong những đêm trước nhưng tôi cứ thao-thức mãi, không sao chợp mắt được. Đèn tắt. Đêm vắng lặng. Thỉnh-thoảng tôi chỉ nghe thấy tiếng chân ngựa – buộc ở cạnh xe – bước quanh quẩn để gặm những túm cỏ nhuốm bụi đường, có lúc tôi nghe thấy tiếng thở dài của con sư-tử, phải chăng cái lạnh-lẽ và cái khí nóng của đêm hè làm cho nó nhớ lại cảnh hiu-quạnh của rừng rú châu Phi. Có lúc tôi nghe thấy đuôi nó quất mạnh vào hai bên sườn hình như một tia dững-cảm chọt lòi ra trong óc tối-tăm của nó, nhắc nó những chuyện quật-khỏi và tự-do.

Nó bị giam kỷ trong chuồng. Tôi, tôi được ở ngoài trời. Tôi đã nghĩ nhân dịp này, tôi nên trốn là hơn. Nhưng cái áo này, cái quần này của ông Bô-La cho tôi, nếu trốn phải đeo cả đi. Như thế là ăn cắp, lương-tâm tôi không yên, vì tôi đã bằng lòng ở đây giúp việc cho chủ mới của tôi. Vả lại xem ra ông ta cũng không đến nỗi ác lắm như chú tôi. Tôi định ngày nào mà công-việc của tôi đã làm xứng đáng với cái nợ phải trả, ngày đó, tôi sẽ có quyền tìm tự-do.

Hôm sau, gánh xiếc chúng tôi đến chợ Huy-Ba. Chính ở đây, là lần thứ nhất, tôi được xem Diệp-Lan vào chuồng sư- tử và tôi được nghe ông Bô-La biện-thuyết.

Quần-áo trong hòm được lấy ra. Diệp-Lan mặc một cái áo chùng màu bạc có những vẩy vàng lấp-lánh, đầu đội một vòng hoa hồng. Các bạn tôi, anh Phi, anh Bùi quần-áo đỏ, mũ nhọn đỏ. Hai người Đức ăn mặc kiểu kỵ-binh Ba-Lan, mũ gài những chùm lông dài rủ xuống đến mắt. Còn tôi phải trá hình thành Mọi da đen. Người ta bôi đen từ bàn tay tôi lên đến khuỷu, từ đầu tôi

xuống đến ngực, Tôi đóng vai một tên nô-lệ Châu Phi, ở sa-mạc về với con sư-tử. Người ta cấm tôi không được nói một tiếng Pháp nào. Nếu có ai hỏi, tôi chỉ được trả lời bằng một nụ cười để lộ bai hàm răng trắng ớn. Trước sự hóa-trang ấy, giá mẹ tôi có trông thấy cũng không tài nào nhận ra được tôi. Chính ông Bô-La định tâm làm thế, vì ông sợ trong đám công-chúng đến xem lỡ có người đồng-hương nhận ra được tôi chẳng.

Đã hai tiếng đồng-hồ rồi, chúng tôi khua trống, thổi kèn làm đình tai nhức óc cả đến những người điếc.

Sau bài hát mở màn của Hề Bôn, Diệp-Lan nhảy múa một bài với Búi. Đến lượt ông Bô-La mặc sắc-phục Đại-Tướng ra sân-khấu. Khán-giả đến xem đông lắm. Chúng tôi trông xuống thấy toàn những mũ vải trắng xóa của dân địa-phương hoa cả mắt. Đại-Tướng giơ tay, âm-nhạc ngừng hẳn. Xong, Đại-Tướng quay sang phía tôi đưa điệu xì-gà đang hút dở và nói :

– Giữ lấy để ta nói chuyện.

Tôi ngơ-ngác nhìn Đại-Tướng, bỗng ở phía sau có một bàn chân đá vào mông tôi. Rồi Bôn nói to:

– Thằng ngốc quá. Đại-Tướng cho nó điệu thuốc, nó còn làm bộ ! Công-chúng lấy thế làm thích, vỗ tay cười ran.

Tôi chưa từng hút thuốc bao giờ, không biết hút vào hay thổi ra nhưng không phải là lúc để giải-thích, Bôn một tay kéo cằm tôi ra, một tay xách mũi tôi lên, tôi há hốc mồm, Đại-Tướng liền cầm điệu xì-gà vào mồm tôi. Chắc là lúc đó mặt tôi nhăn lại kỳ lắm, nên tôi thấy khán-giả cười rũ ra.

Chợt Đại-Tướng cất cao mũ lên, cả rạp im-lặng.

Đại-Tướng nói:

– Thưa quý-vị, quý-vị trông đây, trước mặt quý-vị là nhà danh-tiếng Bô-La. Vậy Bô-La là ai nhỉ ? Là anh nói róc đang khoác bộ áo Đại-Tướng phải không ? Chính phải. Chắc quý-vị đều tự hỏi tại sao một người danh tiếng như thế lại ăn vận một cách ngộ-nghĩnh như vậy? Thưa các ngài, đó là để mua vui cho các ngài. Bởi vì các ngài nếu đứng riêng ra thì đều là những vị khôn-ngoa, nhưng khi tụ lại thành đám đông thì lại là những người khờ-dại.

Có những điệu-bộ bất mãn và những tiếng lảm-bảm trong hàng các khán-giả. Ông Bô-La không rời-trí, bình-tĩnh rút điều xì-gà ở miệng tôi cầm lên hít vài khói rồi lại đưa vào miệng tôi làm cho tôi rất khó chịu, ông nhìn xuống và nói:

– Kìa dưới kia có ông đội mũ trắng và mũ đỏ đang lảm-bảm phải không? Phải, vì lẽ tôi bảo khi ở nhà thì ông khôn ngoan lắm, nhưng, khi đến rạp này thì ông là người khờ dại. Vậy tôi xin lỗi ông: ở nhà ông là người khờ-dại, đến đây ông là người khôn-ngoa, có phải thế không?

Cả rạp cười ồ. Khi đã ngớt ồn-ào, ông Bô-La nói tiếp :

– Thực vậy, nếu tôi không mặc giả làm Đại-Tướng, thì đáng lẽ ngồi đây với những con mắt tròn xoe như hòn bi để nhìn tôi, quý-vị đã bước qua rạp không thêm vào. Tôi biết nhân-loại lắm và biết rõ nhân-loại có những nhược-điểm gì. Vì thế tôi đã phải sang tận nước Đức để tìm hai nghệ-sĩ trứ-danh mà quý-vị đã trông thấy đây. Tôi lại tuyển vào gánh của tôi tài-tử Phi, tài-tử Bùi có những thành-tích rực- rỡ mà quý-vị đã biết. Sau là Hề Bôn một tài-hoa lỗi-lạc mà tôi không cần phải nói dài vì quý-vị đã nghe tiếng hát bất-hủ. Bây giờ chắc quý-vị nóng lòng lắm, muốn hỏi: “Cái ông Bô-La kia muốn trình-bày trò gì ?”

– Thưa các ông nghệ-sĩ, xin các ông cho nghe một bản.

Cứ một diễn-từ phỉnh-phờ đó, đến đâu ông cũng lặp lại chỉ cần đổi một vài danh-từ cho hợp với địa-phương, hợp với khán-giả. Tôi có thể nhắc lại bài đó đủ từng tiếng không sai sót. Nghĩ thật buồn cười: những cái vớ-vẩn lắm khi dễ in sâu vào óc người ta, mà những điều bổ-ích thì học mãi cũng không vào.

Tuy-nhiên ngày hôm đó, tôi chỉ nghe rõ có phần thứ nhất của bài diễn-từ thôi vì khói xì-gà làm cho tôi nôn-nao, choáng-váng. Khi tôi bước vào lều thú vật thì tôi thấy trong người ngây-ngất, đứng không vững. Phần việc của tôi là phải mở cửa chuồng khi Diệp-Lan bước vào lều.

Tôi trông lơ-mờ thấy bóng Diệp-Lan tiến vào trong đám sương mù trước mặt tôi. Một tay nàng cầm cái roi, còn tay kia nàng giơ lên để yêu chào khán-giả. Hai con chó sói bước khập-khểnh lộn đi lộn lại trong chuồng. Con sư- tử nằm dài, đầu gác trên hai chân như đang ngủ.

Nàng ra lệnh :

– Mọi, mở cửa ra.

Tôi ngoan-ngoãn mở cửa chuồng.

Nàng bước vào. Con sư-tử không nhúc-nhích. Với đôi bàn tay nhỏ-nhắn, nàng liền cầm hai tai sư-tử kéo đầu nó lên, nàng hết sức kéo nhưng nó vẫn không động đậy. Nàng bực mình, quát cho nó một roi vào vai. Như bị đẩy mạnh bởi một cái lò-so, con vật đứng thẳng hai chân sau và gầm lên một tiếng làm tôi hoảng hồn. Phần bị say thuốc, phần vì sợ hãi, tôi trông mọi vật quay cuồng chung quanh tôi, tôi đứng không vững và ngã lăn ra đất.

Ông Bô-La là một người rất nhanh-trí và khéo lợi dụng mọi cái bất-ngờ thành-linh xảy ra.

Ông trông vào khán-giả và nói:

– Đây quý-vị xem. Con sư-tử này có dữ không ? Chỉ một tiếng kêu của nó đủ làm mất hồn ngay những đứa trẻ ở quê-hương nó. Tôi say thuốc đã rõ-ràng, ai cũng biết. Công-chúng hiểu đó không phải là một tấn kịch đã xếp-đặt sẵn nên vỗ tay khen Bô-La. Trong lúc đó, Bôn bế tôi ném vào đằng sau lều như một gói đồ.

Suốt buổi diễn, tôi nằm đó như người sắp chết, không nhấc được chân tay và không biết ngoài sân-khấu người ta làm những trò gì, chỉ nghe lơ-mơ những tiếng sư-tử gầm, chó sói sủa cùng những tiếng hò-la của công-chúng.

Sau cùng, tôi nghe những tiếng bước rộn-ràng của khán-giả ra về.

Chợt tôi thấy có một bàn tay kéo cánh tay tôi. Tôi mở mắt ra. Đó là Diệp-Lan, tay cầm một ly nước.

Lan nói:

– Cầm lấy. Uống đi. Nước đường đấy. Anh thực ngây-thơ quá, đã sợ thay cho tôi. Dù sao, anh cũng là một người tốt.

Đó là lời đầu tiên mà Lan nói với tôi từ ngày tôi vào làm với ông Bô-La. Cái dấu cảm-thương đó làm cho tôi ấm lòng, tôi cảm thấy không lẻ-loi nữa. Hàng ngày, Phi và Búi cứ kết bè để trêu ghẹo tôi. Bây giờ tôi rất sung sướng được gặp một người bạn.

Sáng hôm sau, tôi muốn ngỏ lời cảm ơn Lan, nhưng Lan quay lưng lại không thèm nghe tôi. Từ đó Lan không hề nhìn tôi hoặc nói một câu gì với tôi. Tôi đành rút lui ý-kiến làm thân với Lan. Ít lâu sau, tôi bắt đầu nhận thấy những cái đá dít như mưa rào mà tôi phải chịu-đựng, những việc chăm nom ngựa, rửa chuồng thú vật ban ngày và việc giả làm Mọi ban đêm đã đủ đền bù những manh quần-áo cũ mà ông Bô-La đã cho tôi, tôi nghĩ đã đến lúc phải rời bỏ đoàn xiếc để tiếp tục lên đường đi Hao-Cảng. Mẹ ơi! Người mẹ đau-khổ của con ơi! Có phải mục-đích làm bồi ngựa cho gánh xiếc mà con bỏ nhà ra đi đâu! Giá mẹ trông thấy tình-cảnh này, chắc mẹ biết sự thực.

Mùa đông đã đến. Đêm thấy lạnh hơn. Ngày mưa nhiều hơn. Chỉ ít ngày nữa là tôi không thể ngủ được ở ngoài trời, trong những cánh đồng như trước. Tôi phải sửa soạn gấp. Ở Huy-Ba chỉ có đường về quận Loa thôi. Như vậy lại càng cách xa Hao-Cảng, nhưng tôi cũng phải đi.

Tôi không muốn phiêu-lưu một cách cầu may, không dự-phòng, như vậy rất nguy-hiểm. Vì thế, tôi nhặt những vỏ bánh thừa góp lại để dành và những lúc rỗi-rảnh tôi cắt những miếng da giấy cũ chế một đôi dép để đi. Chương-trình của tôi đã quyết-dịnh. Đợi hôm nào đoàn xiếc khởi-hành là tôi lẳng-lặng từ-biệt họ.

Một buổi chiều, trước hôm tôi định ra đi, Diệp-Lan bắt gặp tôi đang khâu nốt chiếc dép.

Lan hỏi sẽ:

– Anh định trốn à ?

Tôi liền ra hiệu cho nàng im.

Lan nói tiếp :

– Đã tám hôm nay tôi rình xem anh làm gì. Thấy anh lượm vỏ bánh khô gói giấu dưới gầm thùng thóc biết là có việc gì đây, nhưng anh đừng sợ. Tôi không mách đâu. Nếu anh muốn trốn thật, anh cho tôi đi theo với.

Tôi ngạc-nhiên hỏi:

– Cô định bỏ cha cô ?

Lan đáp :

– Cha tôi à ? Những người đó có phải là cha mẹ tôi đâu? Nhưng nói chuyện ở đây sợ người ta biết. Anh hãy đợi tôi ở chân thành,

tôi sẽ ra sau. Nếu anh có lòng tốt, anh sẽ giúp tôi, tôi sẽ giúp anh. Tôi đi đi lại lại ở chân thành hơn hai tiếng đồng-hồ không thấy Lan ra. Tôi bắt đầu nghi nàng nói dối, chợt thấy nàng đến. Nàng bảo tôi :

– Chúng ta vào trong bụi cây kia cho kín, đừng để cho người ta trông thấy hai người nói chuyện, người ta sẽ ngờ.

Tôi theo nàng vào trong bụi cây râm, người ngoài không thể nhìn thấy, nàng đứng lại.

Nàng nói :

– Trước hết, tôi hãy kể chuyện tôi cho anh nghe. Anh sẽ hiểu tại sao tôi muốn trốn.

Mặc-dầu chúng tôi bằng trạc tuổi nhau, Diệp-Lan nói chuyện như vẻ người lớn đối với trẻ con. Tôi không hiểu sao nàng cứng-cỏi thế lại cần đến sự giúp-đỡ của một đứa yếu đuối như tôi.

Nhưng vì tự-nhiên tôi có một nỗi cảm mến đối với nàng và nhất là vì nàng biết chuyện bí-mật của tôi, nên tôi không ngần ngại và tỏ lòng thông-cảm.

Nàng nói tiếp :

– Bô-La không phải cha tôi. Chính cha đẻ ra tôi, tôi không biết mặt, vì người mất khi tôi còn ẵm-ngửa. Mẹ tôi làm nghề bán thực-phẩm ở Ba-Lê tại một phố mà tôi quên mất tên, chỉ biết ở gần chợ. Tất cả những điều tôi còn nhớ là mẹ tôi trẻ đẹp lắm, tóc hung-hung và rất dài, dài đến nỗi những buổi sáng anh tôi và tôi, đùa nghịch với nhau trên giường thường nấp vào sau đám tóc của mẹ tôi như ẩn trong bụi cây.

Mẹ chúng tôi yêu chúng tôi lắm, hôn chúng tôi luôn và không bao giờ đánh chúng tôi. Anh tôi lớn hơn tôi một chút, tên là Giang. Phố tôi ở có rất nhiều xe-cộ qua lại. Sáng nào cũng thế, trên vỉa hè người ta xếp la-liệt những đồng bắp-cải, cà-rốt và các thứ rau cao lù-lù. Đứng cửa nhà tôi trông ra thấy mặt đồng-hồ chữ vàng của ngôi nhà thờ lớn. Trên nóc tháp chuông có những cái đen đen giống như cánh tay người suốt ngày cử-động khi giờ bên này, khi chỉ bên kia. Năm ngoái tôi hỏi một anh kép của gánh hát Mã-Sơn ở Ba-Lê về qua đây, anh bảo đó là nhà thờ Thánh An-Tập, còn những cánh tay đen kia là máy điện-tín.

Mẹ tôi làm việc suốt ngày, ít khi ra ngoài với chúng tôi, thường sai chị Hai, người tập việc đưa chúng tôi đi chơi. Một hôm, về mùa hè, trời nóng nực phố lấm bụi, chị Hai được lệnh cho tôi đi xem phiên chợ ở cạnh Ngọc-Tòa, một phiên chợ bán toàn bánh, chắc anh đã được nghe người trong đoàn nói đến nhiều lần. Tôi không hiểu hôm ấy sao anh tôi lại không cùng đi với tôi. Có lẽ mãi chơi ở nhà.

Là lần thứ nhất tôi được trông thấy những rạp trò, tôi thích quá. Rạp nào tôi cũng muốn vào, nhưng chị Hai không có tiền, túi tôi có 4 xu của mẹ tôi cho để mua bánh, chị bèn móc lấy mua vé vào xem phòng “bí-mật”.

– Là cái gì ?

– Anh nhà quê quá, không hiểu phòng “bí-mật” thì anh biết cái gì ? Đó là một căn lều kín, người ta trình-bày một quái-thai, một con hải-báo hay các cái kỳ-lạ khác.

Trong lều này, người diễn trò cho chúng tôi xem hai con hải-báo bơi trong một cái chậu nước lớn. Tôi không hiểu sao chị Hai lại quen và nói chuyện với người diễn trò. Người này nhìn tôi và khen là em bé xinh quá. Xong hai người cùng ra với chúng tôi và đưa chúng tôi vào một tiệm rượu, ngồi trong một căn phòng hẹp, tối-tăm và không có ai cả. Lúc đó tôi bức và mệt quá. Trong khi hai người – chị Hai và người diễn trò – nói chuyện với nhau thì tôi ngủ lúc nào không biết.

Khi tôi dậy thì trời đã tối mà không thấy chị Hai đâu.

Tôi hỏi chị Hai đâu, người diễn trò vào, người diễn trò bảo tôi đi với ông ta tìm chị Hai. Tôi liền theo ông ta. Trên hè phố, đông người qua lại. Các rạp trò đều thấp đèn sáng trưng. Đàn hát vang lừng, ông ta cầm tay tôi hối-hả lôi đi.

Khi ra khỏi đám đông, chúng tôi ở trên con đường rộng, hai bên có cây cao. Chỗ này không có ánh đèn, tôi trông thấy lác-đắc một vài nhà.

Tôi bắt đầu sợ. Người diễn trò thấy tôi đi chậm lại, liền ghé vai xuống định cõng tôi. Tôi không chịu. Ông ta giơ hai cánh tay ôm lấy tôi, tôi hét lên. Máy người lính đi qua, thấy vậy, đứng lại. Người diễn trò dỗ tôi :

– Sao em lại khóc. Gần về với má rồi, em ạ.

Tôi lại tiếp tục đi. Đường thấy xa hơn lúc đi nhiều và cảnh vật lạ cả. Chúng tôi đi qua một bức tường màu tro và một cái cổng lớn có lính canh. Rồi đến một khu rừng dài bất tận. Tôi sợ rún người và không bước được nữa.

Người diễn trò liền giở giọng và quát:

– Đồ mất dạy. Mày không đi nữa phải không ? Ta đánh vào xác mày bây giờ?

Lúc đó không có người qua lại. Ông ta nắm chặt tay tôi lôi tuột, tôi lằng-nhằng theo sau vừa đi vừa khóc. Trời ơi! Anh phải hiểu lúc đó tôi mới có lên năm thôi, còn nhát lăm và chỉ nhớ mẹ tôi. Tôi không nhớ rằng tôi phải đi như thế hết bao nhiêu thì-giờ, chỉ nhớ rằng khi tôi mệt lả thì thấy ánh đèn trong làng kia lác-đác hiện ra. Tới cổng làng, tôi thấy có mấy cái xe của phường làm trò rong đậu trên bãi cỏ dọc theo một bức tường gỗ. Người diễn trò đưa tôi vào một cái xe đó. Tôi trông thấy một người đàn bà cụt chân đang uống rượu. Người diễn trò cúi xuống nói nhỏ với người đàn bà rồi cả hai người đều nhìn vào tôi.

Người đàn bà nói:

-Trên má nó có dấu à ?

Cái dấu ấy là một mụn cơm hồng-hồng bây giờ còn cái sẹo lũng xuống đây.

Người đàn ông nói :

– Khó gì! người ta sẽ làm tiêu nó đi.

Tôi sợ quá hỏi :

– Mẹ tôi đâu ?

Người đàn bà nói :

– Con ơi! Sáng mai má con sẽ đến. Hôm nay con phải ngoan và đi ngủ đi.

Người đàn ông nói thêm :

– Chắc nó đói.

– Để tôi cho nó ăn.

Nói xong, người đàn bà cụt chân chống hai tay xuống đất lê đi. Tôi kinh-ngạc quá. Bà ta đem cho tôi một đĩa hột đậu to tướng vừa lấy ở nồi ra hầy còn nóng. Tôi ăn ngon lành lắm, mặc dầu đậu nhạt và thiếu bơ. Thấy tôi dễ ăn, bà khen.

– Bé ngoan quá !

Biết đâu, ở nhà thầy thuốc cấm tôi ăn thứ đó và mẹ tôi chỉ cho tôi ăn thịt quay vì tôi hay ốm. Tôi thèm đậu nay được ăn sướng quá.

Khi tôi ăn xong, bà bảo:

– Bây giờ bé đi ngủ đi, chóng ngoan !

Bà kéo chiếc màn vải ra, trong cùng xe có hai cái giường.

Thực ra, ngủ ở trong xe tôi thấy là-lạ và thính-thích. Tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Khi tôi thức dậy tôi thấy cái giường tôi nằm đu-đưa như khiêu-vũ. Tôi tưởng tôi đang ở trong giấc mơ, nhưng mình tôi bị đảo qua đảo lại và tôi nghe rõ tiếng nhạc loong-coong và tiếng xích kê-xọc-xạch, tôi không mê. Phía trên và ngay cạnh giường tôi có cái cửa sổ con, một ánh-sáng yếu-ớt lọt vào. Tôi liền quỳ lên và nhìn ra : trời chưa sáng rõ, cây cối lần-lượt diễn qua cửa sổ. Xa-xa trong cánh đồng cỏ, một giải sông con uốn khúc. Tôi hiểu ngay buồng tôi và giường tôi đang đi. Tôi sức nhớ đến mẹ tôi, tôi gọi : Mẹ ơi! Mẹ ơi !

Một tiếng ồ-ồ, tôi không quen, đáp lại :

– Xe đang đi đón má bé đây.

Nhưng tôi vẫn sợ và |gào khóc. Lúc đó một người đàn ông tôi chưa từng trông thấy bao giờ bước vào buồng tôi, thân-hình to lớn, đầu đội mũ Cảnh-binh cao chạm nóc xe, bảo :

– Màỵ không nín, tao giết chết.

Tôi càng gào lớn. Người đó tiến lại trước mặt tôi, hai tay giang ra. Tôi sợ ông ta bóp chết tôi nên tôi nín bật

Khi ông ta ra rồi, tôi tìm quần-áo để mặc thì không thấy đâu nữa. Tôi không dám hỏi cứ ngồi im thín-thít trên giường. Xe đi lâu lắm, khi ở đường đá, khi vào đường đất. Nhìn qua cửa sổ, tôi biết là xe đang đi qua các làng.

Sau cùng xe dừng bánh, người đàn bà cụt chân vào.

Tôi hỏi :

– Mẹ, mẹ tôi đâu ?

– Lát nữa sẽ gặp má em.

Bà ta nói dịu-dàng, tôi đỡ sợ và nói :

– Tôi muốn xuống giường.

– Chính ta cũng định bảo em thế. Đây, quần-áo đây, em mặc vào.

Bà ta cho tôi một cái áo dài xấu quá.

– Không phải áo của tôi.

– Em phải vận áo này.

Tôi định cãi lại và xé tan cái áo khổ ấy ra, nhưng người đàn bà kia nhìn tôi bằng đôi mắt kinh khủng, tôi phải vâng lời.

Khi tôi mặc áo xong thì xe cũng dừng hẳn. Người đàn bà bảo tôi xuống xe, chỗ đó ở giữa bình-nguyên, chung quanh tôi đồng ruộng mông-mênh, xanh mượt đến tận chân trời.

Người đội mũ Cảnh-binh nhảy xuống dóm bếp ở vệ đường. Ba cái gậy buộc chum đầu vào nhau, dưới treo một cái nôi. Lúc đó tôi đói lắm nên nghe thấy tiếng nôi reo tôi mừng quá.

Người đàn bà cụt chân vẫn ở trong xe. Người đàn ông lên bế bà ta đặt xuống đường. Bà ta nhìn tôi nói :

– Cái dấu kia !

– Phải đấy.

Rồi người đàn ông dữ tợn ngồi xuống lấy hai chân kẹp tôi vào lòng, hai tay giữ chặt hai cánh tay tôi, tôi không sao nhúc-nhích được. Người đàn bà lê lại, một tay hếch mặt tôi lên, tay kia cầm kéo mở rộng, bà ta cắt đến sát một cái đứt hẳn mụn cơm trên má tôi.

Máu chảy dòng-dòng vào cả miệng tôi, chảy cả xuống áo tôi. Tôi tưởng họ giết thịt tôi, tôi khóc hét lên, giẫy-giợn và cắn vào tay bà ta. Bà ta bình-tĩnh như thường, bôi cái gì vào má tôi, rất lắm, tức thì máu không ra nữa.

Bà ta bảo người đàn ông :

– Thôi, thả ra cho nó đi.

Bà ta tưởng tôi muốn trốn. Nhưng không. Tôi sấn vào bà ta và lấy tay đánh túi-bụi. Bà ta định đánh lại tôi thì người đàn ông đã nhắc tôi lên, quăng vào xe và đóng cửa lại.

Họ giam tôi trong ấy một ngày không cho ăn uống gì. Mãi đến tối, họ mới mở cửa. Lời nói thứ nhất của tôi là đòi mẹ tôi.

Người đàn bà không chân trả lời gọn lỏn :

– Mẹ mày chết rồi !

Suốt thời-gian bị nhốt trong xe, tôi đã nghĩ mãi. Tôi đáp :

– Không phải, mẹ tôi không chết. Bà là người ăn cắp.

Bà ta toét miệng cười làm tôi tức giận thêm.

Tôi ở với người đàn ông đội mũ Cảnh-binh và người đàn bà cụt chân trong ba tuần-lễ, hay một tháng. Trước họ tưởng họ có thể áp-phục tôi cũng như người ta áp-phục các con vật bằng cách bắt nhin đói. Nhưng họ không đạt được kết-quả. Lúc nào cần ăn, họ bảo gì tôi cũng thuận. Nhưng một khi đã ăn no rồi, tôi không làm gì cả. Người đàn bà cụt chân biết rằng không đời nào tôi tha-thứ mụ về việc đã khoét má tôi. Mụ thường nói:

– Con này ghê lắm. Nó có thể cầm dao đâm chết tôi được.

Một ngày kia, chúng tôi đi đến một miền mà tôi không biết tên, tôi chỉ nhớ là có nhiều sông con lắm. Nhận thấy không thể dùng tôi được việc gì, họ bán tôi cho một người mù. Người này không mù hơn anh và hơn tôi, nhưng y giả cách mù để đi ăn xin.

Suốt ngày, tôi phải ngồi trên cầu, chìa tay xin. May sao ông ta có một con chó con, tối đến, tôi có thể chơi với nó nên cũng đỡ buồn.

Tôi không có khiếu về “nghề” ăn mày, nghĩa là tôi không biết quấy nhiễu những khách không chịu cho tiền. Không biết giả khóc và theo họ, nên ngày nào tôi cũng bị ăn đòn. Đánh mãi chán tay, ông già lại bán tôi cho một bọn nghệ-sĩ rong để tôi làm việc quỳn tiền trong khi họ trình diễn.

Họ đã đưa tôi đi nhiều nước. Tôi đã qua nước Anh, nước Mỹ và đã ngồi trên tàu biển hàng tháng.

Khi trở về Pháp, lại một lần nữa, tôi bị bán và vào tay ông Bô-la. Ông này mua tôi về để làm trò leo dây. Trong khi chờ đợi, tôi giữ việc cho loài vật ăn. Đạo ấy, chúng tôi có ba con sư-tử. Con lớn nhất dữ lắm, nhưng đối với tôi, nó lại rất hiền. Mỗi lần tôi mang cái ăn cho nó, nó chạy đến liếm tay tôi.

Một hôm, bực vì tôi không sao tập được một trò khó, Bô-La cầm roi quát tôi veo-veo. Tôi kêu vang lên. Bên cạnh là chuồng con sư-tử của tôi. Thấy tôi bị áp-chế tức thì con sư-tử có nghĩa kia thò ngay chân qua song sắt vồ lấy vai Bô-La và kéo vào. Bô-La cố giật ra nhưng móng chân sư-tử cứ cắm sâu vào thịt không chịu buông ra. Nếu người ta không vác những gậy sắt đến thì con sư-tử còn giữ chặt. Thế rồi Bô-La bị ốm mất hai tháng. Tuy-nhiên tai-nạn đó đã làm cho Bô-la nảy ra ý-kiến cho tôi “vào chuồng sư-tử”. Bà Bô-La bảo tôi:

– Vì những con sư-tử là bạn mày, chúng sẽ không ăn thịt mày.
Vả lại con lớn sẽ bênh mày.

Sự thật, tôi thích nghề này hơn nghề leo dây. Thế là từ ngày đó, trong lời giáo-đầu của ông Bô-La được thêm một đoạn rất hay ho : “Về yêu-kiều của kỳ-nữ Diệp-Lan khuất-phục được loài ác-thú miền sa-mạc ”

Chúng dữ thì dữ thật, nhưng có khi chúng hiền-lành hơn những con chó. A ! nếu con Hồng-Sư còn sống, anh đã được trông nó khôn thế nào. Tôi cho cả ba con vào một chuồng, rồi lấy roi đánh hai con kia túi-bụi. Chúng chồm lại nhe nanh gầm gừ. Tôi bảo con Hồng-Sư: “ Giữ chúng lại!”. Nó liền nhảy ra chặn hai con kia lại và gầm lên như tiếng sấm. Tôi giả-cách té ngất đi. Nó chạy lại liếm liếm mặt tôi. Người ta mở chấn song. Nó ngậm ngang mình tôi mà tha ra. Tiếng hoan-hô, tiếng vỗ tay chấn-động cả rạp. Người xúm lại tặng tôi nào hoa, nào kẹo. Lại có những thiếu-phụ xinh đẹp chạy đến hôn tôi.

Tôi thành-công rực-rỡ. Người ta mời ông Bô-La sang diễn ở Ba-Lê. Tôi khắp-khởi mừng thầm vì đến Ba-Lê tôi sẽ có dịp trốn đi tìm mẹ tôi.

Không may, gần đến ngày đi Pháp, con Hồng-Sư thụ bệnh. Đạo ấy là mùa đông, trời rét như cắt; nó nằm run một chỗ không ăn uống gì. Tôi hết lòng săn-sóc nó. Ban đêm tôi đắp chung chăn với nó cho khỏi lạnh. Nhưng rồi nó cũng chết.

Tôi buồn rầu không tả được. Người ta tưởng tôi sẽ chết theo nó. Nhưng rồi tôi cũng khuây dần. Thế là việc đi Ba-Lê bỏ, tôi hết hy-vọng tìm mẹ tôi.

Từ ngày đó, tôi nghĩ đến việc trốn đi. Nhưng một mình tôi, tôi không dám làm. Có Phi và Bùi đấy, nhưng tôi sợ chúng phản trắc. Còn anh, anh không phải là người của đoàn, anh có bằng lòng giúp tôi đi tìm mẹ tôi không ? Thấy tôi, mẹ tôi sẽ sung-sướng và sẽ cảm lòng anh.

Ba-Lê không phải là Hao-Cảng, tôi liền đem chuyện tôi kể thật cho Lan nghe.

Nàng hỏi :

– Như vậy cứ đến Ba-Lê đã, mẹ tôi sẽ trả tiền tàu cho anh đi Hao-Cảng và rất có thể chúng tôi sẽ đưa anh đi.

Tôi bèn nói cho Lan biết việc sống trên đường cái rất khó-khăn.
Ăn vào đâu ? Ngủ ở đâu ?

Lan nói :

– Tôi có 7 phật-lăng 6 xu. Tiền đó dùng để ăn. Còn ngủ thì nằm ở ngoài trời. Miễn ở bên cạnh anh là tôi bớt sợ.

Lòng tin của Lan làm tôi hào-hạnh nên tôi quyết-định theo ý nàng. Vả lại, Lan là một cô bé mà người ta khó lòng từ-chối.

Nàng có đôi mắt xanh nhu-mì mà hăng-hái. Một cái nhìn vừa ngây-thơ vừa từng-trải, vừa dịu-dàng vừa rắn-rỏi. Con mắt ấy, cái nhìn ấy nó không để cho người ta khước-từ hoặc làm phật-ý. Chúng tôi nhất-định khi xe đến Óc-Lê-Ăng là cùng nhau trốn bỏ đoàn xiếc.

Nàng nói :

– Từ nay đến hôm ấy, trước mặt mọi người tôi không nói chuyện với anh đâu. Nhưng anh thật-thà quá, đừng vô ý làm lộ chuyện, nhớ nhé.

Tôi nhăn mặt lại. Nàng biết tôi không thích về câu nàng khen đó.

Lan nói :

– Anh bắt tay tôi đi. Thấy anh là người tốt nên tôi hết lòng trông cậy vào anh.

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA-ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương XI

NHỮNG CÁI RỦI-RO TRONG NGHỀ

MỘT thứ bảy, ngày phiên chợ, trong các phố dân quê đi lại tấp-nập. Khi tôi về qua chợ, thấy Phi và Bùi đang đứng xem thợ nhỏ rỗng trên một bãi đất công. Giữa tiếng kèn trống rộn-ràng, Phó Tuyên đang hành nghề. Bác nhỏ phăng-phăng và ném những chiếc răng vô-dụng lên không phơi-phới như thể những đứa trẻ đánh chuyền.

Sau ba mươi năm chiến-đấu với những hàm răng khỏe và gan, Phó Tuyên rút được nhiều kinh-nghiệm và trở nên một tay lành nghề. Hơn nữa bác lại vui tính và mau mồm miệng nên cả hạt ai cũng biết tiếng. Vì thế hôm đó công-chúng bầu đặc chung quanh xe bác.

Anh Bùi nghề võ kém nhưng nghề ảo-thuật lại tài. Anh thường thi-thố để trêu mọi người. Buổi đó, đám đông toàn người nhà quê ngờ-nghech anh được dịp đùa-nghịch. Thoạt nhìn thấy anh ở đây, tôi đã đoán anh định làm trò đây. Nhiều lần anh đã bị tát tai vì trêu phải những tay chẳng vừa. Vì thế, tôi không dám lại gần anh.

Hôm đó, trò chơi của hai bạn tôi sáng-chế ra là rút hộp “thuốc hít” của những người nghiện thuốc và rút “mùi-soa” của những người không nghiện thuốc. Cố nhiên, kẻ nhanh tay là Bùi phải làm việc móc túi. Còn Phi khi nhận được hộp thuốc hít thì lấy bã cà-phê thế vào và khi nhận được mùi-soa thì lấy thuốc hít xát vào.

Những người nhà quê chất-phác, mắt mãi nhìn những người đau răng đang đợi nhổ, tai mãi nghe những lời rao hấp dẫn của Phó Tuyên, hơn nữa lại bị tiếng kèn trống làm rối xòe, đứng ngây người như tượng gỗ cả, túi bị móc ra tra vào không biết gì cả.

Lát sau, nhiều người móc mùi-soa ra lau mũi bị hắt hơi từng chập không ngừng. Những người khác đến cơn nghiền đem

thuốc ra hít chẳng thấy mùi vị gì, cứ nhìn đi nhìn lại hộp thuốc và ngờ-ngợ. Hai đồng đảng trông điệu-bộ của họ, bấm-nhau và cười rữ. Thấy thỉnh-thích, tôi cũng muốn vào nhập bọn. Nhưng khi tôi mới bước được vài bước thì thấy một người Cảnh-binh len vào và thộp cổ Bùi, đang thọc tay vào túi áo một bà già. Đồng-thời, ở một góc kia có tiếng ồn-ào : Phi cũng bị bắt. Không cần xem hơn nữa, tôi gạt luôn mấy người đứng sát cạnh và chạy thẳng về xe báo cho Bô-La hay câu chuyện vừa xảy ra. Một giờ sau, các nhà chức-trách đến khám xe chúng tôi. Lẽ dĩ-nhiên, người ta không bắt được gì vì hai bạn tôi không phải là phường ăn cắp. Nhưng người ta cứ bỏ tù Bùi và Phi mặc dầu Bô-La khiếu-nại là những trò chơi đại-dột của hai trẻ, chứ chúng không hề lấy của ai. Nhưng các quan tòa không chịu. Bô-La sợ người ta lại buộc cho tội đồng-lỏa hay tội chứa-chấp quân gian nên không dám kêu nài nữa. Cảnh-sát không có cảm-tình với phường hát rong. Bất hạnh, trong hạt có tội lỗi gì xảy ra nhằm lúc những phường hát rong đi qua là người ta đổ cả vào đầu họ trước nhất. Đối với họ, người ta không cần xét hỏi lời thôi. Trái lại, chính họ phải trình-bày và chứng-minh rằng mình vô tội. Bùi và Phi bị bắt quả tang đang thọc tay vào túi người ta, không thể chối cãi là không định tâm ăn cắp. Vì thế chúng bị xử giam trong nhà trừng-giới cho đến tuổi thành-niên. . Thế là trong đoàn khuyết mất hai người, tôi phải bù vào chỗ trống đó, nghĩa là tôi phải làm việc thay thế cho cả hai người. Khi Bô-La bảo thế, tôi hét lên rằng tôi không đủ khả-năng để xếp mình vào trong hộp. Bô-La kéo tóc tôi – kéo tóc là một lối vuốt ve và là dấu yêu-quí của ông ta – và bảo :
– Không phải vấn-đề “vào hộp” . Con dẻo-đang lắm, con có thể tập trò múa lộn trên dây được
Thế rồi khi đến chợ A-Lăng-Xông, tôi bắt đầu luyện tập nghề mới. Nhưng việc diễn tập của tôi vì một sự rủi ro xảy đến nên bỏ dở không tiến hành được. Dự-định trốn đi của tôi cũng do đó phải đình lại.

Hôm đó là chủ-nhật. Chúng tôi khai diễn từ 12 giờ trưa, liên tiếp cho đến tối không nghỉ. Những nhạc-công đều khô cổ thối kèn như hết hơi. Bô-La rao chào mãi khản cả tiếng. Sư-tử nằm lỳ không muốn dậy. Khi Diệp-Lan giơ roi dọa, nó đưa đôi mắt râu-râu lên như kêu van. Tôi, tôi cũng mệt lử vì đói và khát, không buồn cử-động chân tay.

Cho tới 11 giờ khuya cửa rạp còn có khách. Bô-La quyết diễn thêm xuất nữa và ra cửa kêu gọi,:

– Chúng tôi chỉ biết phục-vụ cho hoan-lạc của quý-khách.

Chúng tôi đã kiệt lực rồi. Nhưng dù chúng tôi có phải chết cả vì mệt nhọc, chúng tôi cũng cố thỏa-mãn hiếu-kỳ của quý-khách.

Kính mời liệt-vị vào coi! vào coi!

Màn đầu là phần việc của tôi. Tôi phải nhảy lộn qua trên lưng từ một đến bốn con ngựa xếp dần vào. Xong phải diễn võ trên đầu sào. Trò thứ nhất, tôi nhảy lúng-túng, khán-giả xì-xào. Đến trò thứ hai, khi Bôn đem cây sào ra, tôi ngán quá muốn bỏ. Xong, cái nhìn hăm-hăm của Bô-La, tiếng reo khích-thích của khán-giả và cả lòng tự-ái của tôi làm cho tôi cố-gắng. Tôi nhảy phắt lên vai Bôn rồi leo thoăn-thoắt lên đầu sào cao tới năm mét.

Bôn cũng mệt rồi, giữ cây sào không vững. Đến khi tôi lấy hai tay bám vào đầu sào đưa thẳng ngang thân ra một bên như lá cờ giương trong gió, bỗng cột sào lão-đảo, tim tôi ngừng đập, tôi buông tay ra.

Công-chúng kêu rú lên, tôi đã ngã soài xuống đất, hai tay đưa về phía trước. Tôi nghe thấy tiếng “cắc” ở vai bên phải và tê-bại cả mình mẩy. Nếu không có lớp mặt-cửa bên dưới thì tôi đã tan xác rồi. Tuy-nhiên, tôi đứng phắt dậy định giơ tay chào công-chúng đang nhao-nhao lo-lắng cho số mạng của tôi, nhưng tôi buốt vai quá, không sao nhấc cánh tay lên được.

Người ta chạy đến vây lấy tôi, hỏi tôi cùng một lúc, làm tôi ngột cả người. Lúc đó tôi mới thấy đau nhiều và đứng không vững.

Bô-La nói :

– Không hề gì. Mời quý-vị về chỗ – chúng tôi xin tiếp-tục diễn hầu quý-vị.

Bôn giơ hai tay lên trời nói :

– Nó không sao tái-diễn được nữa. Thôi để “ nó an-nghỉ cho khỏe mà ! ”.

Cả rạp đều vỗ tay cười rộ.

Trong sáu tuần-lễ, tôi không thể nhắc tay lên như Bôn đã ra kiểu cho tôi, vì xương quai-sanh ở vai tôi bị gãy.

Trong gánh xiếc, người ta ít khi dùng đến thầy thuốc. Khi buổi diễn chấm dứt, Bô-la tự chữa cho tôi. Ông ta buộc băng vào vai tôi và thay thế cho thuốc, người ta bắt tôi đi ngủ không cho ăn uống gì.

Tôi ở trong xe chở loài vật. Tôi nằm trên giường đã hai giờ rồi mà không sao ngủ được, vừa sốt vừa khát. Tôi trở mình hết bên này sang bên kia không sao tìm được một vị-trí êm-dịu cho vai tôi.

Chợt tôi thấy có người sẽ mở cửa đi vào.

Diệp-Lan nói nhỏ :

– Tôi đây, anh có ngủ được không?

– Không.

Nàng lại bên giường cầm tay tôi và nói :

– Vì tôi mới nên nổi này. Xin anh tha thứ cho tôi.

– Sao?

– Nếu tôi để anh đi sớm thì hôm nay anh đã không ngã.

Ánh trăng lọt qua cửa sổ chiếu vào mặt nàng, tôi nhìn thấy đôi mắt long-lanh lệ. Tôi làm ra bộ khỏe mạnh. Tôi nói:

– Không hề gì. Cô tưởng tôi trầm-trọng lắm sao ?

Tôi cố giơ tay lên nhưng đau buốt quá, tôi liền kêu lên một tiếng nhỏ.

Nàng nói:

– Đây, anh xem. Thực là vì tôi, vì tôi

Đột nhiên, nàng cởi cánh tay áo ra, bảo tôi:

– Đây, anh nhìn xem.

– Gì thế?

– Anh để tay xem.

Rồi nàng cầm tay tôi đưa trên cánh tay nàng, tôi thấy hình như dướm máu.

Nàng nói tiếp :

– Thấy anh gãy xương vai, tôi liền cắn vào cánh tay tôi cho thật đau, bởi vì đã là bạn, người ta phải cùng đau khổ với nhau chứ !

Nàng nói với một giọng cương-quyết và mắt nàng lóng-lánh như những hạt kim-cương dưới ánh trăng xanh. Việc nàng làm thực là vô lý nhưng tôi rất cảm-động và muốn khóc.

Thấy vậy nàng nói :

– Tôi làm anh buồn sao ? Thôi, tôi đã lấy nho ở tủ đem cho anh đây. Anh có đói không ?

– Tôi đang khát, được nho ăn hay lắm.

Nàng lại lén ra lấy thêm cho tôi một chén nước nữa.

Nàng nói .

– Bây giờ, anh phải ngủ đi – nàng sửa lại cái gối dưới đầu tôi cho ngay ngắn – cho chóng khỏi để chúng ta cùng trốn. Ngày nào anh bình phục, chúng ta sẽ đi ngay. Anh không thể làm nghề leo sào nữa. Các nghề ấy không phải là nghề của anh.

– Nếu Bô-La ép tôi làm thì sao?

– Bô-La ấy à? Tôi sẽ bảo con Tuấn-Sư cắn chết hắn. Chỉ một cái tát, một miếng ngoạm là đi đời! Chẳng khó gì.

Nàng trở ra, trước khi khép cửa, còn quay lại giơ tay tỏ dấu thân-yêu :

– Ngủ đi!

Tôi đỡ khát và đỡ đau. Tôi cố ngủ. Nhưng không sao chợp mắt được vì tôi cứ nhớ đến mẹ tôi.

Cái tai-nạn bất ngờ đã làm chậm ngày đi của chúng tôi, hơn nữa nó lại đưa chúng tôi vào sâu mùa sương-gió. Trong ngày hè, chúng tôi có thể ngủ giữa đồng được, nhưng về tháng mười một, đêm sẽ dài và lạnh, lại hay mưa tuyết.

Diệp-Lan không để tôi làm gì cả. Nàng chăm nom thú vật thay tôi. Nàng nóng lòng mong tôi lành bệnh hơn tôi. Khi tôi bàn với nàng đợi đến mùa xuân hãy trốn thì nàng giận tôi.

Nàng nói :

– Nếu anh cứ ở với họ, đến mùa xuân anh đã chết rồi. Bô-La sẽ bắt anh tập đu-bay, anh không tránh thoát đâu. Rồi họ cứ đưa chúng ta đi xa Ba-Lê mãi. Đến mùa xuân chúng ta sẽ lưu-lạc đến miền Nam nước Pháp.

Lý-do cuối cùng làm tôi nghe ra.

Ta cần phải chóng khỏi – sáng nào cũng thế, tôi phải qua cuộc khám-nghiệm của Diệp-Lan –muốn thế, tôi đứng sát lưng vào

vách xe và giờ từ từ cánh tay đau lên, đến chỗ nào tay không lên được nữa, nàng lấy mũi dao đánh dấu vào vách. Cứ như thế nàng so-sánh mức tiến của cánh tay tôi cho đến ngày giờ thẳng lên được là khỏi.

Chúng tôi từ A-Lăng-Sông đã đến Văng-Đôm. Rồi lại từ Văng-Đôm sẽ đi Bơ-Loa và thành Tua. Ở đây, tôi sẽ phải tiếp-tục diễn trò. Vì thế tôi bàn với Lan khi nào đoàn xe đến Bơ-Loa là chúng tôi trốn đi Ốc-Lê-Ăng để về Ba-Lê. Lan đưa tiền cho tôi để mua một tấm bản-đồ cũ vẽ đủ đường-sá nước Pháp. Với một cái kẹp tóc, tôi dùng làm com-pa đo quãng đường từ Bơ-Loa đến Ba-Lê và tính ra cách đến 40 dặm. Quãng dài quá, mà những ngày tháng 11 lại chỉ có 10 giờ thôi. Diệp-Lan đi không quen liệu có thể đi được mỗi ngày 6 dặm không? Nàng quả quyết là sẽ đi được, nhưng tôi nghi lắm. Nhưng dù sao cùng chỉ là một hành-trình trong độ một tuần-lễ thôi. May sao nàng đã để dành thêm được, và số tiền lên tới 10 phật-lăng. Đồ ăn đã chuẩn-bị, dép của tôi đã làm xong. Nàng lại nhặt trên đường được một cái chăn ngựa cũ, còn dùng để đắp được.

Sửa-soạn đâu vào đấy, chúng tôi chỉ đợi ngày lành bệnh là ra đi. Theo mức tiến của cánh tay tôi ghi ở vách xe, chúng tôi tính đến ngày đoàn xiếc đỗ lại ở Bơ Loạ là tôi khỏi hẳn. Nhưng rủi thay! Con Tuấn-Sư ngày thường lành thế, bỗng dưng nổi loạn làm cho ngày đi của chúng tôi lại bị ngăn trở một lần nữa.

Một buổi chiều, hai người Anh khen ngợi tài nghệ của Diệp-Lan, sau khi khán-giả ra về, lại gần Diệp-Lan bảo diễn lại lần nữa cho họ xem. Bô-La vui lòng nhận lời vì hai vị khách đó hứa đãi Bô-La một bữa thịnh-soạn. Diệp-Lan lại vào chuồng sư-tử.

– Con bé xinh quá !

– Can-đảm thực !

Hai người khách thi nhau vỗ tay,

Bô-La nói khoác rằng sở dĩ Diệp-Lan vào hẳn chuồng vượt ve sư-tử không sợ nó hại là nhờ hẳn biết cách huấn luyện cho nàng.

Người Anh thứ nhất nói :

– Ông chỉ nói róc, ông mà dám vào chuồng sư-tử kia à?

Người thứ hai nói thêm :

– Tôi đổ ông vào đấy. Tôi thách 10 đồng ăn 1 nếu ông dám vào.

Bô-La đáp :

– Tôi nhận lời.

– Nhưng con bé phải ra kia. Ông sẽ vào một mình.

– Được rồi. Diệp-Lan trao roi cho ta !

– Con bé ra rồi và không được trở vào nữa chứ?

– Hẳn thế.

Mọi người đều đứng ở đấy cả : Anh Bôn,, bà Đô-La và các các nhạc-công. Tôi mở cửa chuồng.

Bô-La bỏ bộ áo Đại-tướng ra.

Một người Anh nói :

– Nếu con sư-tử này thông-minh, nó sẽ không cắn ông ta, vì thịt ông ta dai như chấu.

Họ nói đùa làm chúng tôi phải bật cười.

Tuy thông-minh nhưng nó không quên được những trận đòn bằng chạc sắt mà Bô-La vẫn luôn qua song đập vào mình nó.

Đầu tiên thấy Bô-La cầm cao roi tiến vào, con Tuấn-Sư hơi run-run. Điều bộ đó làm cho Bô-La phấn-khởi. Bô-La quất vào mình

nó một roi cho nó đứng dậy. Nhưng roi da không phải là chạc sắt, con Tuấn-Sư biết rằng nó đã nắm được kẻ thù. Một luồng hùng-khí thoáng qua óc u-tù của nó. Nó gầm lên và đứng dậy.

Bô-La chưa lùi được bước nào thì nó đã vồ lấy. Bô-La nằm bẹp dưới hai chân khủng-khiếp của nó đang quắp những móng vào. Tuấn-Sư vừa gầm-gừ vừa lăn Bô-La vào dưới bụng nó. Bô-La kêu :

– Tôi chết mất!

Đầu nó cúi xuống thân Bô-La, hai mắt nó lóe như ngọn lửa trừng- trừng nhìn chúng tôi; đuôi nó quất vào hai bên sườn ầm ầm như tiếng trống.

Bôn lấy chạc sắt luôn qua song đập vào lưng nó loạn xạ, nó cứ trơ-trơ không nhúc-nhích. Một người Anh rút súng lục chĩa vào tai sư-tử ở gần song sắt.

Bà Bô-La vội nắm tay người Anh giữ lại và nói:

– Đừng giết nó.

Người Anh nói:

– Bà này quý sư-tử hơn chồng à ?

Rồi lầm bầm thêm vài câu bằng tiếng ngoại-quốc.

Thấy tiếng ồn-ào, Diệp-Lan chạy đến. Chuồng này vẫn có một “con song” dễ tháo để khi nguy hiểm, Diệp-Lan nhỏ nhắn có lối lách ra được mà con ác thú không chui lọt. Diệp-Lan liền tháo song len vào, con Tuấn-Sư lúc đó đang quay lưng lại không biết gì.

Diệp-Lan tay không, nhảy phắt lên bờm nó. Con vật giật mình quật cổ lại hất Diệp-Lan ngã hẳn vào song sắt và giờ vượt ra chống-cự. Khi nó nhận ra là Diệp-Lan, nó liền co chân lại, bỏ Bô-La và chạy nằm nép vào một góc.

Bô-La thoát chết nhưng xây-xát khắp mình mẩy, người ta phải khiêng ông ta ra trong khi Diệp-Lan đứng đó coi chừng con Tuấn-Sư bẽn-lẽn.

Diệp-Lan bước ra sau cùng, chân đi khập-khiễng: con sư-tử đã làm trẹo cổ chân nàng. Người ta phải nán lại và buộc chân cho nàng, đau tám hôm mới khỏi, còn Bô-La bị thương nặng, ho ra máu, nằm liệt giường.

Nửa tháng sau, Diệp-Lan bảo tôi chân nàng đã lành mạnh như thường và chúng tôi có thể thực hiện ý-định dễ-dàng vì Bô-la đang bị đau nặng không thể đuổi bắt chúng tôi được.

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương XII **TRỐN VỀ BA-LÊ**

HÔM đó là mồng 3 tháng 11, tuy ở giữa mùa thu (dương-lịch) nhưng tiết trời còn đẹp. Nếu chúng tôi sửa soạn gấp để đi thì có thể hy-vọng về tới Ba-Lê trước những ngày mưa lạnh.

Bàn đi tính lại mãi, kế hoạch của chúng tôi được ấn định như sau : vì tôi không bị canh chừng, tôi sẽ rút lui trước tiên, mang theo hành-lý gồm có gói lương khô tức là vỏ bánh, một cái chăn cũ, một cái chai không, một đôi giày để thay đổi, một bọc quần-áo của Diệp-Lan đã giấu trong rương của tôi, một cái song bằng sắt tây nghĩa là đủ thứ đồ-đặc của một kẻ dọn nhà. Còn Diệp-Lan đợi khi nào vợ chồng Bô-La ngủ say sẽ lẻn đi và đến một gốc cây trong phố mà chúng tôi đã hẹn nhau trước.

Tôi đến đó vào khoảng 11 giờ. Mãi nửa đêm Diệp-Lan mới tới nơi. Đợi mãi, tôi bắt đầu thất vọng và lo nàng bị bắt gặp. Chợt tôi nghe thấy tiếng bước nhẹ trên đường. Bóng người thấp-thoảng dưới ánh đèn xa : tôi nhận ra chiếc áo choàng đỏ của nàng vẫn thường khoác để ra ngoài.

Nàng vừa thở vừa nói :

– Tôi tưởng đi không thoát. Bô-La không ngủ cứ rên như bò rống. Rồi tôi cũng đến chuồng từ-biệt con Tuấn-Sư nữa. Tội nghiệp cho nó! Nó sẽ buồn rầu đến thế nào? Anh đã mang tất cả đồ-dùng đấy chứ ?

Không phải là lúc để chúng tôi kiểm-soát đồ-đặc nên tôi bảo nàng phải ra khỏi ngay thị-xã đi về miền quê, nếu không tất bị người ta bắt gặp.

Nàng nói :

– Được rồi! Đồng-ý. Nhưng trước hết, anh đưa tay đây.

– Để làm gì ?

– Để đặt vào bàn tay tôi và cả hai chúng ta cùng thề rằng “sống chết có nhau”. Anh có bằng lòng không?

– Vui lòng.

– Vậy anh đưa tay đây và nói như tôi: chúng ta giúp đỡ nhau suốt đời, sống chết có nhau !

– Sống chết có nhau !

Nàng bắt tay tôi và lòng tôi cảm-xúc bởi giọng nói run run trong lúc nàng thề.

Phố xá vắng tanh, không-khí lặng ngắt như tờ. Thỉnh thoảng nghe thấy tiếng gió thổi vào những chiếc đèn lồng đưa qua đưa lại làm cho những bóng đèn di-động trên mặt hè.

Nàng bước ra trước và nói:

– Bây giờ, chúng ta bắt đầu đi.

Không mấy lúc chúng tôi đã ra khỏi thành-phố đến nơi đồng ruộng. Tôi đi sau nàng, tôi ngấm kỹ thấy nàng khuỳnh-khuỳnh cánh tay trái trong lớp áo choàng như đang cắp một vật gì. Đồ-dạc tôi mang cả rồi, vậy cái đó là vật gì? Tôi liền hỏi nàng.

Nàng mở áo choàng và đáp :

– Cây hoa mộc của tôi.

Tôi nhìn thấy một cái chậu con trùn giấy đỏ! Nàng vẫn có chậu hoa này để trên ngăn cửa sổ xe, bị Bô-La rầy la luôn mà nàng không chịu bỏ.

Tôi khó chịu về cái gánh nặng mới đó, bảo nàng:

– Chúng ta lại còn phải đeo thêm cái đó nữa kia à ?

– Nếu bỏ lại, nó sẽ chết khô. Đã một con Tuấn-Sư rồi! Khốn-nạn cho nó! Anh không biết lúc này tôi định dắt cả nó đi. Vì nó cứ nhìn tôi, chắc nó biết có chuyện gì.

Dắt cả con sư-tử đi, có lẽ dắt bằng dây như dắt con chó chằng?

Thực là một ý-kiến kỳ-cục. Tôi không thể không bật cười.

Diệp-Lan đòi sẻ ít đồ-dạc cho nàng mang, tôi cũng chiều ý.

Đêm mát mà không lạnh. Muôn ngàn điểm sao lấp-lánh trên nền trời xám. Trong đồng mọi vật đều ngủ cả. Cây cối cứng-nhắc và im-lìm. Không một tiếng gió đưa, một tiếng chim chóc hay giun-đế làm sống động những đêm hè. Thỉnh-thoảng, khi chúng tôi qua một xóm nhỏ, vài con chó sủa theo chúng tôi và làm tỉnh-thức những con khác. Tức thì những tiếng sủa cứ liên-tiếp nhau kéo dài mãi vào trong khoảng tối-tăm thăm-thăm như những người lính gác báo hiệu và trả lời nhau.

Sợ Bô-La truy-tầm, chúng tôi phải đi suốt đêm. Tôi lo Diệp-Lan không đi được lâu nhưng mãi đến sáng nàng mới thấy mệt. Chúng tôi đã đi qua nhiều làng không gặp một ai. Những cột cây-sổ cho chúng tôi biết là đã cách xa Bơ-Loa được năm dặm. Một ánh vàng tỏa lên trời phía trước chúng tôi. Tiếng gà gáy từ chuồng nọ đến chuồng kia. Trong nhà, người ta đã nhìn thấy ánh-sáng lọt qua cửa sổ.

Chúng tôi gặp những người làm ruộng bước thong-thả ra đồng. Diệp-Lan nói :

- Bây giờ chúng ta nghỉ chân đã. Tôi hết sợ rồi!
- Cô đã sợ lắm hay sao ?
- Sợ, từ lúc ra khỏi thành-phố Bơ-Loa.
- Sợ gì ?
- Sợ cái vắng lặng ban đêm. Tôi không thích cái đó. Rồi có những bóng đen khi ẩn, khi hiện làm cho tôi phải rảo bước và lắm lúc hết hồn.

Chúng tôi đem bánh ra ăn. Ăn xong thì trời sáng, cái ánh-sáng xam-xám và ảm thấp. Chúng tôi trông thấy một cánh đồng bao-la chưa trồng cấy, đây đó có những mái tranh ẩn trong khóm cây cao, tỏa lên những cuộn khói vàng. Đất mới cày xong, chưa ruộng nào có ngọn lúa xanh. Một đàn quạ khoang bay lượn trên trời rồi chia ra từng toản nhỏ sà xuống chung quanh những thợ cày hay bừa đang làm việc rải-rác trong cánh đồng.

Chúng tôi lại lên đường. Đi được hai dặm nữa, chúng tôi bắt đầu thấy nặng chân, Diệp-Lan mệt quá, đặt mình xuống, ngủ luôn một giấc năm tiếng đồng hồ không dậy.

Trong cuộc đi này, tôi lo nhất là vấn-đề ngủ đêm. Mặc dầu tôi đã quen nằm sương gội gió ngoài trời, nghĩ đến cái lạnh của ngày quý-thu, tôi chẳng yên lòng. Vì thế, nghỉ xong trước khi đi, chúng tôi bàn nhau rằng không kể quãng đường dài ngắn, hễ gặp chỗ nào khả-dĩ trú được là nghỉ. Gần 4 giờ chiều, chúng tôi thấy ở chân tường một khu vườn có đồng lá khô do gió cuốn lại. Còn lâu mới tối, tôi có nhiều thì-giờ để sửa soạn chỗ ngủ.

Tôi vào rừng nhặt thêm mấy ôm lá khô nữa thêm vào chỗ lá cũ ở chân tường đá. Tôi xếp gọn và nén xuống cho đều. Xong tôi lấy những cành cây uốn cong lại, một đầu đâm vào khe tường một

đầu cắm xuống đất, khum khum như cái sườn lều rồi tôi phủ chăn lên trên. Thế là chúng tôi có một cái giường và một cái mái để trú ẩn.

Diệp-Lan tỏ ra thích thú cái túp lều mà tôi vừa xây dựng đó. Một mái lều tranh trong khu rừng vắng, khác nào như trong truyện “Thằng Bé Tí-hon”. A! Nếu nàng có sẵn bơ, nàng đã làm được món súp ngon lành .

Sau bữa cơm chiều dùng toàn vỏ bánh khô cũng như bữa sáng, đêm bắt đầu xuống. Làn ánh vàng còn lại ở chân trời tây tắt hẳn. Những con chim đậu ở trên cành thông rậm-rạp thôi hót. Bóng tối tràn ngập khu rừng, lòng tôi nao-núng.

Diệp-Lan hỏi tôi:

– Anh đã buồn ngủ chưa ?

– Chưa.

– Vậy anh để cho tôi ngủ trước, rồi anh sẽ ngủ. Như vậy tôi bớt sợ.

Ở trong lều, tôi thấy không trống-trải lắm. Tuy-nhiên, do những lỗ chăn thủng, tôi nhìn thấy những ngôi sao lấp lánh trên trời và mặc dầu lúc đó vạn-vật đều ngủ cả, tôi vẫn nghe thấy như có một thứ tiếng khó mà diễn tả được, nó văng-vẳng bên tai như bảo chúng tôi rằng nơi đây chỉ là đất khách. Diệp-Lan nằm trần trọc mãi nhưng rồi cái mệt cũng làm cho nàng thiếp đi. Tôi hết phận sự coi nàng, nên cũng ngủ theo.

Cái lạnh buổi sớm đã đánh thức chúng tôi dậy.

Diệp-Lan trông thấy tôi hơi run, nàng hỏi :

– Anh có rét không? Tôi lạnh quá!

Chúng tôi không còn cách gì để chống lại cái rét, đành lại ngủ giấc nữa để đợi trời sáng vậy.

Nhưng tôi không sao ngủ được. Tôi bị cóng cả tay, và run lập-cập. Chợt tôi nghe thấy tiếng lạo-sạo ở đâu đây. Như có hàng ngàn vạn sâu bọ đang bò trên lá cây.

Diệp-Lan hỏi nhỏ tôi :

– Anh có nghe thấy gì không ?

Mặc dầu tôi muốn cho nàng vững dạ, tôi không thể trả lời là không nghe thấy gì được. Hơn nữa chính tôi cũng đã thấy nao-

núng rồi. Nhưng tôi cố làm ra mặt bạo vì tôi có phận sự che-chở cho nàng, giá chỉ có một mình tôi, tất tôi đã chạy sớm rồi. Trong hơn nửa tiếng đồng-hồ, nàng và tôi không dám động dậy. Tôi nghe thấy hai hàm răng nàng đang đập vào nhau cầm cập. Mà bên ngoài vẫn có tiếng răng-rắc không ngừng. Vì tiếng kêu đó liên tiếp và đều-đều một điệu nên tôi đỡ sợ hơn trước. Tôi nghĩ nếu là người hay vật đi thì tiếng kêu đó phải thay đổi, tôi thử khảm-phá xem sao. Tôi kéo chăn ra : dưới ánh trăng, mọi vật đều yên vị cả. Thấy thế, tôi nhòms dậy, đưa đầu ra ngoài lều để nhìn xa. Lá cây đang kêu răng-rắc, một cơn giá lạnh đã làm nó rần-chắc lại và nứt-nẻ ra. Biết nguyên-do tiếng kêu rồi, chúng tôi hết sợ nhưng chúng tôi lại thấy lạnh hơn. Bồng Diệp-Lan choàng dậy.

Tôi hỏi :

– Gì thế ?

– Hoa mộc của tôi chết cồng mất!

Nàng bèn lấy chậu cây ủ trong áo choàng.

Không biết mấy giờ rồi ? Trời sáng hay hãy còn đêm? Trăng đã xế tà, không biết bao giờ mới lặn.

Một lát sau rét quá, chúng tôi ngồi sát vào nhau mà ai nấy đều run cầm-cập nói không ra lời. Chúng tôi không sao ngồi mãi ở đấy được nữa, đi cho ấm người và đỡ rét.

Chúng tôi gỡ chăn và đeo đồ-đặc lên lưng. Nhưng một việc khó-khăn hiện ra: Diệp-Lan ôm khư-khư chậu hoa ở ngực đi lâu có thể bại cánh tay. Tôi bàn với nàng nên bỏ chậu cây lại nhưng nàng giận và cho tôi không có từ-tâm, tôi không dám nói nữa. Chúng tôi lên đường trong đêm tối giữa cơn giá lạnh. Thực là mạo-hiểm. Nhưng tôi không dám bảo cho nàng biết. Nàng đi hăng-hái và thỉnh thoảng lại nói một vài câu vui cho quên vất-vả.

Một giờ sau, chúng tôi nghe thấy tiếng gà gáy. Ai nấy đều tươi tỉnh vì biết trời sắp sáng. Chúng tôi đã bớt rét.

Chúng tôi cùng nhau nhắc lại chuyện hoảng sợ đêm qua và hơi cãi nhau. Sau cùng, đồng ý rằng tôi bạo hơn nàng, nhưng nàng không xuẩn như tôi.

Sợ Bô-La sẽ theo đường thẳng đuổi chúng tôi, nên chúng tôi rẽ sang đường đi Sác-Tơ để về Ba-Lê. Tôi xem bản-đồ lối này cũng không xa hơn lối đi Ốc-Lê-Ăng mấy.

Chiều hôm đó, chúng tôi đi qua thành phố Sa-tô-Đông, ban ngày nóng thế mà chiều đến lại lạnh. Chúng tôi quyết sẽ tìm một hàng cơm để ngủ trọ, tuy tốn một số tiền lớn, còn hơn là để chết rét.

Diệp-Lan nói :

– Khi nào hết tiền, tôi sẽ vào hát trong các làng để kiếm.

Nàng nói cương-quyết như người lớn tin chắc vào công việc mình làm, tôi tin-tưởng và mừng trong lòng.

Nhưng hát để kiếm tiền không phải là việc dễ. Rồi đây chúng tôi sẽ biết.

Cách Sa-tô-Đông chừng 2 dặm, chúng tôi tìm vào một nhà trọ, người ta đòi 2 phật-lăng một đêm, mà chúng tôi còn phải khai tên tuổi và ở đâu đến. Tôi bịa luôn rằng chúng tôi đi Sác-Tơ để tìm trước chỗ diễn, mai một gánh xiếc sẽ tới sau.

Nói dối, Diệp-Lan và tôi đều không ưa, nhưng đó là một trường-hợp cần-thiết, nó cũng làm cho chúng tôi giảm nhân-cách một phần nào.

Từ Sa-tô-Đông đến Sác-Tơ đường xuyên qua những cánh đồng trơ gốc rạ. Xa xa thấy bóng một vài thôn-xã, hai bên đường tuyệt nhiên không có nhà cửa.

Chúng tôi đi mãi mới gặp một làng. Làng này trù-mật lắm gọi là làng Bôn-Văn. Tôi tưởng bỏ to, nào ngờ chỉ thu được có 3 xu, đó là tôi không kể những món quà do một ông đang cạo râu cầm cả một ca nước hắt vào đầu chúng tôi và một người hàng thịt thả chó đuổi chúng tôi và cắn rách gấu giuýp của Diệp-Lan. Vì thế nghề hát rong của chúng tôi không thể tiếp diễn được.

Diệp-Lan bảo tôi:

– Nếu anh có một con chó sói và tôi có một ống sáo thì chúng ta dễ kiếm tiền. Thực buồn cười cho người đời chỉ thích cho những kẻ nào có một vật gì thôi.

Diệp-Lan có một nét kiên-nhẫn lạ-lùng nàng không hề tức giận khi gặp những sự bất-trắc xảy ra.

May sao tối hôm đó chúng tôi không phải mất tiền trọ. Bà chủ trại cho chúng tôi ngủ nhờ trong chuồng cừu, hơi cừu sưởi ấm chúng tôi thành ra đêm đó là một đêm êm-đềm nhất trong cuộc lữ-hành của chúng tôi. Sáng hôm sau khi chúng tôi sắp đi thì bà chủ trại cũng lên xe ngựa để đi chợ tỉnh Sóc-Tơ. Thấy Diệp-Lan có vẻ yếu-đuối, bà ta thương tình gọi nàng lên xe nhưng nàng ái-ngại nhìn tôi và từ-chối. Bà chủ trại hiểu ngay rằng nàng không muốn được sung-sướng lấy một mình, nên cho cả hai chúng tôi lên xe.

Chúng tôi cứ như thế, khi ngủ trong trại, lúc ngủ trong lò gạch, khi vào nhà trọ, ngày nào cũng đi đến lúc mỗi chân thì nghỉ. Một buổi chiều kia, chúng tôi đến một xóm nọ chỉ còn cách Ba-Lê chừng ba dặm đường.

Thực là vừa vận. Trong túi chúng tôi chỉ con mười một xu. Giày của Diệp-Lan đã mòn rách, chân nàng đã sưng lên, mỗi khi bắt đầu đi thì lại đau nhức vô cùng. Chúng tôi mỗi mệt quá mỗi khi cất bàn chân lên thấy nặng-nề như đế giày đeo sắt.

Tuy vậy, Diệp-Lan không hề phàn-nàn, sáng nào nàng cũng chuẩn bị trước tiên để đi.

Mười một xu trong túi, chúng tôi không đủ để ngủ trọ, may sao khi đến Xã-Lai chúng tôi gặp một người thợ đẽo đá đi cùng đường và cho chúng tôi ngủ trong chuồng ngựa.

Diệp-Lan nói:

– Sáng mai ta phải đi sớm, vì ngày mai chính là sinh-nhật của má tôi, tôi muốn về cho kịp để đem chậu hoa mộc này mừng má tôi.

Ôi chậu hoa mộc trông thật tang-thương, cành lá xác-xơ, cánh hoa ử dột.

Tờ-mờ sáng, người chủ vào dắt ngựa thì chúng tôi cũng lên đường. Từ ngày chúng tôi khởi-hành cho đến bây giờ, đêm tuy lạnh, nhưng ngày tạnh ráo, thực là may mắn cho chúng tôi.

Nhưng khi ở chuồng ngựa bước ra tôi thấy hình như rét nhiều. Trên trời u-ám, không có một ngôi sao. Về phương đông đáng lẽ có những ánh hồng hiện ra như mọi hôm, chúng tôi chỉ trông thấy một đám mây xám-xám nặng-nề, lại thêm ngọn gió bắc dứt những lá khô và cuốn đi vèo vèo. Thỉnh thoảng những trận

lá khô lại đổ đến chắn trước mặt chúng tôi như ngăn đường không cho chúng tôi đi. Diệp-Lan phải khó-khăn mới giữ được cái áo choàng để che kín cho chậu cây.

Ngày đã bắt đầu, nhưng ánh sáng nhợt-nhạt âm-u.

Diệp-Lan lúc nào cũng tìm được câu an-ủi :

– Hôm nay mặt trời đình công, càng tốt, nó không vạch áo rách của chúng ta cho mọi người xem.

Tôi đáp :

– Cô cứ yên tâm. Trước khi ta đến Ba-Lê, trời sẽ “giặt” giúp quần-áo cho chúng ta.

Tôi tưởng thế nào trời cũng mưa. Nhưng lại là một trận tuyết. Trước hết, những hạt tuyết rơi phơ-phới như những con bướm nhỏ bay trong gió. Rồi những con bướm to dần và xuống thành đàn đông đặc. Gió bắc dồn những con bướm đó vào mặt chúng tôi làm chúng tôi tối tăm mặt mũi. Mưa tuyết mỗi lúc một mạnh.

Đi được một dặm, chúng tôi lại phải qua một khu rừng, trông trước trông sau, không có nhà cửa gì cả, chúng tôi đành phải tìm chỗ trú, không thể đi cố được nữa.

Chúng tôi chạy đến ngồi nép dưới chân bờ hào bên đường để tránh gió. Chúng tôi yên ổn được một lúc lâu. Bên kia bờ, gió thổi từng cơn, vét những hạt tuyết trên mặt đất cuốn đi như một đám mây trắng đánh vào sườn bờ và đọng lại thành đồng. Lâu dần đồng tuyết lên cao và gió đánh tràn qua mặt bờ sang sườn bên này rơi xuống đầu chúng tôi. Chúng tôi lấy chân ra che, bị gió đánh tung ra. Tuyết vào đầu, vào cổ chúng tôi rồi tan ra, ướt át và lạnh buốt.

Quần-áo chúng tôi lại rách nên tuyết dễ thấm vào. Diệp-Lan nhợt-nhạt và run cầm-cập. Nàng ngồi sát vào tôi cho ấm, nhưng tôi cũng lạnh hơn. Bụi tuyết vào cổ tôi biến thành nước làm ướt hết cả quần-áo và chảy xuống đầy cả hai chiếc giày, như người vừa ngâm ở dưới nước mới lên.

Suốt trong hai tiếng đồng-hồ, chúng tôi ở trong tình-trạng đó mà gió không ngớt. Tuyết hình như không phải ở trên trời xuống mà bay ngang như trăm ngàn mũi tên trắng, thỉnh-thoảng lại xoáy tròn và quật ngược vào chỗ chúng tôi.

Diệp-Lan cứ ôm khư-khư chậu hoa trong áo choàng, không chịu bỏ ra ngoài. Khi thấy tuyết lọt vào, đọng đầy trên mặt chậu, nàng định trao cho tôi.

Tôi nói :

– Làm thế nào được bây giờ?

– Anh cố giữ hộ cho tôi

Tôi bực quá vì nàng đã khổ vì chậu hoa. Tôi nhún vai lên và trở vào những ngón tay nàng tím bầm vì giữ chậu.

Nàng phát giận và nói:

– Sao anh không bảo trước để tôi vứt đi cho sớm ?

Chúng tôi ở trong một tình-trạng mà sự xô-xát dễ xảy ra. Chúng tôi nói nặng với nhau một vài câu – đó là những câu thứ nhất từ ngày đi với nhau – rồi hai người im-lặng cả, hai người đều quay ra nhìn tuyết xuống.

Tôi chợt thấy tay nàng cầm tay tôi, nàng buồn-rầu nói :

– Thế tôi vứt đi nhé? Anh có bằng lòng không ?

Tôi nói :

– Cô xem cây đã chết rồi, lá ủ-rũ cả.

Nàng không trả lời tôi nhưng mắt long-lanh lệ.

Nàng nói một mình :

– Má ơi! con sẽ chẳng có gì đem về cho má.

Tôi liền cầm lấy chậu hoa và bảo nàng:

– Chúng ta giữ lại vậy.

Tuyết vẫn xuống, nhưng gió yếu dần rồi lặng hẳn. Lúc đó tuyết xuống từng mớ dày, không mấy lúc thành một lớp thảm trắng tinh ngập tới đầu gối chúng tôi, tưởng chừng như tuyết muốn bọc kín chúng tôi vào trong một tấm thảm giá-lạnh.

Tuyết cứ xuống tới-tấp như thế trong hơn một tiếng đồng-hồ.

Cành cây tuyết bám chũu xuống. Chiếc chăn trùm trên đầu chúng tôi mỗi lúc thấy nặng thêm như có năm bảy kí-lô đè lên. Chúng tôi đứng ngay như người gỗ, không nói năng gì vì thân-thể và tinh-thần như bị tê-liệt.

Sau cùng, tuyết xuống thưa dần rồi tạnh hẳn. Trời tối đen như mực. Đất trắng rọi sáng lên trời.

Diệp-Lan nói :

– Chúng ta đi đi.

Chúng tôi lên đường, lội bì-bõm trong tuyết sâu đến đùi. Ra khỏi rừng, trên đường tuyết-nhiên không có một cái xe, trong đồng không có bóng một người làm ruộng. Sinh-vật duy-nhất trong bãi sa-mạc này là những con ác-là. Chúng đậu trên cành cây, khi chúng tôi đi qua, buông những tiếng lú-lo như chế-riều chúng tôi.

Sau khi đi qua làng kia, chúng tôi lên một cái dốc. Đứng ở đây chúng tôi nhìn thấy một đám mây khói đang lửng-lơ trôi trên một thành-phố bao-la nằm giữa hai trái đồi trắng-trắng. Một âm-thanh ỳ-ầm hỗn-loạn và những tiếng rì-rào như tiếng sóng triều đưa đến tai chúng tôi.

Diệp-Lan nói :

– Đây là Ba-Lê.

Chúng tôi thấy đỡ hằn rét và mệt. Xa xa, trên đường cái, nhiều xe cộ đi về phía Ba-Lê.

Nhưng chúng tôi chưa tới Thủ-đô. Khi chúng tôi xuống dốc và đi trong đồng thì cái đích mà chúng tôi đang nhắm bỗng biến mất trước mặt chúng tôi. Cái mờ, cái mệt ở đâu lại đến. Chúng tôi vấp luôn và không tiến được tí nào. Quần-áo ướt bốc hơi trên mình chúng tôi.

Tuyết trên đường không trắng nữa, càng đi càng thấy đen dần như bùn. Những xe cộ ngược xuôi liên-tiếp nhau thành những dòng dài vô tận. Nhà cửa kế tiếp nhà cửa và trong đồng, đây đó có những bánh xe lớn và đen đang quay trong những đồng đá xanh. Mặc dầu phấn- khởi, Diệp-Lan phải đứng lại nghỉ chân, vì mồ-hôi chảy ròng xuống trán và chân đi khắp-khiếng. Tôi liền gạt những tuyết trên cái ghế dài ở một cửa nhà kia cho nàng ngồi. Nàng bảo tôi hỏi một người đánh xe sắp qua chỗ chúng tôi :

– Anh hỏi xem đã sắp đến nơi chưa.

Tôi hỏi, người đánh xe lại hỏi chúng tôi :

– Các em đi đâu ?

Tôi đáp :

– Về chợ Ba-Lê.

– Thế thì còn phải đi một giờ rưỡi nữa mà đi khỏe mới tới.

Nghe câu đáp, nàng kêu lên :

– Tôi không thể đi được nữa.

Da nàng xanh nhợt, mắt nàng lơ-đờ, ngực thở ì-ạch.

Tôi kéo nàng dậy, nàng cứ muốn ngồi lỳ trên ghế. Tôi liền nói chuyện về mẹ nàng. Nàng lại tỉnh-táo ngay. Bây giờ sắp đến nơi, chúng tôi không cần hành-lý nữa, đem theo cho thêm nặng, tôi bỏ lại cả trên ghế.

Tôi bảo nàng vịn vào tôi. Chúng tôi lại tiếp tục đi.

Nàng nói :

– Rồi anh xem, má tôi sẽ mừng rỡ hôn anh, cho chúng ta ăn bánh, ăn kẹo. Tôi sẽ nằm dài tám ngày không dậy.

Khi về tới cổng thành Ba-Lê, tôi hỏi đường về chợ. Người ta bảo đi thẳng về phía bờ sông. Phố xá ở Ba-Lê sao mà bẩn và trơn hơn đường cái nhiều. Nhiều người đứng lại nhìn chúng tôi đi qua.

Trong đám người đông-đúc và đám xe rộn-rã, chúng tôi củ-rủ, lấm-láp, ngơ-ngác, rõ vẻ đôi chim xiêu-bạt. Lòng hy-vọng tiếp sức cho Diệp-Lan, chúng tôi bước nhanh hơn trước.

Đến bờ sông Sen, người ta chỉ cho chúng tôi đến cầu mới, chúng tôi đi thẳng đường thì thấy ngay nhà Thờ Thánh An-Tập.

Khi nàng nhìn thấy mặt đồng-hồ thiếp vàng, tôi thấy thân nàng run lên bên cạnh tôi.

Nàng nói:

– Đồng-hồ ! Đồng-hồ kia !

Nhưng đó chỉ là một tia mừng chớp nhoáng.

Đồng-hồ có đầy nhưng nhà chẳng thấy đâu. Chúng tôi đi vòng quanh nhà Thờ.

Nàng nói:

– Chúng ta nhầm rồi. Không phải nhà Thờ An-Tập.

Tôi lại hỏi vài người nữa thì chính đây là nhà Thờ An-Tập.

Mắt nàng đờ ra, lưỡi lúu lại không nói được nữa.

Tôi bảo :

– Chúng ta thử tìm những phố đâm thẳng về phía đồng-hồ.

Nàng để tôi kéo đi, không còn cái hăng-hái lúc đầu.

Nàng nhìn lại, không quen một phố nào.

Trước mặt nhà Thờ, có một bãi đất, ở đó nhà cửa bị phá hủy đã lâu và thợ-thuyền đang làm việc.

Nàng khóc òa lên và nói :

– Chính ở đây. Chính chỗ này.

– Chúng ta hỏi xem.

– Hỏi cái gì? Tên phố tôi không biết, tên má tôi, tôi cũng không hay. Tôi chỉ nhớ nhà má tôi, nếu trông thấy tôi nhận được ngay. Những người lớn hơn chúng tôi, mạnh hơn chúng tôi đứng trước cơ-sự này cùng khó lòng mà chịu-đựng được. Trải bao nhiêu lao-khổ, bao nhiêu thử-thách, ấp-ủ một mối hy-vọng không sờn, bây giờ uổng cả. Chúng tôi tựa lưng vào nhà Thờ, hai người nhìn lẫn nhau, tiêu-tụy rách rưới. Chỗ này đông người qua lại, họ xô vai thích cánh vào chúng tôi. Vài người đứng lại tò-mò nhìn hai đứa Mọi đói khát, sơn xác ở đầu mới về.

Cảnh của tôi không đến nỗi tuyệt vọng như Diệp-Lan, sức của tôi chưa kiệt quệ, nên tôi tỉnh trí được trước tiên. Tôi cầm cánh tay dắt nàng vào trong quán chợ cho khỏi rét. Ở đây rau cỏ bày ngổn-ngang. Trong góc có mấy cái bao tải vút đó, tôi bảo nàng ngồi lên. Nàng mặc tôi sai khiến như một người ngây dại. Tôi chẳng biết nói gì, tôi đứng nhìn nàng. Mặt nàng xanh xám hằn đi, môi không còn một hột máu. Nàng run từ đầu xuống chân. Tôi hỏi :

– Cô đau ?

Nước mắt trào ra trên má nàng. Nàng thốn-thức :

– Má ơi! Má ở đâu ?

Chung quanh chúng tôi, kẻ bán người mua rộn-rịp, ồn-ào.

Chúng tôi không tránh thoát những con mắt tò-mò. Người ta vây lấy chúng tôi để xem hai đứa trẻ khốn-nạn, xanh-xao, ủ-rũ, một đứa lại nức-nở khóc hoài.

Một bà to lớn hỏi:

– Chúng mày làm gì thế ?

– Chúng tôi nghỉ chân.

– Đây không phải là chỗ nghỉ.

Tôi không nói gì, cầm tay Diệp-Lan kéo lên để đi ra : đi đâu ? Tôi cũng không biết. Nhưng nàng lão đảo và rũ xuống. Bà đó thấy vậy thương hại bảo tôi :

– Mày không thấy nó chết lả à ? Còn lòi nó thế ?

Rồi bà ta hỏi tôi. Tôi kể lại: chúng tôi ở xa đến đây để tìm má Diệp-Lan, nhưng không thấy nhà vì phố đó đã bị phá bỏ rồi!

Nghe xong bà ta kêu :

– Câu chuyện kỳ quá!

Rồi gọi bạn bè đến xem.

Nghe hết chuyện, một bà hỏi tôi :

– Thế mà không biết tên bà ta và tên phố à ?

Xong quay ra hỏi mọi người :

– Các bà ở đây có ai biết một người đàn bà bán hàng xén ở trong một phố trước cửa nhà Thờ mới bị phá đi không ?

Mọi người, đều xôn-xao hỏi nhau. Rốt-cục không ai biết cả. Tám năm qua rồi, làm sao mà tìm được dấu cũ. Phố bị phá bỏ đã lâu rồi. Hàng xén, có hàng trăm nhà, biết ai là mẹ Diệp-Lan ? Biết bà ta ở nhà nào ? Bây giờ tìm đâu cho ra ? Thực là vu-vơ quá.

Nghe người ta bàn-tán vậy, Diệp-Lan lại càng tái lợt và run hơn trước.

Một bà khác nói:

– Con bé này rét cóng ! Vào đây ngồi cạnh lòng ấp cho đỡ rét.

Bà ta đưa chúng tôi vào trong cửa hàng của bà. Có hai ba bà nữa theo sau chúng tôi, còn các bà khác giải-tán cả.

Không những bà kia cho chúng tôi sưởi lòng ấp, bà còn cho mỗi chúng tôi một chén cháo nữa. Khi chúng tôi đã tỉnh-táo, bà đưa vào tay cho tôi 20 xu.

Số tiền đó đối với bà là nhiều đấy, nhưng so với tình-trạng chúng tôi thì chẳng là bao. Đi đâu ? Làm gì bây giờ ? Nếu chỉ có mình tôi thì tôi chỉ có việc đi thẳng đến Hao-Cảng thôi. Nhưng còn Diệp-Lan ! Nàng sẽ về đâu ? Lòng nàng cũng nghĩ thế, nên khi ra đến đầu đường nàng hỏi:

– Chúng ta đi đâu bây giờ?

Nhà Thờ sừng-sững trước mặt chúng tôi.

Tuyết, lại bắt đầu bay phơ-phới, gió đưa lạnh-ngắt. Phố-xá vắng người qua lại.

Tôi trở sang cửa nhà Thờ và nói:

– Sang bên kia.

Chúng tôi vào nhà Thờ. Bầu không-khí ẩm-áp sưởi lòng chúng tôi đỡ đau buốt. Thánh-đường im-lặng như tờ. Vài người còn sót lại đang quỳ trước bàn thờ. Chúng tôi lách sang bàn thờ bên cạnh. Diệp-Lan lăm-bắm :

– Lạy Thượng-Đế! Thượng-Đế!

Tôi nói nhỏ :

– Cô nghe tôi: cô không tìm thấy má cô, bây giờ cô hãy tìm về với má tôi vậy.

– Về Thiên-Cảng ?

– Phải. Tất cô không muốn trở lại với Bô-La nữa chứ ? Cô đã ngán nghề xiếc lắm rồi. Vậy thì cô nên về ở với má tôi. Cô sẽ làm việc với má tôi. Má tôi sẽ dạy cô đan mũ. Một ngày kia, tôi đi biển trở về, tôi sẽ tìm thấy cả hai người thân yêu. Cô sẽ thấy má tôi yêu cô. Rồi, nếu cô ở với má tôi, tôi sẽ yên tâm hơn, má tôi không buồn nữa. Khi nào má tôi ốm, cô sẽ săn-sóc cho má tôi.

Diệp-Lan là một người chân-thật. Nàng nhận lời tôi bằng một nét mừng hiện trên mặt, thành-thực hơn tất cả những lời nói, tỏ ra nàng đã lo lắng cho số phận bơ-vơ của nàng biết bao nhiêu.

Nàng chỉ ngại một nỗi :

– Nhỡ má anh không thuận thì sao ?

– Sao lại không ?

– Vì tôi là con gái phường xiếc.

– Thì tôi cũng thế.

Nàng buồn rầu đáp :

– Nhưng trường hợp của anh khác nhiều.

Tìm được lối thoát rồi, nhưng cũng chưa ổn, vì còn phải làm thế nào để đến nơi được. Tương-lai đã sắp đặt rồi, còn hiện-tại phải giải-quyết thế nào ?

Tôi không rõ đường từ Ba-Lê về Thiên-Cảng phải đi mất bao nhiêu ngày, nhưng tôi biết là xa lắm.

Khi vớt bỏ đồ đạc tại trên ghế làng kia, như chiếc tàu ngộ nạn quăng bót hàng-hóa đi cho khỏi đắm, tôi không quên giữ lại tám bản đồ đường sá. Tôi rút trong túi ra, trải trên mặt một chiếc ghế dựa tìm đường đi: muốn ra khỏi Ba-Lê phải đi men bờ sông Sen. Đó là điều cần biết ngay tức khắc, còn đường về Thiên-Cảng, tôi sẽ liệu sau.

Nhưng tôi không khỏi băn-khoăn khi nghĩ đến chân không có giày, quần-áo không đủ che thân, Diệp-Lan mỗi ngày một yếu thêm mà trời thì giá-lạnh nhất là về ban đêm.

Tôi hỏi Diệp-Lan :

– Cô có thể đi được chứ ?

– Tôi không biết, khi đi đến đây, lòng mong nhớ mẹ làm cho tôi hăng-hái. Còn về Thiên-Cảng thì tôi nản lắm vì tôi không biết má anh.

– Chúng mày làm gì ở đây ?

Có tiếng quát ở sau lưng chúng tôi, vì tấm bản đồ mở trên mặt ghế không phải là quyển kinh.

– Ra ngay đi!

Chúng tôi phải tuân lời người gác và ra ngay.

Lúc đó tuyết không xuống nữa, nhưng gió thổi nhiều, rét buốt đến tận xương.

Đi chưa đầy 10 phút, Diệp-Lan dừng lại, nàng nói:

– Tôi không đi được nữa, người choáng-váng và khó thở.

Nàng sà xuống ngồi trên một cái dốc đá. Nghỉ mười phút, nàng lại đứng dậy đi.

Đến sông Sen, chúng tôi rẽ sang bên trái, bến tàu dài tít tắp, tuyết rải trắng xóa, làm cho màu nước sông đen ngòm.

Khách bộ-hành ủ kín trong áo măng-tô, bước rảo cặng. Mấy đứa trẻ con chơi trượt tuyết trên hè vắng. Diệp-Lan hỏi tôi:

– Đi còn xa không ?

– Đâu ?

– Đến chỗ trú.

– Tôi cũng chưa biết. Ta cứ đi.

– Anh Do-Mạnh ơi! Tôi không đi được nữa, anh ạ. Anh hãy để tôi chết ở đây. Đưa tôi vào góc kia.

Tôi liền khoác cánh tay cố dìu nàng đi. Tôi mong sao chóng ra khỏi Ba-Lê đến cánh đồng, thế nào cũng tìm được một lò gạch, một cái lều hoang hay một quán trọ chứ ở trong những phố đầy người, ai cũng hối-hả về công-việc, lại có những Cảnh-binh nhìn chúng tôi bằng đôi mắt nghiêm-khắc, ngờ-vực, thì còn trông đợi được gì.

Chúng tôi lách-thếch đi trong mười lăm phút nữa, nhưng không tiến được mấy, nghĩa là tuy chúng tôi có vượt qua đám nhà ở nhưng lại đến một phố, bên này là bức thành cao, bên kia là bức tường dài vô tận, trên có những cây tuyết phủ và những chòi lính canh. Diệp-Lan không lê chân được, tôi phải ẵm nàng đi

mặc dầu tôi vừa mỗi một vừa lo lắng, mồ hôi chảy ròng-ròng trên trán. Tôi thấy nàng kiệt-lực lắm rồi, có lẽ ốm nặng. Chúng tôi sẽ trở nên thế nào ?

Chợt nàng buông tay ra; tụt xuống hè. Tôi vội đỡ lấy nàng thì nàng nằm vật trên tuyết.

Nàng nói trong hơi thở :

– Tôi chết mất.

Tôi ngồi bên cạnh; đỡ-dành và khuyên nàng đứng dậy đi chút nữa. Nhưng nàng trơ như một vật vô-tri, không nói gì và cũng không nghe thấy gì, chỉ có hai bàn tay nàng là còn sống và nóng như hai hòn than.

Vài phút sau, tôi đâm sợ. Không một người nào qua lại. Tôi đứng dậy nhìn xa . Hai bên chỉ có hai dãy tường đá giữa là một dải tuyết dài vô tận. Tôi giục nàng, nàng không đáp. Tôi vực nàng dậy và ẵm đi, nàng mặc kệ. Đi được một quãng tôi không sao bước được nữa. Tôi phải nghỉ. Nàng tụt xuống đất. Tôi ngồi xuống cạnh nàng. Nguy to ! Nàng sẽ chết ở đây chẳng ! Trong lúc mê hoảng, chắc nàng sức nhớ đến cảnh-trạng của chúng tôi, nên nàng ngả vào mình tôi đặt đôi môi lạnh trên má tôi. Nước mắt tôi ở đâu tràn ra và lòng tôi se lại.

Tôi vẫn hy-vọng nàng sẽ hồi sức lại và chúng tôi sẽ tiếp tục đi được, nhưng nàng không cử-động nữa, mắt nhắm nghiền, nếu thân nàng thỉnh-thoảng không run run, tôi đã tưởng nàng chết rồi.

Hai ba người khách qua đường thấy chúng tôi ngồi bệt trên tuyết đứng dừng lại, lưỡng-lự rồi lại đi.

Không thể chần-chừ được nữa, tôi phải định-liệu một bề : bây giờ hãy gặp người nào qua đây là tôi cầu cứu. Nghĩ xong thì một ông cảnh-sát lù-lù đến. Tôi chưa kịp cầu cứu thì ông ta đã hỏi tôi ngay:

– Tại sao lại ngồi cả đây ?

Tôi đáp:

– Em tôi ốm quá không thể đi được nữa.

Rồi ông ta hỏi hết câu này đến câu khác. Tôi phải kể lại – một chuyện mà tôi đã sắp đặt sẵn – rằng chúng tôi định về thăm cha

mẹ chúng tôi ở mãi tận Thiên-Cảng gần bờ biển, xa lắm, chúng tôi đã đi bộ được mười hôm rồi.

Nghe xong, ông ta tròn xoe mắt nhìn tôi. Rồi nói:

– Nếu cứ ở đây, con bé kia sẽ chết rét. Hãy theo ta về bớt.

Diệp-Lan mệt quá không sao đứng lên được. Ông cảnh sát ra lệnh, nài nỉ cứ lả người ra.

Ông ta liền xốc nài lên hai cánh tay và bảo tôi đi theo.

Đi được năm phút, ông ta gặp một bạn đồng nghiệp, ông liền kể lại chuyện chúng tôi và trao Diệp-Lan cho ông bạn.

Một lát sau, chúng tôi đến trước một ngôi nhà lớn, bên ngoài treo một chiếc đèn lồng kính đỏ. Trong phòng có mười người cảnh sát đang quây quần chung quanh lò sưởi đỏ hồng.

Ông Cảnh-sát-trưởng hỏi, Diệp-Lan không nói được nên tôi phải trả lời nghĩa là tôi lại lặp lại câu chuyện mà tôi đã nói bên trên.

Một người cảnh sát nhìn Diệp-Lan nói:

– Tôi trông nó chết rồi hay sao ?

Ông Cảnh-sát-trưởng nói :

– Chưa. May ra còn cứu được. Đưa ngay nó về sở chính.

Rồi ông quay ra hỏi tôi :

– Còn mày, mày làm gì bây giờ ? Mày có đủ phương-tiện để sinh sống không ?

Không hiểu ông nói gì, tôi giương mắt nhìn.

Ông hỏi lại :

– Mày có tiền không ?

– Thưa ông, tôi có 20 xu.

– Vậy thì mày đi ngay đi. Đừng có lẩn-vờn ở phố. Tao bắt được sẽ cho vào nhà giam.

Người ta đặt Diệp-Lan lên cáng, đắp cho nài cái chăn rồi buông màn cáng xuống. Hai người phu khiêng đi.

Tôi như điên như dại. Không biết số phận nài sẽ ra sao? Lại lo người ta bắt tôi nếu gặp tôi trong phố. Tuy nhiên tôi cứ theo sau và họ cũng để cho tôi đi.

Chúng tôi đi khá lâu qua sông Sen đến một công-trường, trong có một ngôi nhà Thờ lớn. Người ta cho cả tôi vào. Một ông vận

áo đen vén màn căng lên : mặt Diệp-Lan đỏ như bông hoa mào gà

Ông ta hỏi ngọt ngào. Tôi tiến lại trả lời thay Diệp-Lan và kể lại là lần thứ ba câu chuyện mà tôi đã sắp đặt.

Ông ta nói :

– Cảm hàn... kiệt lực, có lẽ sưng phổi. Đưa ngay đến phúc-đường Chúa-Cứu-Thế.

Ông ta viết vài chữ vào giấy rồi chúng tôi lại đi. Đường đầy tuyết, phu khiêng rất khó-nhọc. Nhân lúc họ nghỉ, tôi đến bên màn căng hỏi han Diệp-Lan, có lúc nàng nói nhỏ nhẹ, có lúc nàng không trả lời.

Lần đi này xa hơn lần trước. Đường sá vắng người. Trời bắt đầu tối. Sau cùng chúng tôi đến một ngôi nhà sơn xanh. Người ta đưa Diệp-Lan vào trong một căn phòng tối : một người vận áo lu trắng chạy đến đón bệnh-nhân.

Trong lúc gần đất xa trời, có lẽ Diệp-Lan cũng hiểu như tôi, rằng lúc này là lúc phân-Iy, nên nàng sẽ vén màn nhìn tôi bằng đôi mắt bừng sáng lên, nàng nói:

– Anh bỏ em sao ?

Lòng tôi lúc đó đang nghĩ đến nàng, nghĩ đến nỗi cô-đơn của nàng, nên tôi nói, giọng cả quyết:

– Không.

Nàng chỉ kịp cảm ơn tôi bằng cái nhìn chan-chứa tình lưu-luyến, thì người ta đã khiêng phất nàng vào nhà trong.

Tôi đứng ngây như tượng, không động-đậy. Người gác cổng lấy tay đập vào vai tôi và bảo tôi ra.

Tôi hỏi :

– Tôi không được thăm em tôi nữa à ?

– Có. Chủ-nhật và thứ năm.

Rồi cánh cửa đóng sầm lại sau gót chân tôi.

Đêm xuống. Một vài nhà đã thắp đèn. Vấn-đề đầu tiên hiện ra trong óc tôi là đêm nay ngủ ở đâu. Còn vấn-đề làm thế nào sống được ở Ba-Lê cho đến khi Diệp-Lan khỏi bệnh tôi để đến mai hãy tính đến. Cái nguy khổ hiện thời làm cho tôi không quan-tâm đến các việc của ngày mai.

Mặc dầu óc tôi chỉ nghĩ có một việc đó mà tôi không sao giải quyết được. Tôi có biết đâu ở ngay lòng thủ-đô này có những kẻ cũng khốn cùng như tôi, cũng bơ-vơ như tôi mà họ có thể tìm được chốn ngủ có khi cả cái ăn nữa. Sinh-trưởng nơi đồng ruộng, tôi chỉ biết những phương-tiện của người nhà quê là tìm sao được một chuồng ngựa, một vựa để thóc hay một đồng rơm. Nhưng ở trong phố tôi đang đi tìm đâu ra các thứ đó ? Toàn những nhà, những tường và những nhà !

Khi ở nhà Phúc-đường ra, tôi đi về tay trái đến góc đường, tôi rẽ sang một đại-lộ hai bên trồng cây cao vút. Tên đề trên biển là “Phố Xe-Vơ”. Con đường này đi đâu? Tôi không biết. Cần chi ! Tôi đi không có đích thì đến phố này hay phố khác cũng thế. Tôi bắt đầu đi thông-thả vì thấy mệt. Chân tôi không cố giày, giẫm tuyết từ sáng sớm, bây giờ cồng đơ ra như hai bàn chân gỗ. Trên hè, trẻ con đang chơi trượt tuyết. Tôi thần-thờ đứng lại xem. Trong đám trẻ đang chơi đùa, tôi ngạc-nhiên thấy một mặt quen : đó là một đứa trẻ giúp việc cho gánh hát Vi-Nhan cầm lều ở bên cạnh lều Bô-La, chủ cũ tôi. Tên hắt là Bíp. Chúng tôi quen nhau và vẫn nô-đùa với nhau.

Vì chỉ có một mình tôi đứng xem, nên hắt nhận ngay ra tôi và chạy lại hỏi :

– Kia! Anh đến Ba-Lê làm gì? Có đem sư-tử về không? Mai tôi sẽ lại thăm Diệp-Lan.

Tôi bảo hắt là tôi đã thôi ở với Bô-La rồi. Tôi mới đến Ba-Lê hồi sáng này hiện đang bối-rối về việc tìm chỗ ngủ. Tôi không đả-động gì đến Diệp-Lan. Cuối cùng tôi hỏi hắt làm bây giờ có cần người thì giới-thiệu giúp tôi vào làm.

Hắt đáp :

– Dễ lắm, miễn anh là một “xảo thủ”. Anh có thể là một “xảo thủ” chứ ?

Tôi chẳng hiểu “xảo thủ” là gì nhưng vì muốn có một chỗ ngủ nên trả lời đại là tôi có đủ đức-tính đó.

– Thế thì hay lắm.

– Chủ là ai thế?

– Ngây thơ quá, chú mán rừng của tôi ơi! Tôi là chủ chứ còn ai nữa ? Nếu anh “nhập phường” của tôi, tôi sẽ dạy anh cách “làm

ăn”.

Tôi không hiểu những danh từ mới lạ đó, cho là tiếng nói của người Ba-Lê, không lộ ra vẻ bỡ-ngỡ. Tuy nhiên tôi lấy làm lạ: một đứa trẻ không đầy 11 tuổi, choắt như con chuột mà lại là chủ một phường trò rong.

Bíp thấy tôi co-ro liền hỏi:

– Anh rét à? Ta vào đây “khu phong” một tí.

Nói xong Bíp đưa tôi vào quán rượu và mời tôi một cốc rượu vang nóng.

– Bây giờ ấm lòng rồi, ta đi về ăn cơm.

Đáng lẽ đi về phía tay phải để vào giữa thành-phố, Bíp dắt tôi đi về phía tay trái. Chúng tôi đi qua những phố vắng, nhà cửa lụp-xụp tối-tàn.

Bíp thấy tôi có vẻ thắc-mắc, liền cười lớn và bảo:

– Anh tưởng tôi sẽ mời anh về một tòa lầu-đài chăng?

Thực vậy, không phải Bíp đưa tôi về khu dinh-thự mà dẫn tôi ra cánh đồng. Đêm xuống đã lâu nhưng trời không tối lắm. Chúng tôi bỏ đường cái, theo con đường ngoằn-ngoèo vào sâu trong cánh đồng. Đến cạnh một hầm đá, Bíp đứng lại, bảo tôi:

– Chỗ ở của tôi đây. Anh đưa tay tôi dắt, bước cẩn thận kẻo ngã.

Chúng tôi xuống một cái hầm đá, đi quanh co giữa những vách đá, vào một đường hầm khá sâu. Bíp đánh diêm soi lối đi, tôi bồn-chồn kinh-ngạc. Bíp nói:

– Chút xíu nữa đến nơi.

Mấy phút sau, quả-nhiên tôi trông thấy ánh lửa đỏ trong một cái hang: đó là đồng than củi cháy hồng.

Bên cạnh có một đứa trẻ trạc tuổi Bíp đang nằm dài.

Bíp hỏi :

– Chưa ai về à ?

– Chưa.

– Tốt lắm. Đây là một anh bạn. Mày tìm cho anh ấy đôi giày, mau lên !

Đứa trẻ chạy đi, lát sau trở lại với một thúng giày đủ hạng. Tôi tưởng chừng như đứng trước một hiệu bán giày.

Bíp nói:

– Chọn đi. Và nếu anh quen đi bít-tát, đừng ngại phiền, cứ hỏi sẽ có ngay.

Tả làm sao được nổi êm-dịu trong người tôi khi đôi chân đau và lạnh cóng của tôi được bao kín trong những chiếc bít-tát len và những đôi giày mới.

Tôi mang giày xong thì có hai đứa trẻ khác về, rồi đứa thứ ba, rồi đứa thứ tư, rồi ba đứa nữa. Tất cả là chín. Bíp giới-thiệu tôi với lũ trẻ.

– Đây là một anh bạn mà tôi quen biết từ ngày ở gánh Vi-Nhan. Anh là một tay “tài ba” đấy. Còn các bạn, các bạn đã làm được những việc gì ?

Mỗi trẻ liền móc túi vải bày ra chung quanh đồng lửa. Đứa thì đem về một cái giấm-bông, đứa thì hai chai rượu, đứa đưa ra một bình đựng sữa nhỏ xíu. Cả toán đều cười lên, chế-nhạo.

Bíp nói :

– Tốt lắm, nó sẽ uống phần sữa đó.

Xong Bíp ra hiệu cho mọi người ngồi chung quanh đồng lửa, ngồi bên trên đất không có ghế, lót gì cả.

Tôi hân hạnh được Bíp mời ăn súp đầu tiên. Tôi phải thú thật rằng tôi chưa từng bao giờ được dự một bữa ăn thịnh-soạn đến thế, kể cả khi ở nhà mẹ tôi và khi ở nhà ông Biên-Gia nữa. Sau món giấm-bông đến món thịt gà. Sau món thịt gà đến món ba-tê gan. Tôi đói quá cầm đầu ăn, nuốt nhanh như hổ. Mọi đứa trẻ đều đưa mắt nhìn nhau. Thấy thế, Bíp nói lên tất cả những cảm-tưởng của bọn trẻ :

– Thật là hân-hữu. Rất hân-hạnh được anh bạn chiếu-cổ một cách thật-thà và nồng-hậu.

Ăn xong, tôi thấy người mỏi và nặng nề vì hơi lửa nóng và nhất là vì dạ-dày căng.

Bíp thấy mắt tôi híp lại, liền hỏi :

– Anh buồn ngủ à ? Cứ tự nhiên, đừng ngại. Tôi rất tiếc không có giường cao đệm ấm, nhưng cũng có chỗ nằm tạm cho anh.

Rồi Bíp mời tôi:

– Uống một ly rượu ngọt rồi hãy ngủ.

Tôi từ chối. Mọi đứa trẻ đều ngạc-nhiên. Cho tôi là một thằng ngốc.

Tôi hỏi Bíp :

– Ngủ chỗ nào?

– Anh theo tôi.

Bíp châm một ngọn đèn và đưa tôi sang một cái hầm ngang gần đó. Mặt đất có một cái ổ rơm dày trên vút hai ba cái chần len.

Bíp bảo tôi:

– Ngủ kỹ đi, mai ta sẽ nói chuyện.

Rồi anh cầm đèn ra.

Tôi không yên tâm vì không biết cái hầm này đi sâu đến đâu và rất thắc-mắc về những người bạn mới của tôi, về những cái túi đựng giam-bông, rượu và bình sữa. Tất cả cái đó coi không được minh-bạch lắm. Nhưng cái mệt nặng hơn cái buồn, nên vừa đặt lưng xuống ổ tôi đã díu mắt lại. Bíp đã nói “ Mai ta sẽ nói chuyện”. Thế thì đến ngày mai sẽ hay. Bây giờ bụng no, chần ấm, ngày hôm nay đã quá cực-khổ rồi, tôi không muốn kéo dài ra nữa ; tôi ngủ liền mặc những tiếng cười nói và uống rượu ồn-ào bên cạnh tôi.

Sáng hôm sau, Bíp gọi tôi, nếu không có lẽ tôi ngủ đến 24 tiếng đồng-hồ.

Anh nói:.

– Đồ “tế-nhuyễn” đây, anh mặc vào.

Bíp để trên ổ một cuộn quần-áo mới toàn bằng len dày và mềm. Tôi liền bỏ quần-áo ra và vận bộ mới vào.

Bíp gọi tôi:

– Anh ơi! Ban nãy trong khi tôi rửa mặt tôi nghĩ đến anh và tìm được kế này. Nhưng phải tỉnh-ranh mới được. Không biết anh có làm được không ?

– May ra được.

– Được hay không có thể biết ngay. Nếu anh không tập việc mà hành nghề ngay như chúng tôi, sợ có tai-họa. Muốn phòng ngừa, tôi hãy cho anh đi với một bạn giỏi nhất của tôi, và anh sẽ đóng vai “chuột con” [1] cho quen.

Mặc dầu sợ mất danh-giá, không muốn tỏ ra là kẻ quê mùa không thạo ngôn-ngữ Ba-Lê, tôi không thể lặng im mà bỏ qua không hỏi danh-từ “chuột con” là gì vì tôi sẽ đóng vai đó, tôi phải hiểu nghĩa là gì.

Thấy tôi nhìn anh, Bíp hỏi :

– Vận quần-áo xong chưa ?

– Xong rồi.

– Bây giờ lo điểm-tâm đã, rồi tôi sẽ đưa anh đến nhà bạn tôi.

Tôi theo Bíp ra, đóng lửa đã tắt. Chung quanh dọn sạch không còn vết tích gì tỏ ra đã ăn uống ở đây đêm qua. Đường hầm sáng dần vì chúng tôi ra gần tới cửa. Tôi nhìn thấy hai cái cột lớn đỡ vòm trần và đây đó có những đồng đá vụn.

Bíp với tay vào một hốc đá lấy ra một chai rượu, một ổ bánh mì và một khúc giăm-bông.

Anh nói :

– Ta điểm-tâm đã rồi hãy đi. Trưa nay ta sẽ ăn cơm nhà anh bạn mà chúng ta sắp đến.

Tôi cố thu hết can-đảm và hỏi :

– Anh đừng cười tôi nhé ! Anh biết tôi không phải là dân Ba-Lê. Anh cắt nghĩa cho tôi nghe thế nào là “chuột con”.

Anh liền cười ngoặt-ngoẹo và nói:

– Xứ anh là Mán cả à ? “Chuột con” là một gã nhanh-choai, nói cho dễ hiểu, là một đứa trẻ như anh và tôi, không bị-thịt và nhanh-nhẹn. Có lẽ anh chưa biết các chủ hiệu thường đóng cửa hàng thế nào để vào trong nhà ăn cơm ?

Mặc dầu không hiểu trong câu chuyện anh vừa nói, hai ý chẳng liên-hệ gì với nhau, tôi trả lời rằng :

– Tôi không biết họ đóng cửa thế nào.

Bíp đưa cho tôi chai rượu anh uống dở và nói :

– Bằng một bức ngăn thấp. Cánh ngăn đó có dây lò-so nối vào một cái chuông con. Ai vào phải đẩy cửa, cửa mở làm chuông kêu. Chủ nhà đang ăn uống ở ngăn sau cửa hàng hay trong bếp biết ngay có người vào. Bây giờ anh đoán thử xem “chuột con” có công-dụng gì ?

– Chịu, không biết. Hay là nó dùng để thay thế cho cái chuông ? Anh bật cười phát ho lên và tạt vào má tôi một cái. Hết cơn cười, anh nói :

– Anh còn ngây-thơ thế nữa anh làm tôi chết cười mất. Đáng lẽ thay thế cho quả chuông thì chuột con phải giữ cho chuông khỏi kêu. Muốn thế, người ta nhấc con chuột qua cửa vào. Nó

liền im lặng bỏ vào ngăn kéo, chộp hộp tiền, trao nhanh cho người bạn đứng ngoài và người này lại cầm tay nó nhấc bổng ra ngoài. Coi đó, chủ nhân mất của mà không biết. Anh có làm được không ?

Tôi đỏ mặt và nói.

– Thế là ăn cắp à ?

– Còn gì nữa !

– Vậy anh là kẻ cắp à ?

– Cũng như anh là một thằng ngu.

Tôi không nói gì. Tôi nghĩ lại những điều mắt thấy tai nghe từ hôm qua đến nay mà lòng tự bảo lòng : Bíp bảo tôi là một thằng ngu, rất đúng.

Tuy-nhiên tôi phải dứt khoát. Tôi nói :

– Anh ơi ! Nếu anh cậy tôi làm việc đó thì anh nhầm rồi.

Lần này Bíp không cười nữa mà hầm-hầm tức giận. Có lẽ hẳn nghĩ tôi đã lừa dối hẳn, nếu hẳn để tôi đi, tôi sẽ tố-cáo hẳn chẳng ?

Bíp hung-hăng nói :

– Anh không được tố-cáo tôi và anh cũng không ra được khỏi nơi này.

– Tôi nhất định đi.

– Không được.

– Giữ thế nào được ta.

– A ! Thằng này giỏi.

Bíp liền xông vào đánh tôi. Tuy Bíp nhanh và dẻo thực nhưng không khỏe bằng tôi. Cuộc đánh lộn không lâu. Lúc đầu vì bị đánh bất ngờ nên tôi ngã. Sau tôi vật lại và đè lên hẳn, tôi hỏi :

– Mà có để tao đi không ?

– Để mày đi thừa tao chẳng ?

– Không đời nào!

– Thế đi.

– Tao thể không bao giờ tố-cáo mày.

Tôi bỏ hẳn dậy. Hẳn vừa thở vừa nói:

– Mày ngu lắm. Mày có thể mài cái lương-thiện của mày ra ăn không? Nếu mày không gặp tao hôm qua thì hôm nay mày đã chết nhăn răng ra rồi. Mày sở dĩ còn sống được là vì mày đã ăn

những miếng giấm-bông ăn cắp, mày đã uống rượu vang ăn cắp, chân mày không tê bại nữa vì ta đã cho mày những giấy ăn cắp. Và nếu mày ở đây ra không bị chết rét là nhờ những quần-áo ăn cắp mà ta đã cho mày.

Những quần-áo tôi đang mặc ấm-áp thực, tôi không nghĩ đến. Tôi nói:

– Thôi, cho tôi mượn cây đèn đây.

– Làm gì?

– Đi tìm quần-áo cũ của tôi.

– Tôi không đòi lại quần-áo đâu. Tôi cho anh.

– Vẫn biết thế, nhưng tôi không muốn mặc nữa.

Bíp nhún vai nhìn tôi trở vào chỗ nằm đêm qua.

Tôi cởi bỏ quần-áo của Bíp và lại mặc những quần-áo rách của tôi. Và tôi xin thú thực khi tìm đến giấy, tôi rất buồn vì một chiếc bị tuột hẳn đế.

Bíp đứng nhìn tôi không nói gì. Tôi quay mặt đi vì tôi xấu-hổ về những đồ bệ-rạc của tôi.

Bíp đổi giọng, nói ngọt-ngào :

– Anh là một người ngu thực. Nhưng việc anh vừa làm đó khiến cho tôi thấy (Bíp vỗ tay vào ngực) rung động trong lòng. Giữ lòng trong-sạch kể cũng hay vậy.

– Sao anh không chịu làm ?

– Quá muộn rồi!

– Nếu không may anh bị bắt, bị giam, anh sẽ nói với mẹ anh thế nào ?

– Mẹ tôi à ? Giá tôi được có một người mẹ! Thôi, đừng hỏi tôi về chuyện đó nữa.

Tôi định ngắt lời Bíp, thì hắn nói luôn :

– Anh định quở trách tôi chẳng? Thôi, để cho tôi yên. Tôi không muốn cho anh ra đi bệ-rạc như vậy. Nếu anh không thích vận quần-áo ăn cắp, anh có bằng lòng nhận những quần-áo cũ của những ngày tôi đi làm không ? Những quần-áo đó, tôi còn giữ. Anh là một người tốt, anh hãy nhận đi !

Tôi gật đầu.

Bíp tỏ ra rất sung-sướng và nói:

– Nếu vậy, anh hãy đi với tôi, tôi sẽ lấy cho anh

Chúng tôi trở vào Ba-Lê. Bíp đưa tôi đến một căn nhà ở gần cổng thành, mời tôi lên gác, anh mở tủ lấy ra một cái áo và một cái quần cho tôi, đúng là quần-áo anh vận ngày làm với gánh Vi-Nhan mà tôi từng trông thấy. Anh lại cho tôi thêm một đôi giày đã cũ nhưng còn tốt.

Khi tôi mặc quần-áo và đi giày xong. Anh nói :

– Thôi, chào anh. Nếu ra ngoài có gặp các bạn tôi, anh cố lánh xa, đừng nhận nhé.

Lúc đó chưa đến 10 giờ. Tôi còn nhiều thì-giờ để tìm chỗ ngủ đêm nay.

Trời hanh, gió lạnh. Đồ mặc tạm đủ, cái ăn chưa cần, tôi thông-thả tìm một chỗ trú ở Ba-Lê.

Hôm nay không phải là ngày được phép vào thăm Diệp-Lan.

Tôi cứ thẳng trước mặt đi cầu may.

Đi đã hơn hai giờ qua rất nhiều phố mà tôi chưa tìm thấy gì, chưa nghĩ được gì. Tôi bụng bảo dạ: cái may không đến, tốt hơn hết là tự đi tìm cái may vậy. Tôi đi về phía sông Sen. Tôi định đến chợ, tìm bà hàng phúc-hậu hôm nọ đã cho tôi 20 xu xem bà có can người giúp việc hay bà có quen ai có việc cho tôi làm chẳng ? Đầu tiên bà ta không nhận ra tôi trong bộ quần-áo lạnh. Tôi phải nhắc lại chuyện hôm trước, bà hỏi luôn : em gái tôi bây giờ thế nào? Tôi đáp nàng hiện nằm ở Phúc-đường, bà tỏ lòng thương hại. Tôi nói :

– Tôi không muốn xa em tôi. Tôi đợi em tôi khỏi để cùng về quê, vì thế tôi cần phải có việc làm. Tôi không biết hỏi ai. Tôi nghĩ ngay đến bà và mong...

Bà ta ngắt lời tôi:

– Em ơi! Em nghĩ đến mụ Ba Sơn này thực là khéo lắm. Ta rất hoan-hỉ. Em coi ta, chắc em biết ta không phải là người để cho một đứa trẻ vất-vưởng trên vỉa hè.

Nói xong, bà gọi hai ba người bạn hàng đến bàn-bạc xem có cách gì giúp tôi không. Việc này hơi khó vì ở chợ này người ta không quen dùng trẻ con giúp việc. Rồi, sau khi hỏi đi hỏi lại hỏi đến mười lần và biết chữ tôi tốt, các bà đồng ý tìm cho tôi một chân viết phiếu hàng, nếu người ta cần đến.

Tôi không được mục kích việc vận-động của các bà xem chừng công phu lắm. Tôi chỉ biết năm giờ sáng hôm sau, tôi được đặt ngồi một bàn ở khu bán cá, phụ trách việc viết phiếu bán hàng, không khó-khăn lắm. Tôi viết đẹp và nhanh. Bà Ba Sơn đến xem tôi làm việc thế nào, người ta bảo tôi làm tốt lắm và cho tôi mỗi ngày 30 xu. Số tiền không to, nhưng được bà Ba cho tôi ngủ nhờ ở cửa hàng bà thành ra tôi chỉ mất tiền ăn thôi.

Diệp-Lan vào nhà thương hôm thứ hai. Tôi đợi mãi mới đến thứ năm. Khi làm xong việc ở chợ, tôi tìm đến phố Xe-Vơ. Trước khi đi thăm Diệp-Lan, người ta cho tôi cam bỏ đầy hai túi. Tôi đến trước giờ mở cửa. Lòng tôi rối-bời: không biết Diệp-Lan thế nào ? Còn sống hay đã chết rồi!

Người ta trở cho tôi phòng Thánh Mi-Sen, tôi cầm dầu chạy bình-bịch, một viên Y-tá nắm tôi lại và bảo nếu còn làm náo-động sẽ bị đuổi ra lập tức. Tôi liền kiễng chân đi. Đến nơi, Diệp-Lan còn sống và đã khá nhiều. Thấy bóng tôi, nét mặt xanh-xao của nàng bừng sáng lên. Nàng nói:

– Anh-trai của em! Anh đã vào đây à ?

Lần đầu tiên nàng kêu tôi là anh-trai.

Tôi cảm-động quá, chỉ nói được một tiếng :

– Em.

– Em biết nếu anh không chết rét thế nào hôm nay anh cũng vào thăm em.

Rồi nàng nắm tay tôi và hỏi mấy hôm nay tôi ở đâu. Khi tôi kể chuyện ở hầm đá, nàng nói:

– Như thế là phải lắm. Em rất bằng lòng.

Tôi lại nói đến bà Ba Sơn đã giúp đỡ tôi. Nàng dân-dấn nước mắt, nói :

– Thực là một trái tim vàng.

Bây giờ đến lượt nàng trả lời tôi.

Hôm vào đây, nàng mê-mệt không biết gì, sốt nặng và mê-man. Nhờ được một bà Phước hết lòng chăm nom thuốc-thang nên bệnh đã bớt nhiều.

Rồi nàng nói nhỏ:

– Dù sao em cũng muốn ra, vì ở đây em sợ lắm. Đêm qua có một đứa bé chết, ở giường bên cạnh kia kìa, người ta quấn vải và bỏ

nó vào một hộp đựng sô-cô-la, em thấy thế ngất người đi. Diệp-Lan tưởng-tượng sẽ được ra nhà thương sớm nhưng bệnh nàng lai-rai nên phải nằm ở đó đến hơn hai tháng mới khỏi hẳn. Nhưng đó cũng là một dịp sung-sướng cho chúng tôi. Trong thời gian đó, với tính-nết thùy-mị dễ yêu, Diệp-Lan làm cho bà Phước, Bác-sĩ và các Y-sinh thương mến nàng. Ai cũng biết chuyện chúng tôi. Vì nàng mà tôi được thương lây. Thứ năm và chủ-nhật, hễ tôi vào là người ta đãi tôi như một người thân trong nhà.

Ngày ra nhà thương đã đến. Khi trao giấy phép cho Diệp-Lan, bà Phước cho chúng tôi biết Bác-sĩ đã tìm cách cho chúng tôi không phải đi bộ về Thiên-Cảng. Người ta đã điều-định với một người chủ xe, chuyên đem những bà nhũ-mẫu đi ở, cho chúng tôi đi nhờ xe đến tỉnh Via, rồi thì từ Via người chủ xe sẽ mua vé xe chuyên-chở công-cộng cho chúng tôi về Thiên-Cảng. Khi Diệp-Lan sắp ra, mọi người trong phòng Thánh Mi-Sen đã gom góp được số tiền là 25 phật-lăng, quá đủ tiền xe. Còn tôi trong vòng hai tháng trời mỗi ngày để ra 7, 8 xu, tổng-cộng được 22 phật-lăng để chuẩn-bị cho cuộc hành-trình không ngờ ngày nay, hốt-nhiên được dễ-dàng. Cảnh lếch thếch vào Ba-Lê hai tháng trước, so với buổi rời thủ-đô hôm nay thực là một vực một trời! Bà Ba Sơn lại ân-cần đưa chân chúng tôi ra tận xe và gói cho đủ thứ để ăn đường.

Xe chở vú em không phải là thứ xe sang trọng. Trong xe có hai cái ghế dài đóng áp thành xe, ở giữa rải rơm. Có thể thôi, nhưng đối với chúng tôi, xe đó là hạng nhất rồi.

Dạo đó là cuối tháng giêng. Trời bớt lạnh, ngồi xe rất dễ chịu. Và lại chúng tôi không phải là những người khó tính, chúng tôi làm quen với các bà nhũ-mẫu cùng nhau chuyện trò vui-vẻ. Các bà về quê, bà nào cũng ôm một con nhỏ. Khi nào chúng khóc nhiều hoặc khi các bà rửa-ráy cho chúng, tôi và Diệp-Lan bảo nhau xuống xe đi bộ một lúc cho thoáng khí.

Đến Via, người chủ xe mua vé cho chúng tôi sang xe hàng, một thứ xe ngựa lớn chở hành-khách. Xe đổ chúng tôi xuống một chỗ cách Thiên-Cảng độ một dặm đường. Hôm đó là ngày chủ-

nhật. Tính ra tôi từ-biệt quê-hương đến nay vừa đúng bảy tháng.

Diệp-Lan và tôi xuống xe, rẽ về đường Thiên-Cảng.

Hai người cùng bước và chẳng ai nói gì, vì trong óc mỗi người đều bận nghĩ về việc mình. Diệp-Lan khua tan bầu không-khí yên lặng trước nhất, nàng nói :

– Anh hãy đi chậm chứ. Em muốn nói chuyện này.

Tôi đáp:

– Anh cũng định nói với em. Đây có bức thư, đến nơi, em sẽ đưa cho má anh

Nàng hỏi nhẹ-nhàng:

– Sao lại gửi thư ? Thế anh không cùng về với em à? Sao anh lại không đưa em về trình má anh? Anh biết chắc má ưng-thuận em sao ? Lỡ má không nhận, đuổi em ra thì sao?

– Em đừng nói thế. .Em chưa biết má anh hay sao ?

– Có biết má tử-tế. Nhưng anh phải biết má sẽ giận em sao không giữ anh lại. Má có thể yên-trí rằng nếu em nài anh thì thế nào anh cũng cùng về. Anh không ngại đưa em về đây, anh lại ngại về nhà nhìn má một chút hay sao ? Như thế không phải, anh ạ.

– Chính anh đã giải thích việc đó trong thư. Anh bảo má rằng anh sở-dĩ không về thăm mà là vì anh cảm thấy nếu anh nhìn thấy má thì anh không sao đi được. Anh không đi, tất phải trở lại ở với chú anh vì có tờ giao-kèo và chú anh không phải là người chịu thiệt bao giờ.

– Má sẽ tìm cách để cho anh khỏi phải đi với chú.

– Nếu má anh chống với chú anh, má anh sẽ phải bồi thường lại số tiền anh đã ăn ở nhà chú. Còn như, nếu tự ý anh xin làm lính thủy thì chú anh không làm gì được má anh. Sau này nếu anh trở về, chú anh cũng không kiện được anh vì một khi đã đăng-ký rồi, anh sẽ là người của Chính-Phủ, mà Chính-Phủ tất thắng thế hơn chú anh. Anh đã tính tất cả rồi. Thôi, em cứ về một mình.

– Em, em không hiểu gì về việc Chính-Phủ cả, em chỉ nhận thấy việc anh làm đó, không phải, anh ạ.

– Không phải ?

– Không phải, anh ạ. Nếu má buộc cho anh, bảo anh không thương má, em không thể viện lẽ gì cãi cho anh được, vì chính em cũng nghĩ như má.

Tôi đi bên Diệp-Lan, không nói gì. Tôi thấy lòng phân-vân, xao-xuyến, sắp nhượng-bộ. Tôi liền cứng-cỏi lại. Tôi hỏi nàng:

– Anh có ác với em không ?

– Không. Không bao giờ.

– Thế em tưởng anh có thể ác với mọi người à ?

Nàng nhìn tôi. Tôi hỏi :

– Em trả lời anh.

– Không.

– Em tưởng anh không yêu má anh. Em tưởng anh sẽ làm cho người đau đớn hay sao ?

Diệp-Lan định thuyết-phục tôi, nhưng nàng thấy tôi cương-quyết, nàng không nói nữa.

Tôi nói thêm:

– Vậy, nếu em nhớ đến chút ơn của anh, nếu em tin rằng anh không phải là người ác, em sẽ không ép anh ở lại vì nếu anh ở lại sẽ tai-hại cho chúng ta.

Nàng không nói thêm câu gì nữa.

Chúng tôi đi cạnh nhau, cả hai đều cảm-động và tư-lự.

Chúng tôi đi tắt một cánh đồng hoang để người ta không nhìn thấy chúng tôi. Chúng tôi về đến bờ hào giáp sân nhà tôi. Lúc đó chuông nhà thờ đổ vang kết-thúc buổi lễ. Mẹ tôi sắp về.

Tôi trở tay qua khóm kim-tước vào nhà tôi, nơi tôi đã được trù-mến và sống những ngày thơ-ấu êm-đềm. Tôi bảo Diệp-Lan :

– Kia, nhà anh kia.

Tiếng tôi run-run. Nàng biết tôi cảm-động, nàng nhẹ-nhàng gọi tôi :

– Anh Mạnh !

Tôi làm như không để ý đến bao nhiêu điều kêu van chứa trong hai tiếng đó và bảo nàng :

– Em bước lên, vào nhà đưa thư cho má và nói . “Đây là bức thư của anh Mạnh”, khi xem xong thư chắc má không đuổi em đâu. Trong sáu tháng nữa, anh sẽ về. Đến Hao-Cảng anh sẽ biên thư cho em. Thôi! Em ở lại, anh đi

Tôi quay đi, nàng vội nắm lấy tay tôi và nói :

– Em không giữ anh đâu Nghe em nói đã. Anh không trông thấy anh làm em phát khóc à ?

Nàng buông tôi ra và nói tiếp:

– Anh không gửi em cái hôn cho má à ?

Tôi bước lại, đưa hai tay đón nàng, tôi thấy nước mắt đang rỏ trên má tôi.

Tôi nghĩ nếu tôi không trốn thì không sao đi thoát được. Tôi liền dứt ra và cầm đầu chạy.

Nhưng đến đầu đường, tôi đứng lại nghĩ-ngợi rồi quay lại, lên về ngồi trong khóm kim-tước ở đầu vườn xem sao.

Diệp-Lan đã đi qua sân và đang bước vào trong nhà.

Lâu lắm không thấy nàng ra, mà tôi cũng không nghe thấy tiếng nói chuyện. Tôi lo quá không biết mẹ tôi có còn không ? Hay đã.... như mẹ Diệp-Lan ?

Trong khi ý-tưởng đen tối đó đang ám-ảnh trong đầu óc tôi, chợt thấy Diệp-Lan hiện ra ở khung cửa rồi đến mẹ tôi.

Mẹ tôi còn khỏe. Diệp-Lan ở cạnh mẹ tôi, tay cầm tay, cả hai người mắt đều đỏ. Tôi vội nhẩy qua hào chạy đi.

Ba giờ sau, tôi ra đến đường cái và lên xe hàng. Hai giờ nữa xe đi qua Ca-Yên và Hồng-Lư rồi đến Hao-Cảng. Túi tôi còn đựng 7 phật-lăng.

Chú thích:

(1) “Chuột con”: tiếng lóng của kẻ trộm, gọi kẻ làm nội-công thông-đồng với kẻ bên ngoài để ăn trộm

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA- ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương XIII

THUYỀN-TRƯỞNG BẮT ĐẮC DĨ

TÔI yên trí tôi chỉ xuống trình-diện tại một chiếc tàu nào là được tuyển-mộ ngay.

Vì thế, sau khi tới ngoại-cảng, tôi hãy đi tản-bộ trên bến trước để chọn tàu. Vũng Ngự có bốn năm chiếc giang-thuyền, không phải việc của tôi. Vũng Ngăn có mấy chiếc tàu lớn của Mỹ đang bốc những bao bông xếp trên bờ thành từng đống cao như núi. Cũng lại không phải việc của tôi. Tôi muốn tìm một chiếc tàu Pháp.

Khi đi quanh Vũng Thương-Mại, tôi rất khoái-ngạc trước một dãy tàu của hầu-hết các nước trên thế-giới, cái to, cái nhỏ chen nhau, cột buồm tua-tủa lên như cây rừng, cờ lệnh, cờ hiệu và quốc-kỳ bay phất-phới. Tôi cho cảnh này đẹp hơn Ba-Lê.

Cũng có những chiếc tàu đưa ra mùi đường thơm ngọt, những chiếc khác ngửi thấy toàn mùi hạt tiêu và mùi quế. Chỗ nào cũng thấy người ta đem hàng xuống tàu hoặc khuân hàng lên bến. Mấy người lính đoan đi lại xem phu vắn những bao cà-phê và nghe những tiếng hát náo-nùng của người thủy-thủ.

Trong đám tàu kể trên có một chiếc tôi vừa trông thấy đã thích ngay. Tàu sơn trắng với một đường mép xanh da trời. Đó là một chiếc tàu nhỏ ba cột buồm. Ở đây buồm có treo tấm biển, người ta đọc thấy:

**“Nhận hàng đi Bách-Nam và Bá-Hải
SAO-MAI – Thuyền-trưởng Phi-Gát
Nhổ neo trong khoảnh-khắc”**

Còn đợi gì nữa mà không xuống chiếc tàu sơn xanh sơn trắng này? Và trong địa-dư còn có cái tên nào đẹp hơn và hấp-dẫn hơn hai địa-điểm Bách-Nam và Bá-Hải ?

Tôi xuống tàu. Bọn thủy-thủ và thợ thuyền đang mải xếp hàng-hóa. Người ta đang xuống hầm –qua cái miệng vuông rộng lớn – những két hàng nặng trĩu đu đưa ở đầu dây. Không ai để ý đến

tôi, vì tôi đứng im một chỗ và cũng không dám tiến đến gần một ông – có lẽ là Thuyền-trưởng – đang ghi sổ mỗi khi kết hàng đi qua mặt. Sau cùng người ta nhìn thấy tôi. Ông cầm sổ đuổi tôi:

– Lên ngay đi ! Xuống đây làm gì?

– Thưa ông, tôi muốn ông cho tôi tập việc thủy-thủ ở tàu Sao-Mai.

Ông ta không buồn trả lời, chỉ tay ra cái cầu là lối tôi vừa xuống.

– Nhưng, thưa ông

Ông liền giơ tay lên. Tôi không kêu nài nữa, bước ra vừa xấu-hổ vừa buồn.

Người ta không cần đến tôi hay sao?

Tôi không thoái chí. Tôi tìm tàu khác. Tàu Sao Mai có lẽ sang-trọng quá đối với tôi chăng. Lần này tôi chọn một chiếc tàu nhỏ hai buồm màu đen và cũ-kỹ tên là Công-Hải, chở hàng đi Tam-Cờ. Người ta trả lời là không cần người. Tìm đến chiếc tàu thứ ba, đáng lẽ phải vào trình viên Thuyền-trưởng, tôi hỏi một người thủy-thủ, người này liền nhún vai lên cho tôi là một đứa trẻ kỳ-cục, không trả lời. Sau cùng tôi đến một chiếc tàu nhẹ hai buồm sắp khởi-hành đi Phi-Châu. Viên thuyền-trưởng coi vẻ khắc-khổ, nhưng có ý muốn nhận tôi. Khi ông biết tôi không có cha để ký giấy cam-đoan, không có giấy ký-danh vào Hải-quân, không có túi đựng quần-áo và nhất là không có quần-áo, ông ta mời tôi ra tức khắc nếu không muốn ném mùi móng-giò của ông!

Công-việc thất-bại, tôi bắt đầu buồn: dễ thường lại phải trở về Thiên-Cảng chăng ? Nếu chỉ có mẹ tôi và Diệp-Lan thì trở về cũng vui đấy, nhưng còn chú tôi, còn tờ cam-kết kia, tôi quên sao được? Tôi phải cố tìm cho được một chỗ làm.

Đi vòng các Vũng, tôi lại trở về ngoại-cảng. Thủy-triều lên. Một vài chiếc thuyền đánh cá đã bắt đầu ra khơi. Tôi ra bờ đập để xem tàu ra vào. Đã lâu tôi không được ngắm cảnh biển và nước triều lên xuống. Bây giờ, một vùng chân trời bao-la mở ra trước mắt, những con tàu Ca-Yên, Ru-Ăng, Hồng-Lư ra vào nhẹ-nhàng, những chiếc tàu lớn nhỏ neo trong những tiếng chào tiễn-biệt, tiếng nói cười của thủy-thủ, tiếng máy chạy âm-ì,

những chiếc mùi-soa phát-phơ như những cánh bướm ở trên cửa sổ tàu, những lá buồm đủ cỡ xáo trộn trong vũng kéo dài từ bến đến chỗ ngoẹo làm tôi quên hẳn việc mình.

Tôi tỳ tay lên bao-lơn đập và đứng ngắm cảnh đã hơn hai tiếng đồng-hồ. Chợt ở phía sau, có người kéo tóc tôi. Giật mình quay lại, tôi thấy anh Hệ-Man, một nhạc-công cùng làm trong gánh Bô-La với tôi.

Tôi hỏi ngay:

– Ông Bô-La có đến Hao-Cảng không ?

Vẻ hốt-hoảng của tôi làm anh Hệ-Man không nói lên được vì anh bật cười rữ-rươi.

Hai phút sau, cơn cười đã ngớt, anh bảo tôi rằng :

“Anh cũng như tôi, anh đã bỏ Bô-La để về với một người anh ruột hiện ở nước Cộng-Hòa Ê-Qua-Tơ. Còn về Bô-La – tôi yên-trí, không sợ – ông ta đã thừa hưởng được một gia-tài vĩ-đại, bán tất cả gánh xiếc, nói cho đúng là tất cả cặn-bã của gánh xiếc, và giải nghệ rồi. Nửa tháng sau khi tôi bỏ đi, con Tuấn-Sư đáng thương đã chết. Sau khi Diệp-Lan đi rồi, nó trở nên hung-dữ và buồn rầu, không chịu ăn uống gì và hình như nó chỉ thèm thịt Bô-La thôi, nên mỗi khi Bô-La đi qua là nó gầm-gừ muốn cắn; Bô-La chẳng dại hy-sinh thân mình để cứu sống nó nên mặc-kệ cho nó chết, cái chết của nó là do lòng trung-thành và nhớ tiếc Diệp-Lan mà ra.”

Xong anh lại hỏi tôi đã được làm thủy-thủ chưa. Tôi liền kể lại những nỗi khó-khăn mà tôi đã gặp cho anh nghe. Anh là người kỳ-cựu trong một gánh xiếc nên óc anh rất giàu mưu-kế.

Anh nói :

– Nếu em muốn, tôi sẽ vui lòng nhận em là em ruột để đưa em đăng vào thủy-thủ.

Nhưng còn túi quần-áo ? Việc này nan-giải. Hệ-Man không giàu hơn gì tôi. Vé tàu của anh trong chuyến đi này đã được người anh ruột của anh trả tiền trước. Như vậy dù tiền túi của anh và của tôi hợp lại cũng không đủ mua sắm một túi quần-áo cho tôi. Chúng tôi phải bỏ ý-kiến đó. Muốn an-ủi tôi, anh đưa tôi đi ăn cơm với anh. Ăn xong, một người đồng-hương với anh làm nhạc-công cho một rạp hát gần đó, biếu chúng tôi hai vé để vào

xem. Màn đầu là một hài-kịch nhan-đề “Chiến-tranh công-khai”, trong đó người ta khiêng một nhân-vật nằm trong một cái rương.

Anh liền ghé tai tôi, bảo :

– Việc của em đây ! Đến giờ nghỉ tôi sẽ nói cho em biết ý-kiến. Ý-kiến của anh là sẽ mua cho tôi một cái két lớn, tôi sẽ nằm trong đó. Một giờ trước khi tàu chạy, anh sẽ vác két đã khóa, buộc cẩn-thận xuống tàu. Khi chúng tôi đã ra khơi rồi, anh sẽ mở cho tôi ra. Lúc đó, ông Thuyền-trưởng, nếu biết, cũng không sao đẩy tôi lên được, trừ phi quảng tôi xuống biển, sẽ đành chịu cho tôi ở trên tàu. Một khi đã được tự-do, tôi sẽ xoay-xở để có việc làm.

Thực ra đó là một kế-hoạch điên cuồng nhưng cũng là một kiểu mạo-hiểm hào-húng làm cho tôi thích-thú.

Sáng hôm sau, chúng tôi đi thăm các hàng bán đồ cũ trong phố và bỏ ra 10 phật-lăng mua một cái két lớn có đai sắt, thước tắc vừa sát với tầm vóc tôi như là đã đặt làm từ trước. Hệ-Man vác về nhà trọ và cho tôi cùng ở đấy. Anh cẩn-thận chọc cạnh thùng ra nhiều lỗ để tôi thở. Tôi vào nằm thử anh đóng kín lại. Trong hơn 2 tiếng đồng-hồ, tôi thấy rất dễ chịu, tôi có thể cựa tay chân và nằm nghiêng hay nằm ngửa khi tôi muốn trở mình.

Tàu của Hệ-Man đi, tên là Ô-Rê-Nốc, sẽ khởi-hành hồi 2 giờ chiều hôm sau vào lúc nước lên. Tôi cỏ đủ thì-giờ ra xem qua chiếc tàu đó và viết một bức thư dài cho mẹ tôi báo tin tôi đã được xuống tàu và xin mẹ tôi tha lỗi cho tôi đã làm trái ý mẹ tôi, tôi mong rằng cuộc đi của tôi sẽ đem lại hạnh-phúc cho cả gia-đình. Tôi cũng gửi kèm một bức thư cho Diệp-Lan kể cho nàng nghe những điều mà anh Hệ-Man đã dạy tôi, đồng-thời tôi cũng khuyên nàng ngoan-ngoãn, dịu-dàng trong điều ăn nết ở đối với mẹ tôi.

Hai giờ trước khi thủy-triều lên, nghĩa là vào lúc giữa trưa, Hệ-Man bảo tôi vào két và đưa cho tôi một tấm bánh mì. Anh vừa cười vừa nói :

– Để dành đến mai, nếu em đói, em sẽ có bánh ăn.

Tôi sẽ phải giam mình trong hộp đó ít ra là 20 tiếng đồng-hồ vì chúng tôi đã tính rằng khi tàu còn trong vùng Hao-Cảng, chúng

tôi còn phải đề-phòng. Nếu tôi “thò” ra sớm, Thuyền-trưởng sẽ có thể đuổi tôi xuống một thuyền đánh cá hay một chiếc tàu hoa-tiêu. Nhưng một khi đã ra khơi rồi, cái nguy gặp các tàu thuyền đó sẽ bớt đi. Đã mấy hôm nay, gió nam thổi khá mạnh, như vậy trong 20 tiếng đồng-hồ chúng tôi sẽ tới gần Sec-Bua và ở giữa biển Măng. Anh Hệ-Man đã buộc thêm hai đoạn dây da ở trong két để tôi cầm cho khỏi lẫn-lộn trong khi két được khuôn-vác.

Hệ-Man khoá chặt hai bên khóa và buộc dây chung-quanh nhiều vòng rất chắc. Xong anh ta vác két lên lưng và cười to quá làm tôi long lên xòng-xọc như ở trên mình ngựa.

Khi tới tàu Ô-Rê-Nốc, niềm vui của anh bỗng cắt đứt. Viên Thuyền-trưởng hỏi:

– Anh mang cái gì thế ?

– Cái rương của tôi.

– Muộn quá rồi. Cửa hầm tàu vừa đóng xong.

Chính chúng tôi dự ý đến vào lúc cửa hầm đóng rồi, vì nếu cửa hầm còn mở, người ta sẽ cho két của tôi xuống hầm và xếp nhiều két khác đè lên, tôi sẽ phải nằm đó cho đến khi tàu tới bến mới được dỡ ra. Bây giờ cửa hầm đóng rồi người ta sẽ để tôi trên sàn tàu hay trong phòng của Hệ-Man.

Nhưng việc đời thường không trôi chảy một cách dễ-dàng như ý định của ta. Viên Thuyền-trưởng khẳng-khăng không chịu nhận két hàng kia. Nằm trong, tôi đã tưởng sẽ phải lộn lên bến. Sau cùng, ông ta thuận cho xếp ở sàn thứ nhất với các két khác đem đến phút cuối cùng.

Một người thủy-thủ nói :

– Đi đường sẽ xếp lại.

Sẽ xếp lại, tôi không cần. Tôi chỉ mong không phải nằm lâu trong két.

Lát sau, tôi nghe thấy tiếng dây buộc tàu rơi xuống nước, đồng-thời người ta đang quay máy để cuộn dây. Trên đầu tôi, có tiếng bước đi nhịp-nhàng của những thủy-thủ đang ra sức kéo dây để tàu rời bến. Những tiếng động do người hay máy vận dụng, nằm trong két, tôi đều biết rõ như mắt nhìn thấy.

Nghe thấy tiếng xe-cộ đi, tiếng nói ồn-ào, tôi hiểu là đã đến Thủy-môn. Tàu đứng im vài phút, rồi tự-nhiên được kéo từ-từ đi. Đó là chiếc tàu dặt vừa đến đưa tàu chúng tôi đi. Tàu bập-bênh từ đầu đến lái : chúng tôi đến ngoại-cảng. Rồi trông-tránh hơn nữa: chúng tôi đang ở trong bờ đập. Tiếng ròng-rọc kêu xè-xè, người ta kéo buồm : con tàu nghiêng-ngả. Chiếc móc rơi xuống nước. Lái tàu kêu kèn-kẹt. Chúng tôi ra khơi.

Thế là xong việc. Đời đi biển của tôi bắt đầu từ đây ! Đã phải trả bằng bao nhiêu khó-khăn, khổ-cực, tôi mới mua được cái phút mơ-ước này, tôi tưởng nó sẽ làm cho tôi sung-sướng nhưng lòng tôi cảm thấy buồn tênh, vì hiện-trạng của tôi không cho tôi cởi-mở tâm lòng.

Giá được ở trên sân thứ hai của tàu, kết bạn với những thủy-thủ, được giúp những việc vận-dụng lật-vật, nhìn đằng trước thấy mặt biển mênh-mông, đằng sau có đất liền và hải-cảng, tôi sẽ sung-sướng rồi đây được băng mình trên những bến lạ bờ xa.

Nhưng bây giờ, bị giam trong bốn tấm gỗ của một cái rương, tôi không thể chống lại cái sợ hãi nó xâm-nhập trong lòng tôi.

Ba, bốn tiếng khẽ gõ vào thành rương kéo tôi ra ngoài cơn sầu-tư. Vì không nghe thấy tiếng nói nên tôi không dám trả lời lỡ phải người thủy-thủ nào thì khốn. Tiếng gõ lại diễn ra một cách đặc-biệt; tôi biết đích là Hệ-Man. Tôi lấy cán dao díp gỗ lại để trả lời.

Việc thông-tin đó làm tôi đỡ buồn. Dù sao, tôi cũng không bị bỏ quên. Chỉ phải nằm trong rương vài giờ nữa là được thoát thân. Tôi sẽ đứng trong lòng biển cả, thế-giới sẽ là của tôi.

Gió lạnh. Con tàu chìa sườn ra đỡ sóng và trông-tránh nhiều quá. Ngày còn nhỏ vốn quen đánh cá biển và hay đập-dình thuyền để chơi, tôi không bao giờ say sóng, tôi tưởng bây giờ tránh được bệnh đó. Không ngờ tôi thấy nôn-nao trong dạ.

Thoạt tiên, tôi tưởng sợ-dĩ tôi bị chứng đó là vì tôi khó thở, vì tuy có mấy lỗ đã khoét, khí trời bên ngoài vào rất khó-khăn nên trong rương đầy một hơi nóng nặng-nề. Nhưng căn bệnh của tôi được định rõ ngay.

Khi con tàu chồm lên chúi xuống, tôi biết đích tình-trạng choáng-váng của tôi do đó mà ra. Tôi lo quá vì thấy nhiều người

say sóng nôn-ọ, rên-rỉ rầm lên. Nếu tôi bị thế mà có người đi qua đúng lúc tôi ọ thì biết làm thế nào ?

Tôi thường thấy người ta nói thứ thuốc tốt nhất chữa bệnh say sóng là cái ngủ, vì tôi chỉ có một thứ thuốc đó bên mình thôi nên tôi áp-dụng ngay. Tôi liền vùi đầu tôi vào trong hai cánh tay và cố ngủ. Nhưng nằm mãi, không sao ngủ được. Tôi đã cẩn-thận bỏ ít rơm vào làm ổ mà cái giường của tôi vẫn chẳng êm. Quả tim tôi cứ lắt-lẻo theo nhịp lên xuống của con tàu. Sau cùng tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Tôi ngủ đã bao nhiêu giờ, tôi không biết, vì ánh-sáng không lọt được vào cái két của tôi. Tôi như nằm trong ngục tối không biết lúc đó là ngày hay đêm. Tuy-nhiên, cứ theo sự yên-lặng trong tàu, tôi đoán là ban đêm. Tôi nghe thấy bước đi của lính gác trên sàn tàu và thỉnh-thoảng tiếng bánh lái kêu kèn-kẹt. Con tàu lắc-lư mỗi lúc một mạnh : có tiếng răng-rắc ở cột buồm, tiếng ù-ù qua những dụng-cụ trên lầu. Những khối sóng vạt vào sườn tàu tỏ rằng gió thổi mạnh lắm. Hoặc vì khí lạnh ban đêm làm cho không-khí trong buồng dễ thở hoặc vì tôi bị vất-vả quen rồi nên tôi thấy trong người tỉnh-táo không nôn-nao nữa. Rồi dần-dà tôi lại ngủ lại êm-ru trong cuộc hòa nhạc kinh-động ấy tưởng chừng như nằm trong căn buồng nhỏ ở nhà cha mẹ trong những đêm gió táp mưa sa. Một tiếng đổ gẫy kinh-hồn làm tôi bừng dậy: toàn thân tàu kêu răng-rắc, tiếp tiếng sập đổ trên sân tàu như tất cả bộ cột buồm ụp xuống, dây đứt kêu ình-ình như tiếng súng nổ.

Có tiếng Anh kêu :

– Tốp! Tốp!

Liền theo có tiếng Pháp kêu:

– Lên cả sân tàu đi !

Trong những tiếng kêu hỗn-độn ấy, đồng-thời nổi lên những tiếng sào-sào, tôi biết ngay là tiếng hơi nước phụt

Tàu chúng tôi bị chiếc tàu Anh đâm phải và tàu chúng tôi rạp hẳn về một bên vì tôi bị lặn vào cạnh rương.

Khi tôi tỉnh trí lại thì tiếng hơi nước cũng hết. Nhưng lại có tiếng ầm-ầm kinh-khủng nữa, ngay lúc đó tàu chúng tôi đứng

thăng lên được. Chiếc tàu Anh kia đã bị chìm rồi hay nó đã rời xa rồi ?

Tôi liền gào lên để gọi thủy-thủ rồi tôi lắng tai nghe. Trên sân tàu, có tiếng nói lao-xao và tiếng đi lại hấp-tấp cả mọi phía. Bên ngoài, sóng đập vào thành tàu như phá, gió thổi ùng-ùng. Tàu chúng tôi sắp đắm rồi hay sao ? Hệ-Man sắp đến cứu tôi chẳng ? Tôi lo-lắng điên-cuồng. Máu trong người tôi ngừng chảy, tay tôi mồ-hôi ra ướt đầm như dúng nước. Tự-nhiên, tôi nhổm dậy, đầu tôi đập vào nắp rương. Tôi liền quỳ xuống, lấy hai tay hết sức đẩy nắp lên, nhưng hai cái khóa đã chắc mà mặt rương lại đóng những then ngang, nên không chuyển chút nào. Tôi kinh-hãi, nằm lăn ra như chết.

Một lúc sau, tôi lại kêu lên và gọi Hệ-Man, nhưng những tiếng thình thình trên tàu làm lấp cả tiếng tôi : những nhát búa đang chặt những cột buồm.

Sao Hệ-Man không đến tháo cho tôi ra ? Hắn làm gì bây giờ? Trong khi bọn người kia đang chặt những cột buồm, những người khác làm việc bơm nước ra: tôi nghe thấy tiếng tích-tắc đều đều của tay bơm.

Sắp chết đuối cả rồi. Tôi đội nắp rương lên nhưng vô hiệu. Tôi nằm vật ra, kinh-hoàng, thất-đảm .

– Hệ-Man ! Hệ-Man !

Vẫn có tiếng động, nhưng cứ ở sân trên và không một người qua lại chỗ tôi. Tiếng của tôi không ra khỏi ngoài rương, mà nếu có lọt ra được tiếng nào thì cũng bị những luồng gió mạnh cuốn phất đi.

Hệ-Man có lẽ bị rơi xuống biển rồi chẳng ? Hắn đã bị sóng cuốn đi rồi chẳng? Hay hắn bị cột buồm đè chết rồi? Hay lúc lâm nguy, hắn mãi cứu lấy thân hắn mà quên hắn tôi đi ? Thế thì tôi sắp phải chết đuối ở trong cái rương này!

Không hy-vọng gì được cứu sống nữa!

Can-đảm đợi cái chết, can-đảm nhìn thẳng cái chết, không phải là một việc mà đứa trẻ không làm được. Nhưng khi người ta được tự-do, ít ra người ta cũng chống cự được và sự chiến đấu đó sẽ đỡ dần người ta, nay tôi bị giam chết trong bốn tấm ván này

không nhắc mình lên được, không thở được, hỏi còn làm gì được ? Thực là một điều khốn-nạn và tàn-khốc ?

Tôi tức mình dùng đầu để phá cái ngục của tôi nhưng nó chắc quá không núng chút nào. Tôi muốn hét lên nhưng cổ tôi đã khàn rồi không ra tiếng. Tôi không biết, vào địa-vị tôi, một người lớn có thể chịu đựng được như thế nào chứ tôi, tôi là một đứa trẻ, tôi ngất xỉu đi.

Khi tôi hoàn hồn – không biết đã lịm đi trong bao lâu – tôi có một cái cảm-giác lạ-lùng : hình như tôi đã chết ở đáy bể và đang bị nước xoáy đi. Nhưng những tiếng inh-ích trên sân tàu kéo tôi về thực tại. Người ta vẫn luôn tay bơm nước. Thỉnh-thoảng tôi nghe thấy ùng-ục trong ống bơm.

Gió gào trên tàu và những ngọn sóng âm-âm quật vào thân tàu làm tôi ở trong hòm hết lần bên này lại sang bên kia. Tôi lại kêu gào, thỉnh-thoảng lại im xem có ai nghe thấy không. Nhưng chẳng thấy gì ngoại-trừ những tiếng ồn-ào của bão táp.

Ngột cả người, tôi liền bỏ hết áo ra. Khi tôi cởi cái gi-lê, tay tôi sờ thấy con dao mà tôi quên băng. Đó là một con dao nhà quê rất chắc, cán bằng sừng, lưỡi khỏe và sắc.

Chẳng có ai đến giải-thoát cho tôi, tôi đành tự cứu lấy tôi vậy.

Tôi liền mở dao để cạy những ổ khóa trước.

Nếu bẫy nó ra thì gãy dao mất, tôi khoét dần chân khóa. Rương đóng bằng gỗ giẻ đến hai, ba mươi năm rồi khô-nhắc và rắn như sắt, mũi dao khó nhấn vào.

Tôi gắng sức khoét, mồ-hôi ra như tắm. Cán dao trơn tuột trong lòng bàn tay. Thỉnh-thoảng phải nghỉ để lau tay cho ráo.

Khoét đã lâu mà không tiến được mấy vì con tàu cứ lắc-lư và giật tay tôi lại. Hễ lúc tôi ấn mạnh đầu dao vào gỗ là y như tôi bị ngã ngửa về phía đằng sau.

Sau cùng, ổ khóa cũng phải lung-lay, tôi nhè một cái lắc của tàu để đẩy bật nó ra. Bây giờ cạy đến ổ khóa thứ hai. Con dao nóng quá, tôi đập vào lưỡi cho nguội, lưỡi tôi bị bỏng rát lên.

Bây giờ người ta không bơm nước ra nữa, nhưng trên đầu tôi, vẫn có tiếng chân đi lại tíu-tít. Chắc là khẩn-cấp lắm. Về việc gì? Tôi không sao đoán được. Có tiếng sên-sệt như người ta đang kéo vật gì nặng, một cái két lớn hay một cái xuống ? Sao thế nhỉ

? Thế là nghĩa gì ? Tôi không có thì-giờ tìm-hiểu và cũng không có thì-giờ nghe ngóng, tôi tiếp-tục làm việc của tôi.

Dao của tôi trơ ra, không bắt gỗ nữa, vì thế khó khoét hơn ổ khóa trước. Tôi đem hết hơi sức của tôi ra làm, cánh tay tôi bị tê-bại đi, lưng tôi như gãy ra vì thân tôi phải ở trong cái thế gò bó. Vì thế tôi phải nghỉ tay một lát.

Lúc đó, tôi nghe tiếng gió bão, tiếng sóng đập và tiếng kèn-ket của thân tàu.

Việc cạy khóa của tôi mất độ hơn nửa tiếng đồng-hồ. Tôi thấy lâu quá như độc-giả đã biết. Sau cùng chiếc khóa thứ hai cũng như cái thứ nhất đã thấy lung-lay.

Tôi liền quỳ gối, cúi khom-khom, chống hai tay xuống lấy lưng đội nắp hòm lên: hai ổ khóa bật ra nhưng nắp hòm không mở lên đtrợc. Ấy tôi quên ! Hai đầu rương còn có buộc dây.

Bây giờ phải tìm cách cắt dây đó. Đầu tiên tôi tưởng dễ, nhưng tôi nhầm vì nắp rương tuy có hé một chút nhưng vẫn còn chụp lên lợi rương. Tôi phải thử cái lợi rương đi mới sờ thấy dây. Lại thêm một việc nữa.

Tôi không nản lòng và bắt tay vào việc ngay. May sao lần này tôi phải tách ngang thớ gỗ nên nhanh chóng hơn. Tôi tìm thấy dây và cắt phăng đi. Thế là xong việc.

Tôi đẩy mạnh nắp rương lên. Nó lên một tí, rồi lại ập xuống. Tôi đẩy mạnh hơn nữa, nó hé không hơn trước được một chút nào. Cái gì còn giam hãm tôi thế ?

Tôi buồn quá, xỉu xuống đáy rương. Tôi nghĩ tôi đã tốn bao nhiêu công trình, bây giờ đành chịu bó tay hay sao ? Nắp hòm hé ra đủ lột bàn tay tôi. Tôi liền thò tay ra và sờ-soạng khắp chung quanh, vì trời tối nên tôi chỉ trông thấy lờ-mờ thôi.

Cố đưa tay lần mãi, tìm mãi, tôi mới hiểu cái gì đã ngăn-trở công việc của tôi : đó là một cái rương kéch xù ! Cái rương này đặt trên một cái kết khác và chòi ra trên nửa mặt rương của tôi. Tuy không đề hẳn lên rương của tôi nhưng nó vẫn giữ không cho nắp mở ra. Tôi cố đẩy cái rương tai ác ấy ra nhưng nó nặng quá, không hề nhúc-nhích. Vả lại ở trong cái thế “thu hình”, tôi không sao thi-thố mạnh được. Cánh tay tôi không đuổi thẳng

được mà nghĩ đến việc nhấc cái rương ấy lên hay đẩy nó ra thì thực là chuyện điên rồ !

Mất bao nhiêu công sức, kết-cục thành thế này ? Bây giờ phải làm cách gì ? Tôi cuống-cuống tưởng như máu của tôi đang sôi sùng-sục trong đầu như nồi súp-de.

Trước kia tôi kêu trong rương đóng kín nên ngoài không nghe thấy tiếng, bây giờ nắp hở rồi, có lẽ người ta sẽ nghe thấy tiếng tôi kêu. Tôi gào thật to. Rồi tôi lắng tai nghe. Trên sân tàu có tiếng rầm-rầm và hình như có vật gì rơi tồm xuống biển. Tôi nghe thấy họ chắc họ phải nghe thấy tôi; nghĩ thế, tôi lại gào to. Rồi tôi lại để tai nghe. Không nghe thấy tiếng rầm-rầm nữa, mà tiếng chân đi cũng không, chỉ có tiếng gió thổi vèo-vèo. Có điều lạ quá là hình như có tiếng kêu ở ngoài biển vọng vào phía thành tàu tôi nằm.

Như vậy, không bao giờ người ta nghe thấy tiếng tôi kêu nữa. Tôi nhất định cạy bản-lề rương ra. Nếu được, tôi không cần mở, tôi chỉ đưa ngang cái nắp ra ngoài là tôi ra được.

Tôi lại tiếp-tục làm, làm mau lẹ. Sự vắng-lặng trên tàu làm tôi lo-sợ. Tất cả thủy-thủ trong tàu bị sóng cuốn đi hết rồi hay sao? Có thể đúng lắm, vì tàu tròn-trành dữ, với tiếng gió gào thét kinh-hồn tỏ ra bão đang kịch-liệt. Những bản-lề không chắc bằng ổ khóa – nếu biết vậy tôi đã bắt đầu cạy nó trước thì hơn – tôi không cần khoét gỗ, vì chỉ có đinh thôi. Tôi dùng mũi dao để tháo ra. Khi đã tháo xong một bên, còn bên kia tôi chỉ lắc đi lắc lại nắp rương là đinh tuột ra. Tôi nâng cao nắp rương lên và đưa ngang về một bên rất dễ-dàng. Tôi nhẩy phắt ra ngoài cái ngục ác-nghiệt của tôi. Được tự-do vùng-vẫy tay chân, tôi mừng quá! Chứ chết chệt ở trong rương thực là chết mười lần!

Sự đắc thắng đã đem lại hy-vọng cho tôi, nhưng tôi chưa thoát khỏi cơn thử-thách. Nhờ ánh-sáng lơ-mờ, tôi sờ-soạng tìm ra chân thang.

Mái cầu thang đã ụp xuống may sao nó không vít hẳn, tôi lách mình lên trên sân. Chẳng nhìn thấy ma nào cả. Đằng lái cũng chẳng có ai. Con tàu đã bị đoàn thủy-thủ bỏ lại.

Tôi nhẩy lên đài quan-sát nhìn ra. Tôi thấy trong làn ánh-sáng xanh-xao của buổi bình-minh mưa gió, một chấm đen đen ở

trên biển : đó là một con tàu lớn.

Tôi gọi, tôi gào nhưng chiếc tàu xa quá, nà gió lại mạnh nên cái tiếng yếu-ớt của tôi không đi đến đâu.

Một mình tôi ở trên con tàu lênh-đênh giữa biển cả, một con tàu bị bỏ rơi và đang đắm. Tuy-nhiên, cái ngục giam đã làm tôi quá sợ hãi thành ra bây giờ tôi thấy bớt lo.

Tôi nhìn khắp tàu một lượt, nhận thấy tàu Ô-Rê-Nóc đã bị húc vào giữa hông. Thực là một cái lạ là sao vỏ nó không bị đứt đôi ra. Có lẽ chiếc tàu Anh đã đâm chéo vào. Trong cái húc kinh-khủng đó, nó đã làm đứt hết dây chằng của cột buồm lớn và của cột buồm lái về mé gió thổi. Hai cột buồm này mất hết dây không còn gì giữ lại nên gãy gập như que bẻ. Hiện trên tàu, về cây cột thì chỉ còn cột-cái nguyên vẹn và nửa cột ở mũi tàu, về cánh buồm thì chỉ còn lá tam-giác ở đầu tàu và chiếc buồm vuông ở cột giữa rách tả-toi

Trời bắt đầu sáng: về phương đông, sau những đám mây đen, một ánh sáng hung-hung thỉnh-thoảng hiện ra rồi lại biến mất trong khoảng không thăm-thẳm. Mặt biển mênh-mông những bọt trắng xóa. Cảnh-tượng u-buồn dưới ánh-sáng nhợt-nhạt của ban mai. Gió bão thổi mạnh quá đè dẹp cả những con sóng, không nổi lên cao được.

Đoàn thủy-thủ đã bỏ cái tàu này chính vì nó đang lâm nguy, tôi không cần phải nghĩ lâu mới hiểu.

Phó mặc cho sóng gió hoành-hành, không buồm không lái, con tàu lặn đi lặn lại kinh-khủng. Những lớp sóng cao như núi quật vào vỏ tàu tưởng chừng như muốn nuốt tươi. Tôi phải bám vào một chiếc thùng mới đứng vững, toàn thân tôi bị ướt như người mới lội nước lên.

Tôi muốn biết đích-xác những thiệt-hại do hai tàu đụng nhau gây ra, tôi ngھển ra ngoài bao lơn thấy sườn tàu bị toang nhiều chỗ. Không biết những chỗ thủng ấy có xuống dưới mực nước không. Tôi không thể suy lường được. Nước đã vào hầm tàu đến đâu rồi ? Tôi cũng chẳng biết, vì tôi không sao vận-dụng được tay bơm nặng quá sức của tôi.

Trong tình-trạng này, tàu Ô-Rê-Nóc còn cầm-cự được với sóng, với gió bao nhiêu lâu nữa ? Tất cả vấn-đề là ở điểm này.

Thế nào con tàu này cũng đắm. Tôi không còn nghi-ngờ gì nữa. Nhưng nó không đắm ngay tức khắc. Có thể một chiếc tàu khác trông thấy sẽ đến cứu. Tôi hy-vọng thế. Và nghĩ rằng tôi đã phấn-đấu được để thoát chết trong rương thì tôi còn phấn-đấu nữa chứ không chịu bỏ thân tôi.

Nhờ chút hiểu biết về nghề hàng-hải, tôi nhận thấy nếu cứ để con tàu quay-lô thế này không chóng thì chày thế nào nó cũng bị tan tành hoặc bị một trận sóng lớn là chìm. Tôi ra ngay mũi tàu điều-khiển lá buồm tam-giác cho con tàu dề sóng mà đi. Rồi tôi vào chỗ lái. Từ trước đến giờ, tôi chỉ được lái những chiếc thuyền con. Vì thế, tôi vừa để tay vào vòng vặn lái thì một con sóng giạt làm quay ngược vòng đó lại khiến tôi ngã bấn ra đến bốn năm bước.

May sao, mọi thứ đã được thủy-thủ chuẩn-bị để chống bão! cán tay lái đã gài sẵn dây hãm để bớt nguy. Lúc đó tôi không biết hướng nào phải đi vì tôi không biết chúng tôi đang ở chỗ nào, nên tôi buộc cán tay lái cho tàu theo chiều gió thổi.

Tôi hy-vọng may ra gặp được chiếc tàu nào đi qua chẳng. Tôi lên đài quan-sát cố phóng hết tầm con mắt ra khơi và bao-quát tất cả các điểm ở chân trời.

Bây giờ hình như gió bớt dữ. Ngày đã rõ và vòm trời cũng bớt âm-u. Thỉnh-thoảng, ở những khe giữa hai đám mây lóe ra một ánh-sáng xanh nhợt, mặc-dẫu biển vẫn động, tôi không nản lòng. Nếu ở gần bờ, tất nhiên phải có tàu trông thấy.

Trong ba tiếng đồng-hồ, tôi cứ trông về phía chân trời mà chẳng nhìn thấy gì. Gió dịu dần. Biển bớt động, nghĩa là những con sóng không hỗn-loạn như trước mà đi từng lớp đều đều khiến cho thân tàu đủ thì giờ lên xuống.

Chợt tôi nhìn thấy một điểm trắng trên nền đen của đám mây đang là là trên mặt biển. Điểm đó to dần, to hơn nữa: đó là một chiếc tàu. Nó đi xuôi gió, cùng chiều với tàu của tôi.

Tôi nhẩy lên tay lái vặn cho tàu của tôi xuyên ngang lối đi của chiếc tàu đó, nhưng ngán thay ! Chiếc tàu đó cỡ đủ các buồm lớn nhỏ mà tàu của tôi chỉ có mỗi một chiếc buồm con mà nó lại không bắt gió. Trong nửa tiếng đồng-hồ, tôi trông thấy nó rõ-

ràng, có thể đếm từng chiếc buồm một, nhưng rồi thấy nó cứ xa dần.

Tôi chạy đến chỗ dây chuông giật lia-lịa, rồi trèo ra bao lơn nhìn. Con tàu kia cứ nhỏ dần đi. Họ không trông thấy gì và cũng không nghe thấy gì cả. Họ đi thẳng đường của họ.

Thất vọng đau đớn, tôi nhìn theo chiếc tàu vô-tình kia đến hơn một tiếng đồng-hồ. Nó nhỏ dần, nhỏ dần, bằng một nét chấm, rồi mất hút. Tôi lại có một mình ở giữa biển mênh-mông.

Có tàu đi qua cũng chưa đủ, cần phải chính chiếc tàu đó trông thấy tàu mình mới được. Đợi người ta cứu mình cũng chưa đủ, cần phải sửa-soạn cho người ta dễ trông thấy mình, nghĩa là phải kéo họ đến với mình mới được.

Nghĩ thế, tôi liền tìm trong hộp dấu-hiệu, lấy ra một lá cờ to. Vì các cột cờ gãy hết, tôi phải trèo lên một cột buồm cao còn lại để treo cờ. Tàu trông-tránh khó leo quá. May sao tôi quen nghề khi làm xiếc, nên việc leo trèo không khó khăn mấy. Tôi đặt hết hy-vọng vào lá cờ đó. Nó sẽ báo cho các tàu đi qua biết : “có một chiếc tàu đang ngộ nạn !”.

Bây giờ biển im lặng rồi tôi lại lo đến những chỗ nước rò. Không thấy triệu-chứng gì tỏ ra là nước tiếp-tục rò vào trong tàu, vì thân tàu hình như không chìm xuống. Tuy nhiên, tôi vẫn phải đề-phòng, lỡ nó cứ đắm thì sao? Vì thế, tôi nhặt nhanh những tấm ván, những mảnh két và buộc vào với nhau thành một cái mảng con.

Trời gần trưa rồi. Từ hôm qua đến giờ tôi không ăn uống gì. Bụng tôi thấy cồn-cào. Các thứ trong nhà bếp đều bị gió cuốn xuống biển hết khi tàu bị gãy cột buồm. Tôi định xuống tầng dưới để kiếm cái ăn.

Tôi cứ ngập-ngừng mãi không dám đi: nếu tàu đắm trong khi tôi ở tầng dưới thì chạy sao kịp ? Nhưng cái đói đã thắng cái sợ.

Tôi xuống thang. Đi được hai bước thì nghe thấy tiếng gừ-gừ.

Tôi giật mình lùi lại. Con vật vừa kêu đó nhảy vọt ra trước mặt tôi. Đó là con chó – giống chó Thổ-nhĩ Kỳ – của viên Thuyền-trưởng bỏ quên lại. Nó cũng như tôi đã tự tìm cách để thoát khỏi cũi . Nó nhìn tôi, nhìn đi nhìn lại mãi với vẻ nghi-ngờ. Sau cùng có lẽ coi bộ tôi không phải là người hại nó, nên nó lại gần tôi và

nghech mũi lên. Lập tức chúng tôi thành đôi bạn. Nó theo chân tôi, vì nó cũng đói như tôi

Tôi tìm được tất cả những thứ tôi định tìm : bánh mì, thịt nguội, rượu vang. Vớ được thứ gì lấy thứ ấy cho mau rồi tôi lộn lên tầng trên ngay.

Có thể nói được rằng tôi chỉ còn cách cái chết có hai bước thôi thế mà tôi ăn vẫn thấy ngon lành. Con chó ngồi chực trước mặt tôi, chốc-chốc lại chạy theo miếng bánh tôi vớt xuống sàn.

Chúng tôi đã thân-thiết với nhau. Tôi không còn lẻ-loi nữa. Ăn xong, nó nằm dưới chân tôi. Nó nhìn tôi bằng đôi mắt trung-thành quá đến nỗi tôi phải ngồi xuống vuốt-ve nó

Khi đi ngang qua phòng Thuyền-Trưởng, tôi trông thấy mấy chiếc súng lục để trên bàn, tôi chạy vào lượm cả, phòng khi có chiếc tàu nào đi qua, những chiếc súng đó sẽ dùng làm vật báo hiệu.

Một ngày rờn-rã trôi không có một cánh buồm nào qua lại.

Biển bớt sóng mà gió cũng dịu nhiều : tàu Ô-Rê-Nốc hiện giờ vô sự, chắc là nước không rò vào được nữa. Tuy-nhiên, trời càng về tối, tôi càng thấy lo-lắng.

Hình như tàu chúng tôi không xa bờ biển lắm, may ra trong đêm tối, tôi sẽ nhìn thấy một ngọn Hải-đăng nào chẳng, lúc đó tôi chỉ có việc lái tàu vào là thoát nạn.

Đêm xuống đã lâu, mà hy-vọng của tôi chưa thấy thực-hiện.

Những ngôi sao lần-lượt lấp-lánh trên vòm trời sâu thẳm, còn ánh Hải-đăng tuyệt-nhiên không thấy đâu cả.

Nhân có đồng quần-áo vớt trong phòng Thuyền-trưởng, tôi lấy ra để làm đệm và nằm nghỉ một lúc, nhất định thức suốt đêm để dò-xét chân trời. Đã lâu mắt tôi dăm-dăm nhìn vào khoảng bóng tối xa-xăm nhưng không khám-phá được gì. Con chó nằm gần tôi ngủ đã lâu. Gió hiu-hiu và con tàu chỉ hơi lắc-lự, không có điều chi quẩn-ngại.

Đến 10 hay 11 giờ, mặt trăng lên chiếu rõ khoảng biển yên-lành, lung-linh phản-chiếu ánh trăng. Cảnh trời êm biển lặng đó lại thêm tiếng ngáy của con chó làm cho tôi thiu-thiu ngủ lúc nào không biết.

Nhưng biển yên-lặng không phải là hết bão. Đến gần sáng, hơi gió lạnh làm tôi thức dậy. Những đám mây đen ở đâu kéo đến bao trùm mặt biển. Và sóng lại bắt đầu nổi lên. Gió cũng thổi nhanh chóng quá. Tôi đi tìm địa-bàn, nó cho tôi biết gió đang thổi từ hướng Tây-bắc.

Tôi liền vịn tay lái cho tàu theo chiều gió, vì tuy tôi không biết lúc đó tôi đang ở chỗ nào, nhưng cứ theo chiều gió mà đi thì sẽ tới bờ biển Nóc-Măng-Đi hay bờ biển Bơ-Ta-Nhơ.

Một giờ sau, ba-đào nổi lên dữ-dội như hôm trước. Những lớp sóng bạc đầu quật vào tàu Ô-Rê-Nốc dồn-dập khiến nó không sao nổi lên được. Những ngọn nước tràn qua quét từ đầu đến cuối thân tàu.

Trước sức gió, cột buồm mũi lung-lay và kêu răng-rắc. Những dây chằng cũng nhão lả rồi. Tôi lo chỉ một trận gió lớn nữa là cột gãy.... Thế là hết. Con tàu sẽ đắm !

Mất tôi không rời cột buồm.

Chợt trước mặt tôi, xa-xa hiện ra một đường nâu-nâu kéo dài vô-tận. Mặc dầu trong lúc hiểm-nghèo, tôi leo lên dây cột buồm xem. Chính là đất rồi!!

Tôi chạy đến tay lái, lái tàu vào thẳng vết nâu trước mặt : hai chân tôi run-run vì sung-sướng, nước mắt tôi dàn-dụa ra. Thoát chết! Nhưng đã chắc chưa ?

Vết nâu mỗi lúc lại hiện rõ hơn. Tàu Ô-Rê-Nốc liệu có tới đó được chăng ? Cột buồm còn cầm-cự được đến lúc cuối cùng không ?

Tôi lo-lắng vô-cùng vì mỗi lúc gió nổi mạnh hơn. Cột buồm rên-xiết làm tôi đứt từng khúc ruột. Con chó ngồi trước mặt tôi, đôi mắt cứ trông vào tôi như để tìm hiểu tôi định làm gì.

Bờ biển này thấp. Bên trong rải-rác những đồi, không có bến, hoặc làng-mạc nào cả.

Hy-vọng của tôi như độc-giả đã biết không phải là đem tàu vào một hải-cảng, dù có hải-cảng trước mặt tôi, vì đó là một công-tác trên sức của tôi và trên cả sức của những người đi biển thiện-nghệ – tôi tin như thế – với con tàu ở trong tình-trạng này. Tôi chỉ mong sao đưa được con tàu vào một chỗ cạn rồi nhảy xuống bơi vào bờ để thoát chết thôi.

Nhưng liệu con tàu có vào được gần bãi không ? Dưới biển có những đá ngầm cản-trở không ?

Sự lo ngại đó khiến tôi gỡ hết ván gỗ ở cái mảng đã làm hôm qua ra và xếp chung quanh chỗ tôi. Nếu tàu đắm, tôi sẽ vớ lấy một tấm ván nhảy xuống biển. Xong tôi cởi áo, chỉ mặc một cái quần và đứng đợi.

Bờ biển hiện ra rất rõ-ràng. Tôi trông thấy cả lớp bọt sóng trắng xóa vỗ vào mép bãi: nước triều đang xuống.

Còn mười lăm phút nữa, còn mười phút nữa, còn năm phút nữa là tai qua nạn khỏi. Mẹ ơi! Diệp-Lan ơi!

Khi tôi đang mủi lòng nghĩ đến những người thân yêu bỗng ầm một tiếng, con tàu chồm lên, tay lái gãy phăng, chuông kêu lên mấy tiếng, cột buồm lão-đảo rồi gãy gập về phía trước. Tôi bị ngã sấp xuống sàn : tàu Ô-Rê-Nốc chạm đất.

Tôi bò dậy. Con tàu xô cái nữa, chuyển từ mũi đến lái, tôi lại ngã dúm xuống. Con tàu dừng lại và đổ nghiêng ra.

Tôi chưa kịp bò dậy thì một ngọn sóng lớn ập đến trùm lên tàu, cuốn luôn tôi ra ngoài và đưa vào một xoáy nước.

Khi tôi vùng vẫy bơi ra khỏi xoáy nước đó, thì tôi đã cách xa thân tàu chừng hai mươi mét. Cạnh tôi, con chó đang bơi, mắt đầy thất-vọng. Tôi lên tiếng để khuyến-khích nó. Chúng tôi chỉ còn cách bãi chừng hai trăm mét. Thời thường, quãng biển đó đối với tôi chẳng thấm vào đâu, nhưng với những núi nước đang ồ-ạt tấn công vào bãi như bây giờ thì việc vượt qua quả là vô-cùng nguy-hiểm.

Không mất can-đảm, tôi bình-tĩnh bơi và cố ngoi lên trên sóng. Tuy-nhiên trong những lớp sóng dồn-dập tung-tóe bọt trắng làm tối tăm mặt mũi, tìm cách thở được giữa hai làn sóng thực là một việc khó-klhăn.

Trên bãi không một bóng người, tôi không mong gì có người ra cứu vớt. May sao gió và sóng đều hướng yào bãi.

Một làn sóng lũng xuống, chân tôi chạm đất. Đây là giờ phút quyết định. Ai cũng biết sóng ở gần bãi, lúc dồn vào lúc rút ra rất mạnh. Một lớp sóng đưa tôi vào bãi như một đám rong. Tôi móc tay tôi xuống cát để giữ chỗ, nhưng khi nó rút, nó lại lôi cả tôi ra. Lớp sóng thứ hai lại đưa tôi vào, tôi lại bám xuống cát, nó lại kéo

tôi ra xa hơn nữa. Tôi nghĩ nếu tôi cứ tiếp tục chiến-đấu theo kiểu đó thì thế nào cũng chết đuối. Tôi lại bơi ra biển. Tôi chỉ có thể thoát chết bằng cách mà cha tôi nói đến ngày xưa. Trong lúc nghỉ bơi giữa hai làn sóng, tôi móc con dao ở túi quần và mở ra. Rồi tôi lại bơi vào bãi. Khi sóng ném tôi vào, tôi đâm sâu mũi dao xuống cát, khi nó lôi tôi ra, tôi cầm-cự được vì tôi đã có chỗ bám chắc-chắn. Cứ thế, tôi tiến vào dần. Đến chỗ nông, tôi bò dậy chạy cho nhanh. Khi tới bãi, bước được vài bước thì tôi nằm vật xuống cát.

Tôi thoát chết nhưng kiệt-lực và nằm bất tỉnh.

Chính con chó, bạn tôi liếm vào mặt tôi đã làm cho tôi tỉnh lại.

Mắt nó sáng lên, hình như muốn bảo :

– Hãy tươi lên ! Chúng ta thoát nạn rồi!

Tôi ngồi dậy nhìn chung quanh, thấy một người lính đoan cùng mấy người nhà quê đang chạy đến chỗ chúng tôi.

ROMAIN KALBRIS (Hector Malot)- VỀ VỚI GIA-ĐÌNH (Hà Mai Anh dịch)

Chương XIV **VỀ VỚI GIA-ĐÌNH**

TÀU Ô-Rê-Nốc đã đâm vào bãi phía đông mũi biển Lê-Vi cách Hải-cảng Sec-Bua bốn năm dặm.

Những người dân quê bế tôi về làng Phê-Năng gần đó và đưa vào nhà một vị Linh-Mục.

Tôi vừa bị mệt vừa bị xúc-động nhiều quá nên ngủ mê-man trong hơn hai mươi tiếng đồng-hồ không dậy. Nếu không có ông Giám-Đốc Hải-quân và nhân-viên hăng Bảo-hiểm đến làm phiền chúng tôi thì tôi tưởng tôi và con chó của tôi sẽ ngủ một giấc trăm năm như ả “Hằng-Nga ngủ ở trong rừng” ngày xưa. Tôi phải ra trình-diện các vị nói trên và kể lại những sự việc đã xảy ra từ khi tàu Ô-Rê-Nốc khởi-hành từ Hao-Cảng đến khi dạt vào bãi Lê-Vi. Tôi cũng phải khai tại sao tôi phải lẫn trốn trong rương và trước khi nói ra tôi rất sợ hãi. Nhưng tôi nghĩ phải thú hết sự thực, đúng sự thực dù có xảy ra sao cũng đành. Việc có xảy ra là tôi bị giao về Hao-Cảng cho ông chủ tàu Ô-Rê-Nốc. Ba hôm sau, người ta cho tôi xuống tàu và ngay chiều hôm đó thì tới Hao-Cảng.

Chuyện của tôi ở đây ai cũng biết rồi, vì các nhật-báo đều đăng tin cả. Tôi nghiệm-nhiên thành một người anh- hùng hay nói cho đúng là một quái-vật để thỏa-mãn tính tò-mò của công-chúng. Khi tôi bước ra đầu thang tàu, tôi thấy không biết cơ-man nào là người đứng chực trên bến. Họ chỉ vào tôi và con chó của tôi và nói:

– Nó đấy! Nó đấy! cả con chó nữa đấy!

Đến Hao-Cảng, tôi mới biết những thủy-thủ tàu Ô-Rê-Nốc không chết, họ được một chiếc tàu Anh cứu thoát rồi một chiếc tàu khác đã đưa họ hồi hương. Còn anh Hê-Man, anh đã bị bắn xuống biển ngay lúc hai tàu đâm vào nhau. Hoặc anh không biết bơi, hoặc anh bị cột buồm đè phải và bị cuốn cả xuống biển nên mất tích. Vì thế, anh mới không trở lại mở rương cho tôi ra.

Chuyện của tôi hình như là một chứng-cứ tai-hại cho ông Thuyền-Trưởng:

Hãng Bảo-hiểm nói rằng nếu ông này không chạy sớm, ông ta có thể cứu được con tàu, vì một đứa trẻ con có thể đưa được nó vào bãi thì cả đoàn thủy-thủ tất có thể đưa nó vào hải-cảng được. Ở Hao-Cảng chỗ nào người ta cũng bàn-tán về việc này, cãi nhau về việc này. Tôi đi đến chỗ nào người ta cũng túm lại hỏi tôi. Bấy giờ, một rạp hát trong thành phố diễn kịch “Vụ đắm tàu Mê-Duy” ông chủ rạp có hảo-ý là đưa tôi vào đóng một vai phụ trong chuyện đó và số tiền thu được bao nhiêu sẽ giúp cho tôi. Rạp đông đến nỗi phải đóng cửa lại không bán vé nữa. Người ta cho tôi đóng vai một ấu-thủy-quân chỉ ra sân khấu làm cảnh và không phải nói gì. Khi tôi bước ra với con chó của tôi, tất cả những vai chính đều phải ngừng hát vì cả rạp hoan-hô và vỗ tay như sấm. Tất cả những ống nhòm đều chĩa về tôi. Tôi đại-dột tưởng mình là vai chính. Con chó của tôi có lẽ cũng nghĩ như tôi.

Khi giải tán, ông chủ trừ tiền phí tổn, tất nhiên ông trừ một cách rất rộng-rãi, phần tôi còn được 200 phật-lăng. Vì còn nhiều khách muốn xem, nên ông chủ diễn 8 xuất liên, mỗi xuất sau này ông chủ chỉ cho tôi 5 phật-lăng. Tổng cộng tôi được tất cả 240 phật-lăng, là một tài-sản lớn đối với tôi.

Tôi định trích ra một phần tiền để sắm bộ đồ thật tốt để xin vào làm tàu biển. Vì lòng ham đi biển và nhất là sự sợ hãi chú tôi làm cho tôi tự chống lại việc trở về quê.

Bị bỏ rơi trong tàu Ô-Rê-Nốc, bị lăn lên lộn xuống vì gió táp, bị ném vút trên bãi cát, nghĩa là bị thập tử nhất sinh, tôi thú thật rằng lòng tôi đã buồn lắm và tôi thấy số-phận những người sống yên lành dưới mái nhà của họ trên đất thực đáng thèm muốn hơn số-phận những người đi biển nhiều. Nhưng khi tôi đứng vững được rồi, những nỗi buồn lo bỗng dưng tiêu-tan khác nào như những giọt nước biển thấm vào quần-áo tôi khi gặp ánh nắng mặt trời bốc đi hết cả. Vì thế khi tái hồi Hao-Cảng, tôi chỉ nghĩ đến việc đi tìm một chiếc tàu để xin làm chân tập việc. Ông chủ tàu Ô-Rê-Nốc sẵn lòng tuyển mộ tôi vào làm cho tàu A-Ma-

Dôn. Số tiền trong buổi trình-diễn đến vừa kịp thời để giúp tôi sắm các thứ cần-thiết cho việc đăng-ký làm thủy-thủ của tôi. Ngày tôi gặp anh Hệ-Man xấu số, anh đã đưa tôi – chắc quý vị độc-giả còn nhớ – về ở nhà trọ của anh. Đó là một căn buồng tối tăm, ở trong cùng một cái sân ở bến Quân-trại. Tôi tìm đến nơi đó. Bà chủ bằng lòng cho tôi thuê lại. Tuy-nhiên bà bảo tôi bà không thể nấu ăn cho tôi được vì bà ốm. Nhưng điều đó không cần cho tôi lắm. Vì vấn đề ăn, tôi cho là việc phụ hay là việc không đáng kể từ khi tôi chắc đã có bánh ăn.

Bà chủ nhà rất tử-tế và có lòng thương người nên tôi lại nhớ đến mẹ tôi. Bà góa chồng, hãy còn trẻ, có một con trai lớn hơn tôi hai tuổi. Anh này làm tàu biển và đi sang Ấn-Độ đã tám tháng rồi. Hiện có tin tàu của anh, tàu Na-Tri, nay mai sẽ về tới Hao-Cảng. Cảnh của bà hơi giống cảnh mẹ tôi, nhưng tâm tính của bà thì giống hệt như mẹ tôi nghĩa là bà không muốn cho con đi biển. Chồng bà mắc bệnh hoàng-đản và mất ở nước ngoài, vì thế lúc nào bà cũng lo-lắng và nhớ con. Bà chỉ mong sau chuyến đi thứ nhất này, con bà thấy vất-vả sẽ chán nghề đi biển và ở nhà với bà.

Bà nóng ruột quá. Mỗi lần tôi ở bến về, vì tôi thường ra bến cả ngày, bà lại hỏi :

– Thời-tiết thế nào ? Gió chiều nào ? Có nhiều tàu về không ? Hành-trình từ Ấn-Độ về Pháp xa lắm, nên ngày về thất thường. Tàu Na-Tri có thể tới nơi, hôm nay hay ngày mai, mà cũng có thể tới nơi trong nửa tháng hay một tháng nữa không biết chừng.

Tôi ở nhà bà đã gần một tuần-lễ, bệnh bà thấy mỗi ngày một nặng thêm. Những bà con đến thăm cho tôi biết bệnh bà trầm-trọng lắm và bác- sĩ đã chê rồi. Thực vậy mỗi ngày bà một yếu, một xanh đi và nói không ra tiếng. Mỗi khi tôi vào buồng bà để báo tin thời-tiết, thấy bà nằm liệt trên giường mà tôi ái-ngại. Sau trận bão tai hại vừa qua thì tiết trời lại đẹp hơn bao giờ hết. Biển yên lặng như những ngày mùa hạ mà có phần êm-lặng hơn nữa.

Sự êm-lặng đó làm bà thất vọng. Mỗi lần tôi nhắc lại câu đã nói hôm trước “ không có gió”, bà lại lắc đầu đau-đớn:

– Trời độc-địa quá ! Tôi sẽ không được nhìn mặt con tôi !
Bà con hàng xóm khuyên bà không nên nghĩ quẩn và đem những câu người ta thường nói đối người ốm để an-ủi bà, nhưng bà không chịu và cứ lải-nhải :

– Nhất-định tôi không được nhìn mặt con tôi !

Mắt bà đầm lệ làm cho mọi người muốn khóc. Tôi không rõ bệnh-tình bà thế nào, nhưng nghe người ta nói thì bà không sao sống được nữa. Nên tôi cứ phải hỏi dò ở ngoài trước rồi mới dám bước vào phòng thăm bà.

Một buổi sáng, hôm đó là thứ ba, tôi ở bến về ăn cơm. Khi qua phòng bà, tôi hỏi nhỏ bà hàng xóm như thường-lệ. Bà này bảo :

– Sáng nay bác-sĩ đã đến.

– Bác-sĩ bảo sao ?

– Bác-sĩ bảo bà ấy không sống qua ngày hôm nay.

Tôi không dám vào thăm bà. Tôi liên tục giấy, đi chân không để khỏi làm động. Nhưng khi tôi đi qua cửa, bà nghe tiếng bước của tôi, bà gọi yếu ớt:

– Do-Mạnh!

Tôi chạy vào thấy người em gái bà đang săn sóc bà. Bà này ra hiệu bảo tôi ngồi xuống, nhưng bệnh-nhân gọi tôi đến bên giường. Bà nhìn tôi, tôi hiểu ngay và nói :

– Trời vẫn thế.

– Không có gió ?

– Không

– Có tàu nào về ?

– Có tàu Lít-Bon, tàu Sông-Xen, còn toàn thuyền đánh cá.

Tôi nói vừa hết câu, bỗng cửa mở mạnh, chồng bà em gái, làm thợ ở bến tàu vào. Ông ta có vẻ bối-rối. Ông nói:

– Tàu Lít-Bon đã về.

– Phải, Do-Mạnh vừa nói.

Bệnh nhân trả lời một cách chán-nản. Đồng-thời, bà nhìn thẳng vào mắt ông kia vì mặt ông có vẻ bất thường và hỏi :

– Trời ơi! Gì nữa ?

– Vâng, phải, có một tin nữa... là tàu Lít-Bon có gặp tàu Na-Tri ở cù-lao Sanh, bình yên cả.

Lúc đó, bà nằm thẳng trên giường, da xanh nhợt và hết sinh-khí, người ta tưởng bà sắp chết. Nhưng không, bà chống tay nhôm dậy, nói :

– Trời ơi ! Trời ơi !

Mắt bà đã mờ bây giờ sáng hẳn lên. Và mặt bà đỏ bừng lên.

Bà hỏi từ đảo Sanh đến Hao-Cảng, tàu Na-Tri phải đi hết bao lâu ? Thực là khó trả lời : hai ngày nếu thuận gió, sáu ngày, tám ngày nếu không có gió. Tàu Lít-Bon đi mất 30 tiếng đồng-hồ thì tàu Na-Tri ngày mai có thể tới bến.

Bà sai người đi gọi bác-sĩ, bà nói :

– Tôi cố sống đến lúc đó. Tôi không muốn chết mà không được trông thấy con tôi.

Sức khỏe, trí-khôn và nghị-lực đã hoàn lại trong người bà. Bác-sĩ thấy thế cũng phải ngạc-nhiên.

Nhà bà là thứ nhà của những người nghèo. Căn mà bà đang nằm vừa dùng làm bếp, vừa dùng làm buồng ngủ.

Sau nửa tháng chủ-nhân nằm bệnh, cửa nhà bừa bãi đó là sự thường : nào chai lọ, nào ấm, chén và trăm thứ lặt vặt để ngổn-ngang và đầy bụi bặm. Nói đúng ra thì bệnh-nhân không có người trông nom thường-trực vì chỉ có những bạn bè, những hàng-xóm và người em gái, họ đến giúp đỡ vài giờ rồi ai lại về nhà nấy, kể bận việc nhà, người bận trông con.

Bà nhờ chúng tôi quét dọn, xếp-đặt cho căn buồng được ngăn nắp và sạch-sẽ. Bà cũng bảo mở cửa sổ ra, bà em gái sợ gió lạnh không nghe, bà kêu nài :

– Không việc gì cho tôi đâu. Cứ mở ra. Tôi không muốn cho con tôi khi về thấy mùi bệnh tật.

Con bà bao giờ về ? Thời-tiết không thay đổi. Trời vẫn yên, không một luồng gió nhỏ thì tàu Na-Tri tiến nhanh làm sao được !

Trong những thương-cảng, người ta thường có lệ niêm-yết những tàu sắp tới. Nhưng ở Hao-Cảng thì tin-tức phải lấy ở mũi Hiên về rồi người ta mới yết-thị cho công-chúng biết. Bà nhờ tôi việc xem giúp yết-thị. Tôi vui lòng nhận ngay. Cứ mỗi giờ tôi lại đi từ bến Quân-trại đến phố Óc-Lê-Ăng vào hăng Bảo-hiểm đọc yết-thị.

Trời vẫn yên, nên chưa có một con tàu nào về. Mọi tàu đều đỗ ở cửa biển Măng cả.

Tuy-nhiên bà không nản lòng. Trời sắp tối, bà nhờ chúng tôi khiêng giường bà đến cạnh cửa sổ để nhìn cái chong-chóng chỉ gió ở nóc nhà đối-diện, vì bà biết gió sắp lên. Nếu là lúc thường thì chúng tôi đã phì cười vì trong đêm trăng, cái chong-chóng hiện rõ hình đen trên nền trời xanh, đứng trơ như bị gắn chặt vào đầu trụ.

Đêm đó, bà em gái ở lại săn-sóc bệnh-nhân. Bà giục tôi đi ngủ. Nửa đêm, những tiếng kèn-kẹt lạ tai làm tôi thức dậy. Thì ra tiếng chong-chóng quay và xiết mạnh vào thân sắt : gió đã lên. Sáng dậy, tôi chạy ra biển. Biển bắt đầu rào-rạt. Gió bắc thổi về mát lạnh. Một người lính đoan trông chiều trời và nói chuyện với tôi rằng gió còn to và sắp đổi sang gió tây.

Tôi về nhà báo tin mừng cho bà biết vì gió tây sẽ thuận chiều cho tàu Na-Tri và chỉ nội nhật hôm nay là về tới bến thôi.

Bà nói :

– Em có thấy chẳng ? Ta nói phải chứ ? Ta biết thể nào gió cũng lên. Lạy trời ! Cho mẹ con tôi gặp nhau.

Bà em gái kể lại rằng suốt đêm bệnh-nhân không ngủ, nằm thẳng đờ,, mắt dán vào cánh chong-chóng và cứ hỏi đi hỏi lại một câu :

– Máy giờ nước biển lên ?

Bà muốn uống chút rượu vang. Bác-sĩ đã dặn bà muốn đòi gì thì cứ cho bà dùng. Nhưng bà chỉ nhấp được một chút thôi vì bà đuối sức lắm rồi, bà thở hển-hển khó-khăn.

Bà nói :

– Nó nuôi sức tôi đến lúc đó.

Rồi hai con mắt bà lại trông về phía cây chỉ gió. Bà không nói nữa. Thỉnh-thoảng lại lẩm-bẩm :

– Giang, con ơi !

Giang là tên con trai bà.

Khi trời tờ-mờ sáng, bà gọi tôi lại cạnh giường bảo :

– Em đến hàng thịt mua giúp tôi ba cân thịt bò ngon và một bắp cải nữa.

Bà em gái ngăn lại :

– Bắp cải, chị ăn sao được ?

– Không. Đó là mua cho thằng Giang. Nó thích ăn những thứ đó lắm. Đã lâu, chắc nó không được ăn. Tiền đây.

Bà khó-nhọc thò tay xuống dưới gối kéo ra một đồng 100 xu, đưa cho tôi. 7 giờ sáng, bác-sĩ đến, xem mạch lại và tuyên-bố rằng bác-sĩ chưa bao giờ trông thấy cái nghị-lực của con người lại chống được với cái chết như trường-hợp này. Bây giờ bệnh-nhân chỉ sống bằng ý-lực và hy-vọng thôi. Bà đã sống được đến giờ phút này, tất bà có thể sống đến hết ngày hôm nay, đến lúc nước triều xuống chẳng hạn.

Đến giờ công-sở mở cửa, tôi ra phố Óc-Lê-Ăng. Nhiều tàu có tên trong yết-thị, mà tàu Na-Tri thì không. Từ 8 giờ sáng, đến 3 giờ chiều tôi phải đi lại đến 20 lần để dò tin- tức. Sau cùng, đến 3 giờ, tôi đọc trên yết-thị : Tàu Na-Tri, ở Can-quít-ta về.

Tôi vội-vã về báo tin mừng vì bệnh-nhân xem ra mỗi lúc một đuối dần. Cái thất-vọng không thấy con về lúc nước triều dâng buổi sáng làm cho bà suy-tổn rất nhiều. Được tin tàu Na-Tri về, thần-sắc bà sáng hẳn lên. Bà hỏi:

– Máy giờ nước lên ?

– Sáu giờ.

– Tôi có thể đợi được đến lúc đó. Cho tôi chút rượu.

Tôi ra bờ đập xem. Ngoài khơi có hơn hai mươi chiếc tàu bỏ neo đợi nước triều lên để vào bến.

Đúng 4 giờ, những tàu nhẹ bắt đầu vào trước, còn tàu Na-Tri trọng-tải nhiều, nên đến 5 giờ mới vào được bến.

Tôi chạy một mạch về nhà, chưa kịp nói, bà đã hỏi :

– Về rồi ?

– Vâng, tàu đang vào bến.

Bà bảo em gái :

– Đỡ tôi dậy.

Bà em gái đỡ bà ngồi tựa vào những chiếc gối. Mắt bà còn sáng, nhưng môi bà đã nhợt-nhạt rồi.

Mười lăm phút sau, có tiếng chạy ở ngoài, con bà đã về. Bà cố ngồi dậy để ôm con vào lòng. Hai mẹ con đều khóc.

Đúng như lời bác-sĩ tiên đoán, bà tắt thở ngay đêm hôm ấy khoảng 11 giờ, lúc nước triều xuống sau khi đã trời-trăng với

người con yêu dấu.

Lòng thất-vọng của một người mẹ xa con, sức phấn-đấu với tử-thần, tình mẫu-tử và cái chết của một người mẹ đã gieo vào lòng tôi một cái gì mà những lời khấn-khoản của Diệp-Lan và cái nạn đắm tàu Ô-Rê-Nốc đã không làm được.

Mẹ tôi có thể rồi cũng sẽ chết không trông thấy tôi. Là lần đầu tiên trong đời tôi mà tôi trông thấy, tôi cảm thấy viễn-ảnh đó. Suốt đêm tôi không ngủ được. Ý-nghĩ đó làm tôi nghẹn-ngào, khó thở. Tàu A-Ma-Dôn tám ngày nữa thì khởi hành. Tàu Hồng-Lư năm giờ sáng nay sẽ nhổ neo. Ốc phiêu-lưu và sự sợ chú tôi đã đưa tôi xuống tàu biển, nhưng tình thương mẹ đã kéo tôi trở về Thiên-Cảng. Tôi cứ về, chú tôi sẽ không ăn thịt được tôi. Tôi đã chống được cái đói, cái rét, chống được phong-ba, thì với lòng can-đảm, tôi cũng sẽ có thể chống lại ông chú ác-nghiệt. Mẹ tôi không muốn cho tôi đi biển, là vì mẹ tôi có quyền giữ tôi. Hỏi tôi có quyền trốn đi, không có sự thỏa-thuận của mẹ tôi không ? Không biết mẹ tôi có ghét tôi khi tôi trở về không ? Và nếu tôi không trở về thì ai là người săn-sóc mẹ tôi khi người già-yếu không làm lụng được ?

Đồng-hồ đánh 4 giờ, tôi trở dậy thu-xếp quần-áo. Bốn giờ rưỡi, tôi xuống tàu Hồng-Lư. Năm giờ tàu rời Hao-Cảng. Và ba mươi sáu giờ sau, vào lúc hoàng-hôn thì tôi trông thấy những ngôi nhà thứ nhất của làng tôi.

Tàu đến bến, tôi theo con đường tắt trên bãi hoang, tức là con đường dạo trước tôi về với Diệp-Lan. Nhưng đã sang mùa, con đường trông khác hẳn. Cỏ lên xanh, những ngọn kim-tước nở hoa. Trong đám rêu ở đáy hào, những cây đồng-thảo lá xanh chen hoa tím. Từ dưới đất, từ trên cành, sau một ngày nóng-nực, một mùi hương thoang-thoảng đưa lên làm nở ngang lá phổi và khoan-khoái tinh-thần.

Không bao giờ tôi thấy mình được sung-sướng và vui-vẻ như ngày hôm nay. Tôi sắp trông thấy mẹ tôi.

Tôi nhẩy qua hào sang bờ giậu. Cách tôi chừng hai mươi bước, Diệp-Lan đang gỡ những mùi-xoa phơi trên dây.

– Diệp-Lan !

Nàng quay lại nhưng không trông thấy tôi, vì tôi nấp ngoài giậu cây.

Tôi nhìn thấy nàng vận quần-áo tang.

Sao lại để tang ? Để tang ai ? Tôi hỏi luôn :

– Má đâu ?

Diệp-Lan ngơ-ngác chưa kịp trả lời thì mẹ tôi hiện ra trên thềm, tôi mừng quá. Nhưng phía sau mẹ tôi lại hiện ra một ông già râu bạc và dài, ông Biên-Gia. Ông đã chết rồi, sao lại có đây? Mắt tôi mờ lại : Hay là hai bóng ma?

Ngay lúc đó, ông Biên-Gia hỏi:

– Diệp-Lan ! Gì thế ?

Ông Biên-Gia nói được, thế thì ông còn sống. Tôi không nghi-ngờ nữa. Tôi xé giậu len qua đám kim-tước vào sân :

– Mẹ ơi !

Tôi giơ mũ lên cho mọi người nhìn rõ và chạy lại ôm sầm lấy chân mẹ, tôi gục đầu vào lòng mẹ tôi như ngày còn thơ.

Mối xúc-động đã yên, tôi kể lại chuyện phiêu-lưu của tôi sau ngày từ-biệt Diệp-Lan.

Nhưng tôi nóng biết tại sao ông Biên-Gia đã chết rồi sống lại mà đứng trước mặt chúng tôi được, nên tôi chỉ nói vắn-tắt chuyện của tôi bằng mấy câu.

Chuyện ông Biên-Gia rất giản dị.

Khi thuyền ông ở đảo Rinh về thì gặp bão, thuyền đắm ông bám được tấm gỗ. Ông đang bập-bênh giữa biển thì gặp một chiếc tàu Mỹ ba-buồm từ Hao-Cảng về Cựu- kim-Sơn. Vị đó lại không muốn đuổi ông lên bất cứ một bến của nước nào và đợi khi gặp tàu Pháp sẽ giao trả ông về quê hương. Vì thế, ông bắt buộc phải theo tàu Mỹ về Ca-li-phóc-Ni. Cuộc hành trình này dài tới năm, sáu tháng. Đi đường không gặp chiếc tàu Pháp nào nên khi qua Hải-giác-ôn, ông Biên-Gia có gửi cho chúng tôi một bức thư và bỏ vào thùng thư mà những người đi biển đặt ở Hỏa-Đảo.

Nhưng lá thư đó không bao giờ đến nơi. Đến Cựu-kim-Sơn, ông phải đi xuyên nước Mỹ qua những đồng cỏ bao-la và đã trở về Pháp được hai tháng nay.

Tôi không làm lính thủy.

Bác tôi ở Ấn-Độ mới mất, vì thế gia-đình tôi phải để tang. Bác tôi để lại một gia-tài lớn cho chúng tôi và chú tôi, nhờ đó chúng tôi trở nên sung-túc.

Ông Biên-Gia lại muốn đưa tôi về Hòn-Gianh để tiếp-tục việc giáo-dục cho tôi. Còn Diệp-Lan, mẹ tôi cho vào học tại một trường có ký-túc-xá.

Muốn biết nàng đã hưởng-thụ một nền giáo-dục lương-hảo thế nào, muốn biết nàng đã trở nên một người vợ đảm, một người mẹ hiền, xin quý-vị hãy để ý xem xét nàng lát nữa sẽ trở về với hai con nhỏ – con chúng tôi – một trai và một gái. Chúng yêu ông Biên-Gia như ông nội. Ngày nào chúng cũng đến Hòn-Gianh để thăm ông.

Chính tôi, tôi không đi biển nhưng tôi vẫn thích những cái gì dính-dáng đến nghề đi biển. Trong số 30 chiếc tàu ở Thiên-Cảng hàng năm được trang-bị để đi đánh cá tại đảo Tân-địa, thì 6 chiếc thuộc về tôi. Mẹ tôi vẫn ở Thiên-Cảng và vẫn ở ngôi nhà cũ của cha tôi để lại. Tôi đã sửa lại hai lần cái mui tàu cũ ở cạnh nhà tôi để giữ nguyên cảnh sắc ngày xưa. Bức họa mà quý vị nhìn kia chính là hình-ảnh ngôi nhà chúng tôi. Đây là do tay họa-sĩ hay “họa-sĩ” Lư-Sinh vẽ. Họa-sĩ trở nên bạn thân của gia-đình chúng tôi. Mỗi năm, họa-sĩ về nghỉ hè hai tháng ở nhà chúng tôi. Họa-sĩ đã cố sức, mà không sao tìm trong vùng được một người cảnh-sát để bắt họa-sĩ.

Ông Biên-Gia năm nay đã 92 tuổi. Tuổi-tác không làm cho ông kém sức-khỏe hoặc kém sáng- suốt. Lưng ông hơi còng, nhưng lòng ông vẫn trẻ và tốt. Cây ông trồng đã mọc xanh-tốt và trên cù-lao Gianh, về phía ít gió, cây-cỏ rậm như rừng, về phía tây, ông vẫn nuôi cừu đen và nguyên một giống bò và thỏ như ngày xưa. Những con hải-âu vẫn đến bay lượn trên hòn đảo.

Đành rằng cái gia-tài của bác tôi để lại đã đến đúng lúc với chúng tôi, nhưng nếu không có ông Biên-Gia, không có những bài học của ông, không có tấm gương sáng của ông, không có sự chăm-nom của ông, không có sự chỉ dẫn của ông thì hôm nay tôi chỉ là một anh trọc-phú quê-mùa không hơn không kém, vì *tiền của không đào-tạo nên con người.*

Nếu câu nói trên cần có căn-cứ thì cái gương của chú Xi-Mông tôi hãy còn sờ-sờ kia dùng để chứng-minh được.

Gia-tài của bác tôi để lại thêm vào vốn của mình, số tiền lớn đó đã làm chú tôi cuống-cuồng lên. Chú tôi giàu to rồi không cần bóc-lột những dân quê nữa, vì lợi-tức không được mấy. Chú tôi đâm vào những công-cuộc đầu-cơ lớn-lao. Nhưng ở đây, có nhiều người dóc-tổ và giảo-quyệt hơn chú tôi nên không được mấy năm, những bạn công-ty với chú tôi đã làm cho chú tôi khánh-kiệt gia-tài, đến nỗi chú tôi đã phải bán hết gia-sản : nào phòng chạy việc, nào nhà ở Đôn, một dinh-cơ chú tôi đã tốn bao nhiêu mồ-hôi nước mắt để gây dựng lên, thế mà còn thiếu một vạn phạt-lãng nữa mới đủ trang-trải hết nợ.

May sao lúc đó, tôi vừa đúng 18 tuổi, pháp-luật cho tôi quyền sử-dụng số tiền của bác tôi đã chia cho. Theo lời khuyên của mẹ tôi, tôi muốn giúp đỡ chú tôi trong lúc thất-cơ lỡ-vận. Nhưng chú tôi không nhận lời đề-nghị của tôi. Sau tôi phải giấu chú tôi, trả hết các chủ nợ. Được tin đó, chú tôi chạy đến và mắng tôi một mẻ thậm-tệ :

– Đồ ngu ! Có tiền không biết dùng !

Hiện giờ tôi vẫn trợ-cấp cho chú tôi, nhưng trợ-cấp bằng một cách gián-tiếp. Thoạt tiên, tôi dành mỗi năm cho chú tôi một món tiền để di-dưỡng tuổi già. Không bao lâu, người ta cho chúng tôi biết đáng lẽ dùng tiền đó để ăn thì chú tôi nhịn ăn đói để tiền cho vay lãi và buôn những đồ cũ. Vì thế, bây giờ chúng tôi nhờ vả trả tiền một người bà con rất tử-tế nhận nuôi chú tôi. Tôi đã giữ cẩn-thận thế mà chú tôi vẫn còn chịu thiếu thốn để ký-cóp tiền : chú tôi bán những bộ quần-áo mới của chúng tôi may cho và chỉ mặc quần-áo rách.

Khi chúng tôi than-trách thì chú tôi bảo chúng tôi hoang-phí lắm, có ngày hết nghiệp và lúc đó, chúng tôi mới sung-sướng thấy món tiền mà chú tôi đã khôn-ngan dành-dựm.

Saigon, ngày 2-5-1960

HÀ MAI ANH